**Tuần 1** Ngày soạn: 12/ 8/2017

**Tiết 1** Ngày dạy: 23/ 8/2017

**ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ THỂ SỐNG - NHIỆM VỤ CỦA SINH HỌC**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

1. Kiến thức :- Học được những đặc điểm chủ yếu của cơ thể sống: trao đổi chất, lớn lên, vận động, sinh sản, cảm ứng.

- Nêu được một vài VD cho thấy sự đa dạng của sinh vật cùng với những mặt lợi, hại của chúng. Kể tên được bốn nhóm sinh vật chính.

- Nêu được nhiệm vụ của sinh học nói chung và thực vật học nói riêng.

- Hiểu được nhiệm vụ của sinh học và thực vật học từ đó thấy được tầm quan trọng của việc sử dụng hợp lí, bảo vệ, phát triển, và cải tạo chúng.

2. Kỹ năng : Rèn kĩ năng tìm hiểu đời sống hoạt động của sinh vật, kĩ năng so sánh.

3. Thái độ : Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, yêu thích môn học.

4. Phát triển năng lực học sinh :

- Nhận biết đặc điểm của một cơ thể sống để phân biệt với cơ thể không sống.

- Vận dụng kiến thức vào thực tế để bảo vệ môi trường và sinh vật

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- Tranh ảnh về một vài nhóm sinh vật

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm….

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh ( 2 ph)**

**III. Dạy học bài mới( 38 ph)**

***1: Đặc điểm của cơ thể sống***

***1.1. Nhận dạng vật sống và vật không sống***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| GV cho học sinh kể tên một số; cây, con, đồ vật ở xung quanh rồi chọn 1 cây, con, đồ vật đại diện để quan sát.  - GV yêu cầu học sinh trao đổi nhóm (4 người hay 2 người) theo câu hỏi.  - Con gà, cây đậu cần điều kiện gì để sống?  - Cái bàn có cần những điều kiện giống như con gà và cây đậu để tồn tại không?  *- Sau một thời gian chăm sóc đối tượng nào tăng kích thước và đối tượng nào không tăng kích thước?*  - GV chữa bài bằng cách gọi HS trả lời.  - GV cho HS tìm thêm một số ví dụ về vật sống và vật không sống.  - GV yêu cầu HS rút ra kết luận. | - HS tìm những sinh vật gần với đời sống như: cây nhãn, cây cải, cây đậu... con gà, con lợn ... cái bàn, ghế.  - Chọn đại diện: con gà, cây đậu, cái bàn.  - Trong nhóm cử 1 người ghi lại những ý kiến trao đổi, thống nhất ý kiến của nhóm.  - Yêu cầu thấy được con gà và cây đậu được chăm sóc lớn lên còn cái bàn không thay đổi.  - Đại diện nhóm trình bày ý kiến, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lấy thêm một số ví dụ minh hoạ, rồi tự rút ra KL |

***Kết luận:***

- Vật sống: lấy thức ăn, nước uống, lớn lên, sinh sản.

- Vật không sống: không lấy thức ăn, không lớn lên, không sinh sản

***1.2. Đặc điểm của cơ thể sống***

|  |  |
| --- | --- |
| - GV cho HS quan sát bảng SGK trang 6, GV giải thích tiêu đề của cột 2 và cột 6 và 7.  - GV yêu cầu HS hoạt động độc lập, GV kẻ bảng SGK vào bảng phụ.  - GV chữa bài bằng cách gọi HS trả lời, GV nhận xét.  - GV hỏi:- *qua bảng so sánh hãy cho biết đặc điểm của cơ thể sống?* | - HS quan sát bảng SGK chú ý cột 6 và 7.  - HS hoàn thành bảng SGK trang 6.  - 1 HS lên bảng ghi kết quả của mình vào bảng của GV, HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  - HS ghi tiếp các VD khác vào bảng. |

***Kết luận:***

- Đặc điểm của cơ thể sống là:

+ Trao đổi chất với môi trường.

+ Lớn lên, vận động, sinh sản. và cảm ứng.

***2: Nhiệm vụ của sinh học***

***2.1. Sinh vật trong tự nhiên***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV: yêu cầu HS làm bài tập mục ▽ trang 7 SGK.  *- Qua bảng thống kê em có nhận xét về thế giới sinh vật?* (gợi ý: Nhận xét về nơi sống, kích thước? Vai trò đối với người? ...  *- Sự phong phú về môi trường sống, kích thước, khả năng di chuyển của sinh vật nói lên điều gì?*  - Hãy quan sát lại bảng thống kê có thể chia thế giới sinh vật thành mấy nhóm?  - HS có thể khó xếp nấm vào nhóm nào, GV cho HS nghiên cứu thông tin SGK trang 8, kết hợp với quan sát hình 2.1 SGK trang 8.  *- Thông tin đó cho em biết điều gì?*  *- Khi phân chia sinh vật thành 4 nhóm, người ta dựa vào những đặc điểm nào?*  ( Gợi ý:  + Động vật: di chuyển  + Thực vật: có màu xanh  + Nấm: không có màu xanh (lá)  + Vi sinh vật: vô cùng nhỏ bé). | ***a. Sự đa dạng của thế giới sinh vật***  - HS hoàn thành bảng thống kê trang 7 SGK (ghi tiếp 1 số cây, con khác).  - Nhận xét theo cột dọc, bổ sung có hoàn chỉnh phần nhận xét.  Trao đổi trong nhóm để rút ra kết luận: sinh vật đa dạng.  ***b. Các nhóm sinh vật***  - HS xếp loại riêng những ví dụ thuộc động vật hay thực vật.  - HS nghiên cứu độc lập nội dung trong thông tin.  - Nhận xét; sinh vật trong tự nhiên được chia thành 4 nhóm lớn: vi sinh vật, nấm, thực vật và động vật.  - HS khác nhắc lại kết luận này để cả lớp cùng ghi nhớ. |

***Kết luận:***

a. Sinh vật trong tự nhiên rất đa dạng và phong phú

b. - Sinh vật trong tự nhiên được chia thành 4 nhóm lớn: vi sinh vật, nấm, thực

- Sinh vật trong tự nhiên được chia thành

4 nhóm lớn: vi sinh vật, nấm, thực vật và động vật.

***2.2. Nhiệm vụ của sinh học***

|  |  |
| --- | --- |
| - GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK trang 8 và trả lời câu hỏi:  - Nhiệm vụ của sinh học là gì?  - Nhiệm vụ của thực vạt học là gì ?  - GV gọi 1-3 HS trả lời.  - GV cho 1 học sinh đọc to nội dung: nhiệm vụ của thực vật học cho cả lớp nghe.  - GV yêu cầu HS liên hệ thực tế trả lời câu hỏi  - Thực vật có vai trò như thế nào đối với tự nhiên và đời sống con người ?  - Vởy là HS các em cần làm gì để bảo vệ thực vật? | - HS đọc thông tin SGK từ 1-2 lần, tóm tắt nội dung chính để trả lời câu hỏi.  - HS nghe rồi bổ sung hay nhắc lại phần trả lời của bạn.  - HS nhắc lại nội dung vừa nghe.  - HS liên hệ thực tế trả lời câu hỏi. Yêu cầu trả lời được  + Với tự nhiên: Điều hoà khí hậu, làm thức ăn cho các ĐV khác  + Vơi đời sống con người: Cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu…   * Là HS thì không được chặt phá cây xanh bừa bãi, trồng nhiều cây xanh, đông thời tuyên truyền cho những người xung quanh biết về vai trò quan trọng của cay xanh với đời sống con người đẻ từ đó cùng bảo vệ cây xanh |

***Kết luận:***

- Nhiệm vụ của sinh học (SGK trang 8).

- Nhiệm vụ của thực vật học (SGK trang 8).

**IV. Kiểm tra, đánh giá( 3 ph)**

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ Giữa vật sống và vật không sống có những điểm gì khác nhau?

+ Người ta đã phân chia sinh vật trong tự nhiên thành mấy nhóm? hãy kể tên các nhóm?

+ Cho biết nhiệm vụ của sinh học và thực vật học?

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà( 2 ph)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK

-Đọc trước bài 3 SGK trang 10

- Ôn lại kiến thức về quang hợp ở sách ‘Tự nhiên xã hội” của tiểu học.

- Sưu tầm tranh ảnh về thực vật ở nhiều môi trường.

**Tuần 1**  Ngày soạn: 12/8/2017

**Tiết 2**  Ngày dạy: 25/8/2017

**Bài 3: ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA THỰC VẬT**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

1. Kiến thức : Học sinh nắm được đặc điểm chung của thực vật.

- Hiểu được sự đa dạng phong phú của thực vật, từ đó HS biện pháp bảo vệ sự đa dạng và phong phú của thực vật

2. Kỹ năng : Rèn kĩ năng quan sát, so sánh. kĩ năng hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

3. Thái độ: Giáo dục lòng yêu tự nhiên, bảo vệ thực vật.

4. Phát triển năng lực học sinh :

- Năng lực phân biệt đặc điểm của thực vật và môi trường sống của chúng

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Tranh ảnh khu rừng vườn cây, sa mạc, hồ nước...

- HS: Sưu tầm tranh ảnh các loài thực vật sống trên Trái Đất. Ôn lại kiến thức về quang hợp trong sách “Tự nhiên xã hội” ở tiểu học.

**C. PHƯƠNG PHÁP:**

Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm….

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. ( 1 ph)**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh( 4 ph)**

- Kể tên một số sinh vật sống trên cạn, dưới nước và ở cơ thể người?

- Nêu nhiệm vụ của sinh học?

**III. Dạy học bài mới( 35 ph)**

1. Giới thiệu bài : Ở bài trước chung ta đã biết được nhiệm vụ của sinh học là gì? vậy trong chương trình sinh học lớp 6 chúng ta sẽ đi tìm hiểu về thực vật. Vậy thực vật có những đặc điểm gì? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài hôm nay.

2. Bài mới

***Hoạt động 1: Sự phong phú đa dạng của thực vật***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân và:  Quan sát tranh, ghi nhớ kiến thức.  - Hoạt động nhóm 4 người  + Thảo luận câu hỏi SGK trang 11.  - GV quan sát các nhóm có thể nhắc nhở hay gợi ý cho những nhóm có học lực yếu.  - GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Yêu cầu sau khi thảo luận HS rút ra kết luận về sự đa dạng và phong phú của thực vật  - GV yêu cầu hS liên hệ thực tế trả lời câu hỏi  - Vậy chúng ta cần làm gì để bảo vệ sự đa dạng và phong phú của thực vật? | - HS quan sát hình 3.1 tới 3.4 SGK trang 10 và các tranh ảnh mang theo.  Chú ý: Nơi sống của thực vật, tên thực vật.  - Phân công trong nhóm:  + 1 bạn đọc câu hỏi (theo thứ tự cho cả nhóm cùng nghe)  + 1 bạn ghi chép nội dung trả lời của nhóm.  VD: + Thực vật sống ở mọi nơi trên Trái Đất, sa mạc ít thực vật còn đồng bằng phong phú hơn.  + Cây sống trên mặt nước rễ ngắn, thân xốp.  - HS lắng nghe phần trình bày của bạn, bổ sung nếu cần.  - HS liên hệ thực tế trả lời được  + Chúng ta cần phải có những biện pháp bảo vệ thực vật như: Không chặt phá cây xanh bừa bãi, trồng nhiều cây xanh ở nhà hay vườn trường, tham gia tích cực vào việc chăm sóc và bảo vệ cây xanh |

***Kết luận:***

- Thực vật sống ở mọi nơi trên Trái Đất chúng có rất nhiều dạng khác nhau, thích nghi với môi trường sống.

***Hoạt động 2: Đặc điểm chung của thực vật***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS làm bài tập mục ▽ SGK trang 11.  - GV kẻ bảng này lên bảng.  - GV chữa nhanh vì nội dung đơn giản.  - GV đưa ra một số hiện tượng yêu cầu HS nhận xét về sự hoạt động của sinh vật:  + Con gà, mèo, chạy, đi.  + Cây trồng vào chậu đặt ở cửa sổ 1 thời gian ngọn cong về chỗ sáng.  - Từ đó rút ra đặc điểm chung của thực vật. | - HS kẻ bảng SGK trang 11 vào vở, hoàn thành các nội dung.  - HS lên bảng trình bày.  - Nhận xét: động vật có di chuyển còn thực vật không di chuyển và có tính hướng sáng.  - Từ bảng và các hiện tượng trên rút ra những đặc điểm chung của thực vật. |

***Kết luận:*** Thực vật có khả năng tạo chất dinh dưỡng, không có khả năng di chuyển.

**IV. Kiểm tra, đánh giá( 3 ph)**

- GV củng cố nội dung bài.

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1, 2 SGK

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà( 2 ph)**

- Tranh cây hoa hồng, hoa cải.

- Mẫu cây: dương xỉ, cây cỏ.

**Tuần 2** Ngày soạn: 20/8/2017

**Tiết 3** Ngày dạy: 30/8/2017

**Bài 4: CÓ PHẢI TẤT CẢ THỰC VẬT ĐỀU CÓ HOA**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

1. Kiến thức- Học sinh biết quan sát, so sánh để phân biệt được cây có hoa và cây không có hoa dựa vào đặc điểm của cơ quan sinh sản (hoa, quả, hạt)

- Hiểu được sự đa dạng về các cơ quan trong cơ thể thực vật từ đó HS thấy được mối quan hệ giữa các cơ quan trong tổ chức cơ thể, giữa cơ thể với môi trưòng

2. Kỹ năng : Phân biệt cây 1 năm và cây lâu năm.

- Rèn kĩ năng quan sát, so sánh.

3. Thái độ: Giáo dục ý thức học tập, bảo vệ chăm sóc thực vật.

4. Phát triển năng lực học sinh: Nhận biết và phân biệt cây có hoa và không có hoa

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Tranh phóng to hình 4.1; 4.2 SGK.

+Mẫu cây cà chua, đậu có cả hoa quả, hạt.

- HS sưu tầm tranh cây dương xỉ, rau bợ...

**C. PHƯƠNG PHÁP :** Thuyết trình, vấn đáp, quan sát mẫu vật

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp :**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh ( 5’)**

- Nêu đặc điểm chung của thực vật?

- Thực vật ở nước ta rất phong phú, nhưng vì sao chúng ta cần phải trồng thêm và bảo vệ chúng?

**III. Dạy học bài mới (1’)**

1. Giới thiệu bài : Thực vật rất đa dạng và phong phú, nhưng có phải tất cả các thực vật đều có hoa không ? Đêt trả lời câu hỏi nay chung ta cùng vào bài hôm nay .

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1: Thực vật có hoa và thực vật không có hoa(20’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS hoạt động cá nhân để tìm hiểu các cơ quan của cây cải.  - GV đưa ra câu hỏi sau:  + Rễ, thân, lá, là.............  + Hoa, quả, hạt là...............  + Chức năng của cơ quan sinh sản là.........  + Chức năng của cơ quan sinh dưỡng là............  - Yêu cầu HS hoạt động theo nhóm để phân biệt thực vật có hoa và thực vật không có hoa.  - GV theo dõi hoạt động của các nhóm, có thể gợi ý hay hướng dẫn nhóm nào còn chậm...  - GV chữa bài bảng 2 bằng cách gọi HS của các nhóm trình bày.  \_ GV lưu ý cho HS: Như vậy các cơ quan của như cơ quan sinh dưỡng, cơ quan sinh sản có vai trò hết sức quan trọng đối với sự sinh trưởng và phát triển của cơ thể thực vật  + Vậy thực vật có thể sinh trưởng và phát triển một cách bình thường được không nếu CQSD, CQSS thiếu hoặc bị tổn hại?  + Vậy chúng ta cần làm gì đẻ bảo vệ các cơ quan của thực vật?  - GV lưu ý HS cây dương xỉ không có hoa nhưng có cơ quan sinh sản đặc biệt.  - GV nêu câu hỏi: *Dựa vào đặc điểm có hoa của thực vật thì có thể chia thành mấy nhóm?*  - GV cho HS đọc mục □ và cho biết: - - *Thế nào là thực vật có hoa và không có hoa?*  - GV chữa nhanh bằng cách đọc kết quả đúng để HS giơ tay, tìm hiểu số lượng HS đã nắm được bài.  - GV dự kiến một số thắc mắc của HS khi phân biệt cây như: cây thông có quả hạt, hoa hồng, hoa cúc không có quả, cây su hào, bắp cải không có hoa... | - HS quan sát hình 4.1 SGK trang 13, đối chiếu với bảng 1 SGK trang 13 ghi nhớ kiến thức về các cơ quan của cây cải.  + Có hai loại cơ quan: cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản.  - HS đọc phần trả lời nối tiếp luôn câu hỏi của GV (HS khác có thể bổ sung).  + Cơ quan sinh dưỡng.  + Cơ quan sinh sản.  + Sinh sản để duy trì nòi giống.  + Nuôi dưỡng cây.  - HS quan sát tranh và mẫu của nhóm chú ý cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản.  - Kết hợp hình 4.2 SGK trang 14 rồi hoàn thành bảng 2 SGK trang 13.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lăng nghe liên hệ thực tế trả lời câu hỏi  + Không thể sinh trưởng và phát triển một cách bình thường được  + Bảo vệ thực vật, tránh làm tổn thương đến các cơ quan của thực vật như: Không chặt cây bể cành, ngắt hoa bừa bài…  - Đại diện của nhóm trình bày ý kiến của mình cùng với giới thiệu mẫu đã phân chia ở trên.  - Các nhóm khác có thể bổ sung, đưa ra ý kiến khác để trao đổi.  - Dựa vào thông tin □ trả lời cách phân biệt thực vật có hoa vớ thực vật không có hoa.  - HS làm nhanh bài tập ▽ SGK trang 14. |

***Kết luận:***

- Thực vật có 2 nhóm: thực vật có hoa và thực vật không có hoa.

***Hoạt động 2: Cây một năm và cây lâu năm(12’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV viết lên bảng 1 số cây như:  Cây lúa, ngô, mướp gọi là cây một năm.  Cây hồng xiêm, mít, vải gọi là cây lâu năm.  - Tại sao người ta lại nói như vậy?  - GV hướng cho HS chú ý tới việc các thực vật đó ra hoa kết quả bao nhiêu lần trong vòng đời.  - GV cho HS kể thêm 1 số cây loại 1 năm và lâu năm. | - HS thảo luận nhóm, ghi lại nội dung ra giấy.  Có thể là: lúa sống ít thời gian, thu hoạch cả cây.  Hồng xiêm cây to, cho nhiều quả....  - HS thảo luận theo hướng cây đó ra quả bao nhiêu lần trong đời để phân biệt cây 1 năm và cây lâu năm. |

***Kết luận:***

- Cây 1 năm ra hoa kết quả 1 lần trong vòng đời.

- Cây lâu năm ra hoa kết quả nhiều lần trong đời.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (4’)**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1, 2, 3, SGK trang 15 hoặc làm bài tập như sách hướng dẫn.

- Gợi ý câu hỏi 3\*.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (3’)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK

- Đọc mục “Em có biết”

- Chuẩn bị 1 số rêu tường.

**Tuần 2** Ngày soạn: 20/8/2017

**Tiết 4** Ngày dạy: 01/9/2017

CHƯƠNG I- TẾ BÀO THỰC VẬT

**Bài 5: KÍNH LÚP, KÍNH HIỂN VI VÀ CÁCH SỬ DỤNG**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

1. Kiến thức: Học sinh nhận biết được các bộ phận của kính lúp và kính hiển vi.

- Biết cách sử dụng kính lúp, các bước sử dụng kính hiển vi.

2. Kỹ năng: Rèn kĩ năng thực hành.

3. Thái độ: Giáo dục ý thức bảo vệ kính lúp và kính hiển vi.

4. Phát triển năng lực học sinh:

- Năng lực sử dụng kính hiển vi sau khi được hướng dẫn.

- Bảo vệ kính.

- Lấy mẫu để quan sát

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Kính lúp cầm tay, kính hiển vi. Mẫu: 1 vài bông hoa, rễ nhỏ.

- HS: 1 đám rêu, rễ hành.

**C. PHƯƠNG PHÁP:** Vấn đáp, thuyết trình, thực hành….

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp:**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (5’)**

- Dựa vào đặc điểm nào để nhận biết thực vật có hoa và thực vật không có hoa?

- Kể tên 5 cây trồng làm lương thực? Theo em, những cây lương thực trên thường là cây 1 năm hay lâu năm?

**III. Dạy học bài mới (2’)**

1. Giới thiệu bài : Trong ngành thực vật có những đại diện có kích thước rất nhỏ, vậy để thuận tiện cho việc quan sát nghiên cứu thì chúng ta thường sử dụng phương tiện gì? Cách sử dụng chúng như thế nào? Chúng ta tìm hiểu vào bài hôm nay:

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1: Kính lúp và cách sử dụng (14’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| *+ Vấn đề 1*: Tìm hiểu cấu tạo kính lúp.  - GV yêu cầu HS đọc thông tin □ SGK trang 17, cho biết kính lúp có cấu tạo như thế nào?  *+ Vấn đề 2*: Cách sử dụng kính lúp cầm tay.  - HS đọc nội dung hướng dẫn SGK trang 17, quan sát hình 5.2 SGK trang 17.  *+ Vấn đề 3*: Tập quan sát mẫu bằng kính lúp.  - GV: Quan sát kiểm tra tư thế đặt kính lúp của HS và cuối cùng kiểm tra hình vẽ lá rêu. | - Đọc thông tin, nắm bắt, ghi nhớ cấu tạo.  - HS cầm kính lúp đối chiếu các phần như đã ghi trên.  - Trình bày lại cách sử dụng kính lúp cho cả lớp cùng nghe.  - HS quan sát 1 cây rêu bằng cách tách riêng 1 cây đặt lên giấy, vẽ lại hình lá rêu đã quan sát được trên giấy. |

***Kết luận:***

+ Kính lúp gồm 2 phần: tay cầm bằng kim loại, tấm kính trong lồi 2 mặt.

***Hoạt động 2: Kính hiển vi và cách sử dụng (15 ‘)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| *+ Vấn đề 1*: Tìm hiểu cấu tạo kính hiển vi.  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm vì mỗi nhóm (1 bàn) có 1 chiếc kính (nếu không có điều kiện thì dùng 1 chiếc kính chung).  - GV kiểm tra bằng cách gọi đại diện của 1-2 nhóm lên trước lớp trình bày.  - Bộ phận nào của kính hiển vi là quan trọng nhất? Vì sao?  - GV nhấn mạnh: đó là thấu kính vì có ống kính để phóng to được các vật.  *+ Vấn đề 2*: Cách sử dụng kính hiển vi  - GV làm thao thao tác sử dụng kính để cả lớp cùng theo dõi từng bước.  - Nếu có điều kiện GV có thể phát cho mỗi nhóm 1 tiêu bản mẫu để tập quan sát. | - Đặt kính trước bàn trong nhóm cử 1 người đọc SGK trang 18 phần cấu tạo kính.  - Cả nhóm nghe đọc kết hợp với hình 5.3 SGK trang 18 để xác đinh các bộ phận của kính.  - Trong nhóm nhắc lại 1-2 lần để cả nhóm cùng hiểu rõ đầy đủ cấu tạo của kính.  - Các nhóm còn lại chú ý nghe rồi bổ sung (nếu cần).  - HS có thể trả lời những bộ phận riêng lẻ như ốc điều chỉnh hay ống kính, gương....  - Đọc mục □ SGk trang 19 nắm được các bước sử dụng kính.  - HS cố gắng thao tác đúng các bước để có thể nhìn thấy mẫu. |

***Kết luận:***

- Kính hiển vi có 3 phần chính:

+ Chân kính

+ Thân kính

+ Bàn kính

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5’)**

- Gọi 1-2 HS lên trình bày lại cấu tạo của kính lúp và kính hiển vi.

- Nhận xét, đánh giá, cho điểm nhóm học tốt trong giờ.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (4’)**

- Học bài.

- Đọc mục “Em có biết”

- Chuẩn bị mỗi nhóm mang 1 củ hành tây, 1 quả cà chua chín.

**Tuần 3** Ngày soạn: 28/8/2017

**Tiết 5** Ngày dạy: 6/9/2017

**Bài 6: QUAN SÁT TẾ BÀO THỰC VẬT**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

1. Kiến thức : Học sinh tự làm được 1 tiêu bản tế bào thực vật (tế bào vảy hành hoặc tế bào thịt quả cà chua chín).

2. Kỹ năng :- Rèn kĩ năng sử dụng kính hiển vi.

- Tập vẽ hình đã quan sát được trên kính hiển vi.

3. Thái độ : Bảo vệ, giữ gìn dụng cụ.

- Trung thực, chỉ vẽ những hình quan sát được.

4. Phát triển năng lực học sinh : Năng lực quan sát, phân biệt hình dạng một số loại tế bào thông qua mẫu vật ; vẽ lại được hình dạng của tế bào một số mẫu.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

+ GV: Kính hiển vi. Biểu bì vẩy hành và thịt quả cà chua chín.

+ HS: Học lại bài kính hiển vi.

**C. PHƯƠNG PHÁP:** Vấn đáp, thuyết trình, thực hành….

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (5’)**

- Nêu chức năng của kính lúp và kính hiển vi?

**III. Dạy học bài mới**

1. **Giới thiệu bài :** Tế bào là đơn vị cơ bản cấu tạo lên cơ thể. Vậy tế bào có hình dạng như thế nào chúng ta cùng vào bài hôm nay:
2. **Bài mới**

Yêu cầu của bài thực hành: (10’)

- GV kiểm tra phần chuẩn bị của HS theo nhóm đã phân công, các bước sử dụng kính hiển vi (bằng cách gọi 1-2 HS trình bày).

- GV yêu cầu HS:

+ Làm được tiêu bản tế bào cà chua hoặc vẩy hành.

+ Vẽ lại hình khi quan sát được.

+ Các nhóm không được nói to và đi lại lộn xộn.

- GV phát dụng cụ: Nếu có điều kiện mỗi nhóm (4 người) 1 bộ gồm kính hiển vi, 1 khay đựng dụng cụ như: kinh mũi mác, dao, lọ nước, công tơ hut, giấy thấm, lam kính...

- GV phân công: một số nhóm làm tiêu bản tế bào vảy hành, 1 số nhóm làm tiêu bản tế bào thịt cà chua.

***Hoạt động 1: Quan sát tế bào dưới kính hiển vi (10’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu các nhóm (đã được phân công) đọc cách tiến hành lấy mẫu và quan sát mẫu trên kính.  - GV làm mẫu tiêu bản đó để học sinh cùng quan sát.  - GV đi tới các nhóm giúp đỡ, nhắc nhở, giải đáp thắc mắc của HS. | - HS quan sát hình 6.1 SGK trang 21, đọc và nhắc lại các thao tác, chọn 1 người chuẩn bị kính, còn lại chuẩn bị tiêu bản như hướng dẫn của GV.  - Tiến hành làm chú ý ở tế bào vảy hành cần lấy 1 lớp thật mỏng trải phẳng không bị gập , ở 1 tế bào thịt quả cà chua chỉ quệt lớp mỏng.  - Sau khi đã quan sát được cố gắng vẽ thật giống mẫu. |

***Hoạt động 2: Vẽ lại hình đã quan sát được dưới kính(15’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV treo tranh phóng to giới thiệu:  + Củ hành và tế bào biểu bì vảy hành.  + Quả cà chua và tế bào thịt quả cà chua.  - GV hướng dẫn HS cách vừa quan sát vừa vẽ hình.  - Nếu còn thời gian GV cho HS đổi tiêu bản của nhóm này cho nhóm khác để có thể quan sát được cả 2 tiêu bản. | - HS quan sát tranh đối chiếu với hình vẽ của nhóm mình, phân biệt vách ngăn tế bào.  - HS vẽ hình vào vở. |

**IV. Kiểm tra, đánh giá (3’)**

- HS tự nhận xét trong nhóm về thao tác làm tiêu bản, sử dụng kính, kết quả.

- GV đánh giá chung buổi thực hành (về ý thức, kết quả),

- Yêu cầu HS lau kính, xếp lại vào hộp và vệ sinh lớp học.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (2’)**

- Học bài và trả lời câu hỏi 1, 2 SGK trang 27.

- Sưu tầm tranh ảnh về hình dạng các tế bào thực vật.

**Tuần 3** Ngày soạn: 28/8/2017

**Tiết 6** Ngày dạy: 8/9/2017

**Bài 7: CẤU TẠO TẾ BÀO THỰC VẬT**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

1. Kiến thức : HS nắm được các cơ quan của thực vật đều được cấu tạo bằng tế bào.

- Những thành phần cấu tạo chủ yếu của tế bào.

- Khái niệm mô.

2. Kỹ năng : Rèn kĩ năng quan sát hình vẽ, thu thập kiến thức.

- Kĩ năng nhận biết kiến thức.

3. Thái độ : Giáo dục ý thức học tập, lòng yêu thích môn học.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Tranh phóng to hình 7.1; 7.2; 7.3; 7.4 ; 7.5 SGK.

- HS: Sưu tầm tranh ảnh về tế bào thực vật.

**C. PHƯƠNG PHÁP:** Vấn đáp, thuyết trình, thực hành….

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (3’)**

- Kiểm tra hình vẽ tế bào thực vật HS đã làm trước ở nhà.

**III. Dạy học bài mới**

**1. Giới thiệu bài:** Cho HS nhắc lại đặc điểm của tế bào biểu bì vảy hành đã quan sát được hôm trước. GV có thể đặt câu hỏi: có phải tất cả các cơ quan của thực vật đều có cấu tạo giống vảy hành không?

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1: Hình dạng kích thước của tế bào (15’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| + *Vấn đề 1*: Tìm hiểu hình dạng của tế bào  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân nghiên cứu SGK ở mục I trả lời câu hỏi: *Tìm điểm giống nhau cơ bản trong cấu tạo rễ, thân, lá?*  - GV lưu ý có thể HS nói là nhiều ô nhỏ đó là 1 tế bào.  - GV cho HS quan sát lại hình SGK, tranh hình dạng của tế bào ở 1 số cây khác nhau, nhận xét về hình dạng của tế bào.  - Yêu cầu HS quan sát kĩ hình 7.1 SGK trang 23 và cho biết: *trong cùng 1 cơ quan tế bào có giống nhau không?*  - GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK.  - GV nhận xét ý kiến của HS, yêu cầu HS rút ra nhận xét về kích thước tế bào.  - GV thông báo thêm số tế bào có kích thước nhỏ (mô phân sinh ngọn) tế bào sợi gai dài...  - GV yêu cầu HS rút ra kết luận. | - HS quan sát hình 7.1; 7.2; 7.3 SGK trang 23 và trả lời câu hỏi:  - HS thấy được điểm giống nhau đó là cấu tạo bằng nhiều tế bào.  - HS quan sát tranh đưa ra nhận xét: tế bào có nhiều hình dạng.  - HS đọc thông tin và xem bảng kích thước tế bào trang 24 SGK, tự rút ra nhận xét.  - HS trình bày, bổ sung cho đầy đủ.  - Kích thước của tế bào khác nhau. |

***Kết luận:***

- Cơ thể thực vật được cấu tạo bằng tế bào.

- Các tế bào có hình dạng và kích thước khác nhau.

***Hoạt động 2: Cấu tạo tế bào (15’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS nghiên cứu độc lập nội dung SGK trang 24.  - GV treo tranh câm: sơ đồ cấu tạo tế bào thực vật.  - Gọi HS lên bảng chỉ các bộ phận của tế bào trên tranh.  - GV cho nhận xét có thể đánh giá điểm.  - GV mở rộng: chú ý lục lạp trong chất tế bào có chứa diệp lục làm cho hầu hết cây có màu xanh và góp phần vào quá trình quang hợp.  - GV tóm tắt, rút ra kết luận để HS ghi nhớ thành phần cấu tạo chủ yếu của tế bào. | - HS đọc thông tin SGK trang 24, kết hợp quan sát hình 7.4 SGK trang 24.  - Xác định được các bộ phận của tế bào rồi ghi nhớ kiến thức.  - Từ 1-3 HS lên bảng chỉ tranh và nêu được chức năng từng bộ phận, HS khác nghe và bổ sung. |

***Kết luận:***- Tế bào gồm: Vách tế bào, Màng sinh chất, Chất tế bào. Nhân.

***Hoạt động 3: Mô (7’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV treo tranh các loại mô yêu cầu HS quan sát và đưa câu hỏi:  *- Nhận xét cấu tạo hình dạng các tế bào của cùng 1 loại mô, của các loại mô khác nhau?*  - Rút ra kết luận*: mô là gì?*  - GV bổ sung thêm vào kết luận của HS: chức năng của các tế bào trong 1 mô nhất là mô phân sinh làm cho các cơ quan của thực vật lớn lên. | - HS quan sát tranh, trao đổi nhanh trong nhóm đưa ra nhận xét ngắn gọn.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |

***Kết luận:***

- Mô gồm một nhóm tế bào giống nhau cùng thực hiện 1 chức năng.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (3’)**

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi 1, 2, 3 cuối bài.

- HS giải ô chữ nhanh, đúng, GV đánh giá điểm.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (2’)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”

**Tuần 4** Ngày soạn: 3/9/2017

**Tiết 7** Ngày dạy: 13/9/2017

**Bài 8: SỰ LỚN LÊN VÀ PHÂN CHIA CỦA TẾ BÀO**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

1. Kiến thức :Học sinh trả lời được câu hỏi: Tế bào lớn lên như thế nào? Tế bào phân chia như thế nào?

- HS hiểu được ý nghĩa của sự lớn lên và phân chia tế bào ở thực vật chỉ có những tế bào mô phân sinh mới có khả năng phân chia.

2. Kỹ năng : Rèn kĩ năng quan sát hình vẽ, tìm tòi kiến thức.

3. Thái độ : Giáo dục thích môn học.

4. Phát triển năng lực học sinh : Vẽ hình về các giai đoạn phân chia của tế bào

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Tranh phóng to hình 8.1; 8.2 SGK trang 27.

- HS: Ôn lại khái niệm trao đổi chất ở cây xanh.

**C. PHƯƠNG PHÁP:** Vấn đáp, thuyết trình, thực hành….

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh**

- Kích thước của tế bào thực vật?

- Nêu những thành phần chủ yếu của tế bào thực vật?

**III. Dạy học bài mới**

**1. Giới thiệu bài:** Tế bào có nhiều hình dạng và kích thước khác nhau. Vậy tế bào lớn lên và phân chia như thế nào, chúng ta cùng nhau tìm hiểu vào bài hôm nay: Bài: 8…

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1: Hình dạng, kích thước của tế bào***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS:  + Hoạt động theo nhóm.  + Nghiên cứu SGK.  + Trả lời 2 câu hỏi trang 27.  - GV gợi ý:  - Tế bào trưởng thành là tế bào không lớn thêm được nữa và có khả năng sinh sản.  - *Trên hình 8.1 khi tế bào phát triển bộ phận nào tăng kích thước bộ phận nào nhiều lên?*  - GV: từ những ý kiến HS đã thảo luận trong nhóm yêu cầu HS trả lời tóm tắt 2 câu hỏi trên. Gọi bổ sung và rút ra kl. | - HS đọc thông tin mục □ kết hợp hợp quan sát hình 8.1 SGK trang 27.  - Trao đổi nhóm, thảo luận ghi lại ý kiến sau khi đã thống nhất ra giấy.  - Có thể HS chỉ thấy rõ: tăng kích thước.  - Từ gợi ý của GV học sinh phải thấy được vách tế bào lớn lên, chất tế bào nhiều lên, không bào to ra.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |

***Kết luận:*** Tế bào con có kích thước nhỏ, lớn dần lên thành tế bào trưởng thành nhờ quá trình trao đổi chất.

***Hoạt động 2: Sự phân chia của tế bào***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK theo nhóm.  - GV viết sơ đồ trình bày mối quan hệ giữa sự lớn lên và phân chia của tế bào.  - Tế bào non lớn dần thành tế bào trưởng thành phân chia thành tế bào non mới.  - GV: yêu cầu thảo luận nhóm theo 3 câu hỏi ở mục ▽.  - GV gợi ý: sự lớn lên của các cơ quan của thực vật do 2 quá trình:  + Phân chia tế bào.  + Sự lớn lên của tế bào.  - Đây là quá trình sinh lí phức tạp ở thực vật. GV có thể tổng kết toàn bộ nội dung theo 3 câu hỏi thảo luận của HS để cả lớp cùng hiểu rõ.  - GV đưa ra câu hỏi: *Sự lớn lên và phân chia của tế bào có ý nghĩa gì đối với thực vật?* | - HS đọc thông tin mục □ SGK trang 28 kết hợp quan sát hình vẽ 8.2 SGK trang 28, nắm được quá trình phân chia của tế bào.  - HS theo dõi sơ đồ trên bảng và phần trình bày của GV.  - HS thảo luận và ghi vào giấy.  + Quá trình phân chia: SGK trang 28  + Tế bào ở mô phân sinh có khả năng phân chia.  + Các cơ quan của thực vật lớn lên nhờ tế bào phân chia.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS phải nêu được: sự lớn lên và phân chia của tế bào giúp thực vật lớn lên  ( sinh trưởng và phát triển). |

**IV. Kiểm tra, đánh giá**

- Yêu cầu HS trả lời 2 câu hỏi cuối bài.

- HS làm bài tập trắc nghiệm:

***Hãy khoanh tròn vào đầu câu trả lời đúng nhất:***

*Bài tập 1:* Các tế bào ở mô nào có khả năng phân chia trong các mô sau:

a. Mô che trở b. Mô nâng đỡ c. Mô phân sinh

*Bài tập 2*: Trong các tế bào sau đây tế bào nào có khả năng phân chia:

a. Tế bào non b. Tế bào trưởng thành c. Tế bào già

*Bài tập 3*: Điền từ hoặc cụm từ vào chỗ sống:

“ Quá trình phân bào: đầu tiên hình thành ......... sau đó chất tế bào ........, vách tế bào hình thành ............... tế bào cũ thành .................... tế bào non”.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Chuẩn bị một số cây rửa sạch như: Cây rau cải, cây cam, cây nhãn, cây rau dền, cây hành, cây cỏ.

**Tuần 4** Ngày soạn: 3/9/2017

**Tiết 8** Ngày dạy: 15/9/2017

CHƯƠNG II- RỄ

**Bài 9: CÁC LOẠI RỄ, CÁC MIỀN CỦA RỄ**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

1. Kiến thức : Học sinh nhận biết và phân biệt được 2 loại rễ chính rễ cọc và rễ chùm.

- Phân biệt được cấu tạo và chức năng các miền của rễ.

2. Kỹ năng : Rèn kĩ năng quan sát so sánh, kĩ năng hoạt động nhóm.

3. Thái độ : Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Một số câu có rễ: cây rau cải, cây nhãn, cây rau dền, cây hành...

Tranh phóng to hình 9.1; 9.2; 9.3 SGK trang 29.

Miếng bìa ghi sẵn các miền của rễ, các chức năng của rễ, phiếu học tập mẫu.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bài tập | Nhóm | A | B |
| 1  2  3 | Tên cây  Đặc điểm chung của rễ  Đặt tên rễ |  |  |

- HS: Chuẩn bị cây có rễ: cây cải, cây mít, cây hành, cỏ dại, đậu.

**C. PHƯƠNG PHÁP:** Vấn đáp, thuyết trình, thực hành….

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (5’)**

- Quá trình phân bào diễn ra như thế nào?

- Sự lớn lên và sự phân chia của tế bào có ý nghĩa gì đối với thực vật?

**III. Dạy học bài mới**

**1. Giới thiệu bài** : Các cơ quan sinh dưỡng của cây bao gồm rễ, thân, lá. Vậy rễ có những loại nào? Cấu tạo của rễ ra sao? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu vào bài hôm nay.

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1: Các loại rễ(17)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| + *Vấn đề 1*: Tìm hiểu các loại rễ và phân loại rễ.  - GV yêu cầu HS kẻ phiếu học tập vào vở hoạt động theo nhóm.  - Yêu cầu HS chia rễ cây thành 2 nhóm, hoàn thành bài tập 1 trong phiếu học tập.  - GV lưu ý giúp đỡ HS trung bình và yếu.  - GV hướng dẫn chữa bài.  - GV tiếp tục yêu cầu HS làm bài tập 2, đồng thời GV treo tranh câm hình 9.1 SGK trang 29 để HS quan sát.  - GV chữa bài tập 2, sau khi nghe phần phát biểu và bổ sung của các nhóm, GV chọn 1 nhóm hoàn thành phiếu tốt nhất nhắc lại cho cả lớp cùng nghe.  - GV cho các nhóm đối chiếu các đặc điểm của rễ với tên cây trong nhóm A, B của bài tập 1 đã phù hợp chưa, nếu chưa thì chuyển các cây của nhóm cho đúng.  - GV gợi ý bài tập 3 dựa vào đặc điểm rễ có thể gọi tên rễ.  - Nếu HS gọi nhóm A là rễ thẳng thì GV chỉnh lại là rễ cọc.  *- Đặc điểm của rễ cọc và rễ chùm?*  - GV yêu cầu HS làm nhanh bài tập ▽ số 2 SGK trang 29.  + *Vấn đề 2*: Nhận biết các loại rễ cọc và rễ chùm qua tranh, mẫu...  - GV cho HS cả lớp xem rễ cây rau dền và cây nhãn, hoàn thành 2 câu hỏi.  - GV cho HS theo dõi phiếu chuẩn kiến thức, sửa chỗ sai.  - GV đánh giá điểm cho nhóm làm tốt. | - HS đặt tất cả cây có rễ của nhóm lên bàn.  - Kiểm tra quan sát thật kĩ tìm những rễ giống nhau đặt vào 1 nhóm.  - Trao đổi trong nhóm, thống nhất ý kiến ghi vào phiếu học tập ở bài tập 1.  *Bài tập 2*: HS quan sát kĩ rễ của các cây ở nhóm A chú ý kích thước các rễ, các mọc trong đất, kết hợp với tranh (có rễ to, nhiều rễ nhỏ), ghi vào phiếu tương tự với rễ cây nhóm B.  - HS đại diện của 1 nhóm trình bày, các nhóm khác nghe và nhận xét, bổ sung.  - HS đối chiếu với kết quả đúng để sửa chữa nếu cần.  - HS làm bài tập 3 từng nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, thống nhất tên rễ cây ở 2 nhóm là Rễ cọc và Rễ chùm.  - HS nhìn vào phiếu đã chữa của nhóm đọc to kết quả cho cả lớp cùng nghe.  - HS chọn nhanh và 1- 2 em trả lời, các em khác nhận xét, bổ sung.  - HS hoạt động cá nhân quan sát rễ cây của GV kết hợp với hình 9.2 SGK trang 30, hoàn thành 2 câu hỏi ở dưới hình.  - HS tự đánh giá câu trả lời của mình. Quan sát phiếu chuẩn kiến thức để sửa chữa nếu cần. |

***Kết luận:***

***Đáp án phiếu học tập***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| BT | Nhóm | A | B |
| 1  2  3 | - Tên cây  - Đặc điểm chung của rễ  - Đặt tên rễ | - Cây rau cải, cây mít, cây đậu.  - Có một rễ cái to khoẻ đâm thẳng, nhiều rễ con mọc xiên, từ rễ con mọc nhiều rễ nhỏ hơn.  - Rễ cọc | - Cây hành, cỏ dại, ngô.  - Gồm nhiều rễ to dài gần bằng nhau, mọc toả từ gốc thân thành chùm.  - Rễ chùm |

***Hoạt động 2: Các miền của rễ (15’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV: cho tự HS nghiên cứu SGK trang 30.  + *Vấn đề 1*: Xác định các miền của rễ  - GV treo tranh câm các miền của rễ đặt các miếng bìa ghi sẵn các miền của rễ trên bàn, HS chọn và gắn vào tranh.  *- Rễ có mấy miền? Kể tên các miền?*  + *Vấn đề 2*: Tìm hiểu chức năng các miền của rễ.  *- Chức năng chính của các miền của rễ?* | - HS làm việc độc lập: đọc nội dung trong khung kết hợp với quan sát tranh và chú thích, ghi nhớ kiến thức.  - 1 HS lên bảng gắn các tấm bìa viết sẵn để xác định được các miền.  - HS khác theo dõi, nhận xét, sửa lỗi nếu cần.  - HS trả lời câu hỏi, cả lớp ghi nhớ 4 miền của rễ.  - Tương tự 1 HS lên gắn các miếng bìa viết sẵn chức năng vào các miền cho phù hợp.  - HS theo dõi, nhận xét.  - Trả lời câu hỏi của GV về chức năng các miền của rễ. |

***Kết luận:***

- Rễ có 4 miền chính

+ Miền chóp rễ + Miền sinh trưởng

+ Miền hút + Miền trưởng thành.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (7’)**

- Yêu cầu HS kể tên 10 cây rễ cọc, 10 cây rễ chùm.

- HS làm bài tập trắc nghiệm

***Khoanh tròn vào đầu câu đúng:***

**Câu 1. Rễ cọc có đặc điểm nào sau đây?**

1. Rễ cái to khoẻ, đâm sâu xuống đất. 2. Có nhiều rễ con mọc xiên.  
3. Từ các rễ con mọc ra nhiều rễ nhỏ. 4. Gồm nhiều rễ to, dài gần bằng nhau.  
5. Từ gốc thân mọc ra nhiều rễ cái to khoẻ. 6. Từ gốc thân mọc toả ra thành một chùm.

A. 2, 3, 4 B. 2, 5, 3. C. 4, 6. D. 1, 3, 4.

**Câu 2. Đặc điểm để phân biệt miền sinh trưởng của rễ so với các miền khác là?**

A. Có nhiều mạch dẫn. B. Có nhiều tế bào phân chia.

C. Có nhiều tế bào lông hút. D. Có nhiều mạch dẫn và nhiều tế bào phân chia.

**Câu 3. Vai trò của miền hút là gì?**

A. Giúp rễ hút nước và muối khoáng hoà tan. B. Giúp rễ hút muối khoáng hoà tan.

C. Bảo vệ và che chở cho đầu rễ. D. Giúp rễ hút nước.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (3’)**

- Học bài và trả lời câu hỏi 1, 2 SGK.

- Đọc mục “Em có biết.

**Tuần 5**  Ngày soạn: 13/9/2017

**Tiết 9** Ngày dạy: 20/9/2017

**Bài 10: CẤU TẠO MIỀN HÚT CỦA RỄ**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

1. Kiến thức : Học sinh nắm được cấu tạo và chức năng các bộ phận miền hút của rễ.

- Bằng quan sát nhận xét thấy được đặc điểm cấu tạo của các bộ phận phù hợp với chức năng của chúng.

- Biết sử dụng kiến thức đã học giải thích một số hiện tượng thực tế có liên quan đến rễ.

2. Kỹ năng : Rèn kĩ năng quan sát tranh, mẫu.

3. Thái độ : Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

4. Phát triển năng lực học sinh : Quan sát thực tế để nhận ra miền hút của rễ.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- HS: Ôn lại kiến thức về cấu tạo, chức năng các miền của rễ, lông hút, biểu bì, thịt vỏ,...

**C. PHƯƠNG PHÁP:** Vấn đáp, thuyết trình, thực hành….

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (5’)**

- Nêu chức năng các miền hút của rễ?

**III. Dạy học bài mới**

**1. Giới thiệu bài :** GV cho HS nhắc lại cấu tạo và chức năng các miền của rễ? Tại sao miền hút lại quan trọng nhất?

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1: Cấu tạo miền hút của rễ (15’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV treo tranh phóng to hình 10.2 và 10.2 SGK.  + Lát cắt ngang qua miền hút và tế bào lông hút.  + Miền hút gồm 2 phần vỏ và trụ giữa (chỉ giới hạn các phần trên tranh).  - GV kiểm tra bằng cách gọi HS nhắc lại.  - GV ghi sơ đồ lên bảng, cho HS điền tiếp các bộ phận  Các bộ phận của miền hút:  - GV cho HS nghiên cứu SGK trang 32.  - GV yêu cầu HS quan sát lại hình 10.2 trên bảng trao đổi trả lời câu hỏi:  *- Vì sao mỗi lông hút là 1 tế bào?*  - GV nhận xét và cho điểm HS trả lời đúng. | - HS theo dõi tranh trên bảng ghi nhớ được 2 phần vỏ và trụ giữa.  - HS xem chú thích của hình 10.1 SGK trang 32, ghi ra giấy các bộ phận của phần vỏ và trụ giữa, HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS lên bảng điền nốt vào sơ đồ của GV, HS khác bổ sung.  - HS đọc nội dung ở cột 2 của bảng “Cấu tạo chức năng của miền hút”, ghi nhớ nội dung chi tiết cấu tạo của biểu bì, thịt vỏ, mạch rây, mạch gỗ, ruột.  - 1 HS đọc lại nội dung trên để cả lớp cùng nghe.  - HS chú ý cấu tạo của lông hút có vách tế bào, màng tế bào... để trả lời lông hút là tế bào. |

***Kết luận:***

- Miền hút của rễ gồm 2 phần: vỏ và trụ giữa.

+ Vỏ cấu tạo gồm biểu bì và thịt vỏ.

+ Trụ giữa gồm bó mạch (có 2 loại bó mạch là mạch rây và mạch gỗ) và ruột.

***Hoạt động 2: Chức năng của miền hút(15’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV ch HS nghiên cứu SGk trang 32 bảng “Cấu tạo và chức năng của miền hút”, quan sát hình 7.4.  - Cho HS thảo luận theo 3 vấn đề:  *- Cấu tạo miền hút phù hợp với chức năng thể hiện như thế nào?*  *- Lông hút có tồn tại mãi không?*  *- Tìm sự giống nhau và khác nhau giữa tế bào thực vật với tế bào động vật?*  - GV gợi ý: Tế bào lông hút có không bào lớn, kéo dài để tìm nguồn thức ăn.  - GV nghe, nhận xét phần trả lời của HS, đánh giá điểm để động viên những nhóm hoạt động tốt.  *- Trên thực tế bộ rễ thường ăn sâu, lan rộng, nhiều rễ con, hãy giải thích?*  - GV củng cố bài bằng cách như sách hướng dẫn. | - HS đọc cột 3 trong bảng kết hợp với hình vẽ 10.1 và cột 2 để ghi nhớ nội dung.  - Thảo luận đưa ra được ý kiến  + Phù hợp cấu tạo chức năng biểu bì: các tế bào xếp sát nhau, bảo vệ. Lông hút là tế bào biểu bì kéo dài...  + Lông hút không tồn tại mãi, già sẽ rụng.  + Tế bào lông hút không có diệp lục.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS dựa vào cấu tạo miền hút, chức năng của lông hút trả lời. |

***Kết luận:***Như cột 3 trong bảng “Cấu tạo chức năng miền hút”

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5’)**

- GV củng cố nội dung bài

- HS trả lời câu hỏi 2, 3 GSK.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (5’)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”

**Tuần 5** Ngày soạn: 13/9/2017

**Tiết 10** Ngày dạy: 22/9/2017

**Bài 11: SỰ HÚT NƯỚC VÀ MUỐI KHOÁNG CỦA RỄ**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

1. Kiến thức : Học sinh biết quan sát, nghiên cứu kết quả thí nghiệm để tự xác định được vai trò của nước và 1 số loại muối khoáng chính đối với cây.

- Xác định được con đường rễ cây hút nước và muối khoáng hoà tan.

- Hiểu được nhu cầu nước và muối khoáng của cây phụ thuộc vào những điều kiện nào? Từ nhu cầu rất cần thiết về nước và muối khoáng của cây mà có biện pháp bảo vệ nguồn nước, đất tránh ô nhiễm

- Tập thiết kế thí nghiệm đơn giản nhằm chứng minh cho mục đích nghiên cứu của SGK

2. Kỹ năng : Rèn kĩ năng thao tác, bước tiến hành thí nghiệm.

- Biết vận dụng kiến thức đã học để bước đầu giải thích một số hiện tượng trong thiên nhiên.

3. Thái độ : Giáo dục lòng yêu thích môn học.

4. Phát triển năng lực học sinh : Thiết kế thí nghiệm, phân tích thí nghiệm....

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: tranh hình 11.1; 11.2 SGK.

- HS: Kết quả của các mẫu thí nghiệm ở nhà.

**C. PHƯƠNG PHÁP:** Vấn đáp, thuyết trình, thực hành….

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (5’)**

- Kiểm tra kết quả bài tập của HS đã làm ở nhà.

**III. Dạy học bài mới**

**1. Giới thiệu bài** :- Rễ không những giúp cây bám vào đất mà còn giúp cây hút nước và muối khoáng hoà tan từ đất

- Vậy cây cần nước và muối khoáng như thế nào? Rễ hút những loại muối khoáng này ra sao? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu vào bài hôm nay bài 11:…

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1: Nhu cầu nước của cây (15’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| *+ Thí nghiệm 1:*  - GV cho HS nghiên cứu SGK, thảo luận theo 2 câu hỏi mục ▽ thứ nhất.  - GV bao quát lớp, nhắc nhở các nhóm, hướng dẫn động viên nhóm HS yếu.  - Sau khi HS đã trình bày kết quả, GV thông báo kết quả của nhóm nếu cần.  *+ Thí nghiệm 2*  - GV cho các nhóm báo cáo kết quả thí nghiệm cân rau ở nhà.  - GV cho HS nghiên cứu SGK.  - GV lưu ý khi HS kể tên cây cần nhiều nước và ít nước tránh nhầm cây ở nước cần nhiều nước, cây ở cạn cần ít nước.  - Yêu cầu HS rút ra kết luận về nhu cầu nước của cây  - Nước rất cân đối với sự sống của cây  + Vậy chúng ta phải làm gì để cây luôn có đủ nước ?  - Giáo viên lưu ý cho HS : Nước rất cần đối với sự sống của cây. Tuy nhiên nếu cây sông ở nơi có đầy đủ nước nhưng nước lại bị ô nhiễm thì cây có sinh trưởng và phát triển bình thường được không ?  + Vậy chúng ta cần phải làm gì để cây có thể sinh trưởng một cách bình thường ?  - GV nhấn mạnh cho HS về vai trò của cây xanh với chu trình nước trong tự nhiên | - HS hoạt động nhóm.  - Từng cá nhân trong nhóm đọc thí nghiệm SGK chú ý tới: điều kiện thí nghiệm, tiến hành thí nghiệm.  - Thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến, ghi lại nội dung cần đạt được: đó là cây cần nước như thế nào và dự đoán cây chậu B sẽ héo dần vì thiếu nước.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Các nhóm báo cáo đưa ra nhận xét chung về khối lượng rau quả sau khi phơi khô là bị giảm.  - HS đọc mục □ SGK trang 35, thảo luận theo 2 câu hỏi ở mục ▽ thứ 2 SGK trang 35, đưa ra ý kiến thống nhất.  - HS đưa được ý kiến: nước cần cho cây, từng loại cây, từng giai đoạn cây cần lượng nước khác nhau.  - HS trình bày ý kiến, các HS khác nhận xét, bổ sung.  + Chung ta cần chú ý chăm sóc cây : tưới nước thường xuyên cho cây để cây không bị thiếu nước  + Không  + Chúng ta cần phải bảo vệ nguồn nước tránh ô nhiễm |

***Kết luận:***  Như mục □ SGK trang 35.

***Hoạt động 2: Nhu cầu muối khoáng của cây (15’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| *+ Thí nghiệm 3:*  - GV treo tranh hình 11.1, cho HS đọc thí nghiệm 3 SGK trang 35.  - GV hướng dẫn HS thiết kế thí nghiệm theo nhóm: thí nghiệm gồm các bước  + Mục đích thí nghiệm  + Đối tượng thí nghiệm  + Tiến hành: điều kiện và kết quả.  - GV nhận xét, bổ sung cho các nhóm vì đây là thí nghiệm đầu tiên các em tập thiết kế.  - GV cho HS đọc SGK trả lời câu hỏi mục ▽.  - GV nhận xét, đánh giá điểm cho HS.  - GV yêu cầu HS tự đưa ra kết luận về nhu cầu muối khoáng của cây  - GV lưu ý cho HS : Muối khoang rất cần thiết đối với cây xanh tuy nhiên nếu cây xanh sống ở những nơi đất cằn cỗi thiếu muối khoáng thì chúng ta cần lam gì để đảm bảo nhu cầu muối khoáng của cây ?  - GV yêu cầu HS liên hệ thực tế trả lời câu hỏi  + Nếu cây sống ở nơi đất bị ô nhiễm thì có hút được muối khoáng trong đất không ?  + Vậy chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ môi trường đất tránh bị ô nhiễm ? | - HS đọc SGK kết hợp quan sát tranh và bảng số liệu ở SGK trang 36, trả lời câu hỏi sau thí nghiệm 3.  + Mục đích thí nghiệm: xem nhu cầu muối đạm của cây.  - HS trong nhóm sẽ thiết kế thí nghiệm của mình theo hướng dẫn của GV.  - 1 hoặc 2 HS trình bày thí nghiệm.  - HS đọc mục □ trả lời câu hỏi, ghi vào vở.  - 1 vài HS đọc lại câu trả lời.  + Chúng ta cần tăng cường bón phân để bổ sung các lại muối khoáng cho cây  - HS liên hệ thực tế trả lời câu hỏi  + Không  + Không vứt rác bừa bãi, không xử lí rác bằng biện pháp chôn lấp….. |

***Kết luận:***

- Rễ cây chỉ hấp thụ muối khoáng hoà tan trong đất, cây cần 3 loại muối khoáng chính là: đạm, lân, kali.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5’)**

- GV củng cố nội dung bài

- HS trả lời 3 câu hỏi GSK.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (5’)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”.

- Xem lại bài “Cấu tạo miền hút của rễ”.

**Tuần 6**  Ngày soạn: 16/9/2017

**Tiết 11** Ngày dạy: 27/ 9/2017

**Bài 11: SỰ HÚT NƯỚC VÀ MUỐI KHOÁNG CỦA RỄ**

***(tiếp theo)***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

1. Kiến thức : Hiểu được rễ cây hút nước và muối khoáng nhờ lông hút

- Biết được các điều kiện bên ngoài như : Đất đai, khí hậu ảnh hưởng tới sự hút nước và muối khoáng của rễ từ đó có các biện pháp bảo vệ đất chống ô nhiễm môi trường, thoái hoá đất, chống rửa trôi

2. Kỹ năng : Rèn kĩ năng quan sát tranh, mẫu.

3. Thái độ : Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

4. Phát triển năng lực học sinh : năng lực vận dụng kiến thức vào thực tế để giúp thực vật hút nước và muối khoáng tốt hơn.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Tranh phóng to hình 10.1; 10.2; 7.4 SGK

- HS: Ôn lại kiến thức về cấu tạo, chức năng các miền của rễ, lông hút, biểu bì, thịt vỏ,...

**C. PHƯƠNG PHÁP :** Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm....

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh**

- Vai trò của nước và muối khoáng đối với cây?

- Những giai đoạn nào của cây cần nhiều nước và muối khoáng?

**III. Dạy học bài mới**

1. Giới thiệu bài : Cho HS nhắc lại phần kết luận cuối bài của tiết trước rồi vào bài mới.

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1: Tìm hiểu con đường rễ cây hút nước và muối khoáng***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV cho HS nghiên cứu SGK làm bài tập mục ▽ SGK trang 37.  - GV viết nhanh 2 bài tập lên bảng, treo tranh phóng to hình 11.2 SGK.  - GV củng cố bằng cách chỉ lại trên tranh để HS theo dõi.  - GV cho HS nghiên cứu SGK trả lời ⭢ câu hỏi:  *- Bộ phận nào của rễ chủ yếu làm nhiệm vụ hút nước và muối khoáng hoà tan?*  *- Tại sao sự hút nước và muối khoáng của rễ không thể tách rời nhau?*  - GV có thể gọi đối tượng HS trung bình trước nếu trả lời được GV khen, đánh giá điểm. | - HS quan sát kĩ hình 11.2 chú ý đường đi của ⭢ màu vàng và đọc phần chú thích.  - HS chọn từ điền vào chỗ trống sau đó đọc lại cả câu xem đã phù hợp chưa.  - 1 HS lên chữa bài tập trên bảng ⭢ cả lớp theo dõi để nhận xét.  - HS đọc mục □ SGK. kết hợp với bài tập trước trả lời được 2 ý:  + Lông hút là bộ phận chủ yếu của rễ hút nước và muối khoáng hoà tan.  + Vì rễ cây chỉ hút được muối khoáng hoà tan. |

***Kết luận:*** Rễ cây hút nước và muối khoáng hoà tan nhờ lông hút.

***Hoạt động 2: Những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng tới***

***sự hút nước và muối khoáng của cây.***

|  |  |
| --- | --- |
| động của GV | Hoạt động của Hoạt HS |
| - GV thông báo những điều kiện ảnh hưởng tới sự hút nước và muối khoáng của cây: Đất trồng, thời tiết, khí hậu...  a- Các loại đất trồng khác nhau  - Yêu cầu HS nghiên cứu SGK ⭢ trả lời câu hỏi: *Đất trồng đã ảnh hưởng tới sự hút nước và muối khoáng như thế nào? VD cụ thể?*  *- ở những nơi đất đai cằn cỗi thiếu nước và muối khoáng như vùng đất đá ong thì chúng ta cần phải làm gì để tăng lượng nước và muối khoáng cho cây?*  *- Em hãy cho biết địa phương em có đất trồng thuộc loại nào?*  b- Thời tiết khí hậu  - GV yêu cầu học sinh nghiên cứu SGK. Trả lời câu hỏi thời tiết, khí hậu ảnh hưởng như thế nào đến sự hút nước và muối khoáng của cây?  - GV gợi ý: khi nhiệt độ xuống dưới 0oC nước đóng băng, muối khoáng không hoà tan, rễ cây không hút được.  - Để củng cố phần này GV cho HS đọc và trả lời câu hỏi mục ▽.  - GV dùng tranh câm hình 11.2 SGK, tr.37 để học sinh điền mũi tên và chú thích hình.  - Nếu đúng GV đánh giá điểm. | - HS đọc mục □ SGK tr.38 trả lời câu hỏi của GV có 3 loại đất:  + Đất đá ong: Nước và muối khoáng trong đất ít ⭢ sự hút của rễ khó khăn.  + Đất phù sa: Nước và muối khoáng nhiều ⭢ sự hút của rễ thuận lợi.  + Chúng ta cần bảo vệ đất chống xói mòn để tăng khả năng giữ nức và muối khoáng cho đất  - HS đọc thông tin □ SGK tr.38 trao đổi nhanh trong nhóm về ảnh hưởng của băng giá, khi ngập úng lâu ngày sự hút nước và muối khoáng bị ngừng hay mất.  + Đất phù xa  - 1 đến 2 HS trả lời ⭢ HS khác nhận xét bổ xung.  - HS đưa ra các điều kiện ảnh hưởng tới sự hút nước và muối khoáng cũng là kết luận của mục này. |

***Kết luận:***

- Đất trồng, thời tiêt, khí hậu ảnh hưởng tới sự hút nước và muối khoáng của cây.

**IV. Kiểm tra, đánh giá**

- HS trả lời câu hỏi 1 SGK.

- Trả lời một số câu hỏi thực tế HS đúng, GV đánh giá

+Vì sao cần bón đủ phân, đúng loại, đúng lúc?

+ Tại sao khi trời nắng, nhiệt độ cao cần tới nhiều nước cho cây?

+ Cày, cuốc, xới đất có lợi gì?

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà**

- Học bài và trả lời câu hỏi 2, 3 SGK trang 39.

- Đọc mục “Em có biết”.

- Giải ô chữ SGK trang 39.

- Chuẩn bị mẫu theo nhóm: củ sắn, củ cà rốt, cành trầu không, vạn niên thanh, cây tầm gửi (nếu có), dây tơ hồng, tranh các loại cây: bụt mọc, cây mắm, cây đước (có nhiều rễ trên mặt đất).

**Tuần 6**  Ngày soạn: 16/9/2017

**Tiết 12** Ngày dạy: 29/ 9/2017

**THỰC HÀNH**

**Bài 12: BIẾN DẠNG CỦA RỄ**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

1. Kiến thức :- Học sinh phân biệt 4 loại biến dạng: rễ củ, rễ móc, rễ thở, giác mút. Hiểu được đặc điểm của từng loại rễ biến dạng phù hợp với chức năng của chúng.

- Nhận dạng được một số rễ biến dạng đơn giản thường gặp.

- HS giải thích được vì sao phải thu hoạch các cây có rễ củ trước khi cây ra hoa.

2. Kỹ năng : Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, phân tích mẫu, tranh.

3. Thái độ : Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

4. Phát triển năng lực học sinh : nhận biết các loại rễ biến dạng, ý nghĩa của chúng với đời sống của thực vật

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Kẻ sẵn bảng đặc điểm các loại rễ biến dạng SGK trang 40.

+ Tranh mẫu một số loại rễ đặc biệt.

- HS: Mỗi nhóm chuẩn bị: củ sắn, củ cà rốt, cành trầu không, tranh cây bần, cây bụt mọc... và kẻ bảng trang 40 vào vở.

**C. PHƯƠNG PHÁP :** Thực hành, thuyết trình, vấn đáp....

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp :**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh**

- Bộ phận nào của rễ có chức năng chủ yếu hấp thụ nước và muối khoáng?

**III. Bài mới :**

**1.Giới thiệu bài**

- Rễ ngoài chức năng hút nước và muối khoáng, thì nó còn có những biến dạng để thực hiện những chức năng khác nữa. Vậy rễ có những loại biến dạng nào? Đặc điểm và chức năng của từng loại rễ biến dạng đó ra sao? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu vào bài hôm nay bài 12:…..

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1: Đặc điểm hình thái của rễ biến dạng***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm. Đặt mẫu lên bàn quan sát, phân chia rễ thành nhóm.  - GV gợi ý: có thể xem rễ đó ở dưới đất hay trên cây.  - GV củng cố thêm môi trường sống của cây bần, mắm, cây bụt mọc là ở nơi ngập mặn, hay gần ao, hồ...  - GV không chữa nội dung đúng hay sai chỉ nhận xét hoạt động của các nhóm, HS sẽ tự sửa ở mục sau. | - HS trong nhóm đặt tất cả mẫu và tranh lên bàn, cùng quan sát.  - Dựa vào hình thái, màu sắc và cách mọc để phân chia rễ vào từng nhóm nhỏ.  - HS có thể phân chia: rễ dưới mặt đất, rễ mọc trên thân cây hay rễ bám vào tường, rễ mọc ngược lên mặt đất.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung |

***Hoạt động 2: Đặc điểm cấu tạo và chức năng của rễ biến dạng***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân.  - GV treo bảng mẫu để HS tự sửa lỗi (nếu có).  - Tiếp tục cho HS làm nhanh bài tập SGK trang 41.  - GV đưa một số câu hỏi củng cố bài.  *- Có mấy loại rễ biến dạng?*  *- Chức năng của rễ biến dạng đối với cây là gì?*  - GV có thể cho HS tự kiểm tra nhau bằng cách gọi 2 HS đứng lên, 1 HS hỏi và 1 HS trả lời nhanh.  - Yêu cầu HS thay nhau trả lời, nếu trả lời đúng nhiều thì GV đánh giá điểm. | - HS hoàn thành bảng trang 40 ở vở.  - HS so sánh với phần nội dung ở mục 1 để sửa chữa những chỗ chưa đúng về các loại rễ, tên cây...  - 1 đến 2 HS đọc kết quả của mình, HS khác bổ sung.  - 1 HS đọc luôn phần trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung (nếu cần). |

***Kết luận:*** Như nội dung bảng SGK trang 40.

**IV. Kiểm tra, đánh giá**

- GV củng cố nội dung bài.

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi SGK.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Sưu tầm cho bài sau một số loại cành cây: râm bụt, hoa hồng, rau đay, ngọn bí đỏ.

**Tuần 7** Ngày soạn: 27/9/2017

**Tiết 13** Ngày soạn: 4/10/2017

CHƯƠNG III- THÂN

**Bài 13: CẤU TẠO NGOÀI CỦA THÂN**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức :**  Học sinh nắm được các bộ phận cấu tạo ngoài của thân gồm: thân chính, cành, chồi ngọn và chồi nách.

- Phân biệt được 2 loại chồi nách: chồi lá và chồi hoa.

- Nhận biết, phân biệt được các loại thân: thân đứng, thân leo, thân bò.

**2. Kĩ năng :** Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, phân tích mẫu, tranh.

**3. Thái độ :** Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên.

**4. Năng lực hình thành :** Năng lực quan sát, giải quyết vấn đề. Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Tranh phóng to hình 13.1; 13.2; 13.3 SGK trang 43, 44.

+ Ngọn bí đỏ, ngồng cải…. Bảng phân loại thân cây.

- HS: Cành cây: râm bụt, hoa hồng, rau đay, ngọn bí đỏ, rau má, cây cỏ, kính lúp cầm tay, tranh 1 số loại cây.

**C. PHƯƠNG PHÁP:** Vấn đáp, thuyết trình, thực hành….

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (7’)**

- Kể tên các loại rễ biến dạng và chức năng của chúng?

**III. Dạy học bài mới**

1. Giới thiệu bài: Thân là cơ quan sinh dưỡng của cây, có chức năng vận chuyển các chất trong cây và nâng đỡ tán lá. Vậy thân gồm có những bộ phận nào? Có mấy loại ?

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1: Cấu tạo ngoài của thân(20’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **a.** Xác định các bộ phận ngoài của thân, vị trí chồi ngọn, chồi nách.  - GV yêu cầu:  + HS đặt mẫu trên bàn. Hoạt động cá nhân  + Quan sát thân cành từ trên xuống trả lời câu hỏi SGK.  - GV kiểm tra bằng cách gọi HS trình bày trước lớp.  - GV gợi ý HS đặt 1 cành gần 1 cây nhỏ để tìm đặc điểm giống nhau.  - Câu hỏi thứ 5 có thể HS trả lời không đúng, GV gợi ý: vị trí của chồi ở đâu thì nó phát triển thành bộ phận đó.  - GV dùng tranh 13.1 nhắc lại các bộ phận của thân, hay chỉ ngay trên mẫu để HS ghi nhớ.  **b.** Quan sát cấu tạo của chồi hoa và chồi lá  - GV nhấn mạnh: chồi nách gồm 2 loại: chồi lá, chồi hoa.  Chồi hoa, chồi lá nằm ở kẽ lá.  - GV yêu cầu: HS hoạt động nhóm.  - GV cho HS quan sát chồi lá (bí ngô) chồi hoa (hoa hồng), GV có thể tách vảy nhỏ cho HS quan sát.  - GV hỏi: *Những vảy nhỏ tách ra được là bộ phận nào của chồi hoa và chồi lá?*  - GV treo tranh hình 13.2 SGK trang 43.  - GV cho nhắc lại các bộ phận của thân. | - Đặt cây, cành lên bàn quan sát đối chiếu với hình 13.1 SGK trang 43 trả lời 5 câu hỏi SGK.  - HS mang cành của mình đã quan sát lên trước lớp chỉ các bộ phận của thân, HS khác bổ sung.  - HS tiếp tục trả lời câu hỏi, yêu cầu nêu được:  + Thân, cành đều có những bộ phận giống nhau: đó là có chồi, lá...  + Chồi ngọn: đầu thân, chồi nách, nách lá.  - HS nghiên cứu mục thông tin □ SGK trang 43 ghi nhớ kiến thức về 2 loại chồi lá và chồi hoa.  - HS quan sát thao tác và mẫu của GV kết hợp hình 13.2 SGK trang 43, ghi nhớ kiến thức cấu tạo của chồi lá, chồi hoa.  - HS xác định được các vảy nhỏ mà GV đã tách là mầm lá.  + Giống nhau: có mầm lá bao bọc.  + Khác nhau:MPS ngọn là mầm hoa. |

***Kết luận:***- Ngọn thân và cành có chồi ngọn, dọc thân và cành có chồi nách. Chồi nách gồm 2 loại; chồi hoa và chồi lá.

***Hoạt động 2: Phân biệt các loại thân(10’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS hoạt động cá nhân.  - GV treo tranh hình 13.3 SGK trang 44, yêu cầu HS đặt mẫu tranh lên bàn, quan sát và chia nhóm.  - GV gợi ý một số vấn đề khi phân chia:  + Vị trí của thân trên mặt đất.  + Độ cứng mền của thân + Sự phân cành  + Thân tự đứng hay phải leo, bám.  - GV gọi 1 HS lên điền tiếp vào bảng phụ đã chuẩn bị sẵn.  - GV chữa ở bảng phụ để HS theo dõi và sửa lỗi trong bảng của mình.  *- Có mấy loại thân? cho VD?* | - HS quan sát tranh, mẫu đối chiếu với tranh của GV để chia nhóm cây kết hợp với những gợi ý của GV rồi đọc thông tin □ SGK trang 44 để hoàn thành bảng trang 45 SGK.  - 1 HS lên điền vào bảng phụ. Các HS còn lại nhận xét, bổ sung.  - HS trả lời. |

***Kết luận:*** Có 3 loại thân: thân đứng, thân leo, thân bò.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (4’)**

- Yêu cầu HS làm bài tập 1 và 2, GV photo sẵn dưới dạng phiếu học tập.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (4’)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc trước và làm thí nghiệm rồi ghi lại kết quả ở bài 14.

**Tuần 7** Ngày soạn: 27/9/2017

**Tiết 14** Ngày soạn: 6/10/2017

**Bài 14: THÂN DÀI RA DO ĐÂU?**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Qua thí nghiệm HS tự phát hiện: thân dài ra do phần ngọn.

- Biết vận dụng cơ sở khoa học của bấm ngọn, tỉa cành để giải thích một số hiện tượng trong thực tế sản xuất.

**2. Kĩ năng:**  Rèn kĩ năng tiến hành thí nghịêm, quan sát, so sánh.

**3. Thái độ:** Giáo dục cho HS ý thức bảo vệ tính toàn vẹn của cây, hạn chế việc làm vô ý thức: bẻ cành cây, đu,trèo, làm gẫy hay bóc vỏ cây…

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực thực hành, quan sát, giải quyết vấn đề, hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Tranh phóng to hình 14.1; 13.1

- HS: Báo cáo kết quả thí nghiệm.

**C. PHƯƠNG PHÁP:** Vấn đáp, thuyết trình, thực hành….

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh** Các nhóm báo cáo kết quả đã làm từ tuần trước.

**III. Dạy học bài mới (5’)**

1. Giới thiệu bài: Trong thực tế; khi trồng rau ngót, thỉnh thoảng người ta cắt ngang thân, làm như vậy có tác dụng gì?

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1: Sự dài ra của thân (15’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV  - GV cho HS báo cáo kết quả thí nghệm  - GV ghi kết quả lên bảng.  - Gọi 1 HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.  - Đối với câu hỏi \* GV gợi ý: ở ngọn cây có mô phân sinh ngọn, treo tranh 13.1 GV giải thích thêm.  + Khi bấm ngọn, cây không cao thêm được, chất dinh dưỡng tập trung cho chồi lá và chồi hoa phát triển.  + Chỉ tỉa cành bị sâu, cành xấu với cây lấy gỗ, sợi mà không bấm ngọn vì cần thân, sợi dài.  - Cho HS rút ra kết luận.  - GV gợi ý: Như vậy thân dài ra là do phần ngọn  + Vậy để thân cây có thể dài ra được thì các em cần phải làm gì? | Hoạt động của HS  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Nhóm thảo luận theo 3 câu hỏi SGK trang 46 đưa ra được nhận xét:  Cây bị bấm ngọn thấp hơn cây không bấm ngọn, thân dài ra do phần ngọn.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS đọc thông tin □ SGK trang 47 rồi chú ý nghe GV giải thích ý nghĩa của bấm ngọn, tỉa cành.  - HS lắng nghe, liên hệ thực tế trả lời câu hỏi  + Cần phải bảo vệ cây, không bẻ cành, ngọn cây, hoặc làm tổn thương đến cây. |

***Kết luận:*** Thân dài ra do phần ngọn (mô phân sinh ngọn).

***Hoạt động 2: Giải thích những hiện tượng thực tế (15’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm.  - GV nghe phần trả lời, bổ sung của cá nhóm, hỏi:  *- Những loại cây nào người ta thường bấm ngọn, những cây nào thì tỉa cành?*  - Sau khi học sinh trả lời xong GV hỏi:  *-Vậy hiện tượng cắt thân cây rau ngót ở đầu giờ nêu ra nhằm mục đích gì?*  - GV nhận xét giời học, giải đáp thắc mắc của HS. | - Nhóm thảo luận 2 câu hỏi GSK trang 47 dựa trên phần giải thích của GV ở mục 1.  - Yêu cầu đưa ra được nhận xét: cây đậu, bông, cà phê là cây lấy quả, cần nhiều cành nên người ta cắt ngọn.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |

***Kết luận:***

- Bấm ngọn những loại cây lấy quả, hạt, thân để ăn còn tỉa cành với những cây lấy gỗ, lấy sợi.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (10’)**

- GV photo 2 bài tập vào giấy:

*Bài tập 1*: Hãy khoanh tròn vào những cây được sử dụng biện pháp bấm ngọn:

a. Rau muống b. Rau cải

c. Đu đủ d. ổi

e. Hoa hồng f. Mướp

*Đáp án: a, e, g*

*Bài tập 2*: Khoanh tròn vào những cây không sử dụng biện pháp ngắt ngọn:

a. Mây b. Xà cừ

c. Mồng tơi d. Bằng lăng

e. Bí ngô f. Mía

*Đáp án: a, b, d, g.*

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (5’)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Ôn lại bài : “Cấu tạo miền hút của rễ” chú ý cấu tạo.

**Tuần 8**  Ngày soạn: 1/10/2017

**Tiết 15** Ngày dạy: 11/10/2017

**Bài 15: CẤU TẠO TRONG CỦA THÂN**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh nắm được đặc điểm cấu tạo trong của thân non, so sánh với cấu tạo trong của rễ (miền hút)

- Nêu được những đặc điểm cấu tạo của vỏ, trụ giữa phù hợp với chức năng của chúng.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát, so sánh.

**3. Thái độ**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, bảo vệ thực vật.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực giải quyết vấn đề.

- Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Tranh phóng to hình 15.1; 10.1 SGK.

+ Bảng phụ: “Cấu tạo trong thân non”

- HS: Ôn lại bài cấu tạo miền hút của rễ, kẻ bảng cấu tạo trong và chức năng của thân non vào vở.

**C. PHƯƠNG PHÁP:** Vấn đáp, thuyết trình, thực hành….

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (4’)**

- Cây dài ra do bộ phận nào?

**III. Dạy học bài mới**

1.Giới thiệu bài: thân non của tất cả các loại cây là phần ngọn ở thân và cành. Thân non thường có màu xanh lục.

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1: Cấu tạo trong của thân non(17’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| *+ Vấn đề 1*: Xác định các bộ phận của thân non.  - GV cho HS quan sát hình 15.1 SGK, hoạt động cá nhân (GV treo tranh phóng to hình 15.1)  - GV gọi HS lên bảng chỉ tranh và trình bày cấu tạo của thân non.  - GV nhận xét và chuyển sang vấn đề 2  *+ Vấn đề 2*: Tìm hiểu cấu tạo phù hợp với chức năng của các bộ phận thân non.  - GV treo tranh, bảng phụ, yêu cầu HS hoạt động theo nhóm, hoàn thành bảng.  - GV đưa đáp án đúng:  + Biểu bì có tác dụng bảo vệ bộ phận bên trong.  + Thịt vỏ, dự trữ và tham gia quang hợp.  + Bó mạch: Mạch rây: vận chuyển chất hữu cơ. Mạch gỗ: vận chuyển muối khoáng và nước.  + Ruột: chứa chất dự trữ. | - HS quan sát hình 15.1 đọc phần chú thích xác định cấu tạo chi tiết 1 phần của thân non.  - Cả lớp theo dõi phần trình bày của bạn, nhận xét và bổ sung.  - yêu cầu nêu được thân được chia thành 2 phần: Vỏ (biểu bì và thịt vỏ) và trụ giữa (mạch và ruột)  - Các nhóm trao đổi thống nhất ý kiến để hoàn thành bảng SGK trang 49. Chú ý cấu tạo phù hợp với chức năng của từng bộ phận.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung 1-2 nhóm lên viết vào bảng phụ trình bày kết quả.  - Nhóm khác theo dõi rồi bổ sung.  - HS sửa lại bài làm của mình nếu cần.  - HS đọc to toàn bộ cấu tạo và chức năng các bộ phận của thân non. |

***Kết luận:***- Như cột 1 bảng SGK trang 49.

***Hoạt động 2: So sánh cấu tạo trong của thân non và miền hút của rễ (16’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV treo tranh hình 15.1 và 10.1 phóng to lần lượt gọi 2 HS lên chỉ các bộ phận cấu tạo thân non và rễ.  - Yêu cầu HS làm bài tập ▽ SGK trang 50.  - GV gợi ý: *thân và rễ được cấu tạo bằng gì? Có những bộ phận nào? Vị trí của bó mạch?...*  - GV lưu ý: dù đúng hay sai thì ý kiến của nhóm vẫn được trình bày hết, sau đó sẽ bổ sung, tìm ra phần trả lời đúng nhất chứ không được cắt ngang ý kiến của nhóm).  - GV cho HS xem bảng so sánh kẻ sẵn (SGV) để đối chiếu phần vừa trình bày. GV có thể đánh giá điểm cho nhóm làm tốt. | - Nhóm thảo luận 2 nội dung:  + Tìm đặc điểm giống nhau đều có các bộ phận.  + Tìm đặc điểm khác nhau: vị trí bó mạch.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |

***Kết luận:***

- Kết luận SGK.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (4’)**

- GV củng cố nội dung bài.

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi SGK.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (4’)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Học thuộc mục “Điều em nên biết”

- Mỗi nhóm chuẩn bị 2 thớt gỗ.

**Tuần 8**  Ngày soạn:01/10/2017

**Tiết 16**  Ngày soạn: 13/10/2017

**Bài 16: THÂN TO RA DO ĐÂU**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh trả lời câu hỏi: thân cây to ra do đâu?

- Phân biệt được dác và dòng : tập xác định tuổi của cây qua việc đếm vòng gỗ hàng năm.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát. So sánh, nhận biết kiến thức.

**3. Thái độ:** Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, ý thức bảo vệ thực vật.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực thực hành. Năng lực quan sát.

- Năng lực giải quyết vấn đề. Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Đoạn thân gỗ già cưa ngang (thớt gỗ tròn)

+ Tranh phóng to hình 15.1; 16.1; 16.2

- HS: Chuẩn bị thớt, 1 cành cây bằng lăng... dao nhỏ, giấy lau.

**C. PHƯƠNG PHÁP:** Vấn đáp, thuyết trình, thực hành….

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (5’)**

- Nêu đặc điểm cấu tạo và chức năng của thân non?

**III. Dạy học bài mới:**

**1. Giới thiệu bài**: HS đã biết cây dài ra do phần ngọn nhưng cây không những dài ra mà còn to ra, vậy cây to ra do đâu?

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1: Xác định tầng phát sinh(15’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV treo tranh hình 15.1 và 16.1 trả lời câu hỏi: C*ấu tạo trong của thân non như thế nào?*  - GV lưu ý: vì ở hình 16.1 không có phần biểu bì, nếu HS cho đó là đặc điểm khác thì GV phải giải thích.  - GV hướng dẫn HS xác định vị trí 2 tầng phát sinh như SGV.  - GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK, thảo luận theo nhóm 3 câu hỏi.  - GV gọi đại diện nhóm lên chữa bài.  - GV nhận xét phần trao đổi của HS các nhóm, yêu cầu HS rút ra kết luận cuối cùng của hoạt động. | - HS quan sát tranh trên bảng, trao đổi nhóm và ghi nhận xét vào giấy.  - Yêu cầu: Phát hiện được tầng sinh vỏ và sinh trụ)  - 1 HS lên bảng trả lời chỉ trên tranh điểm khác nhau cơ bản giữa thân non và thân trưởng thành.  - HS các nhóm tập làm theo GV, tìm tầng sinh vỏ và sinh trụ.  - HS đọc mục thông tin SGK trang 51, trao đổi nhóm thống nhất ý kiến, ghi ra giấy.  - Yêu cầu:  + Tầng sinh vỏ ⭢ sinh ra vỏ.  + Tầng sinh trụ ⭢ sinh ra lớp mạch rây và mạch gỗ.  - HS của nhóm mang mẫu của nhóm lên chỉ vị trí của tầng phát sinh và nội dung trả lời, nhóm khác nhận xét, bổ sung. |

***Kết luận:***

- Cây to ra nhờ tầng sinh vỏ và tầng sinh trụ.

***Hoạt động 2: Nhận biết vòng gỗ hàng năm, tập xác định tuổi cây (7’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV cho HS đọc SGK, quan sát hình, tập đếm vòng gỗ, thảo luận theo 2 câu hỏi:  *- Vòng gỗ hàng năm là gì? Tại sao có vòng gỗ sẫm và vòng gỗ sáng màu?*  *- Làm thế nào để đếm được tuổi cây?*  - GV gọi đại diện 1-2 nhóm mang miếng gỗ lên trước lớp rồi đếm số vòng gỗ và xác định tuổi cây.  - GV nhận xét và đánh giá điểm cho nhóm có kết quả đúng. | - HS đọc thông tin mục □ SGK trang 51 mục “Em có biết” (trang 53), quan sát hình 16.3 trao đổi nhóm.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Các nhóm đếm số vòng gỗ trên miếng gỗ của mình rồi trình bày trước lớp, nhóm khác bổ sung. |

***Hoạt động 3: Dác và ròng (8’)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS hoạt động độc lập và trả lời câu hỏi:  *- Thế nào là dác? Thế nào là ròng?*  *- Tìm sự khác nhau giữa dác và ròng?*  - GV nhận xét phần trả lời của HS, có thể mở rộng: Người ta chặt cây gỗ xoan rồi ngâm xuống ao, sau một thời gian vớt lên, có hiện tượng phần bên ngoài của thân bong ra nhiều lớp mỏng, còn phần trong cứng chắc, Em hãy giải thích?  *- Khi làm cột nhà, làm trụ cầu, thanh tà vẹt (đường ray tàu hoả) người ta sẽ sử dụng phần nào của gỗ?*  + *Vậy với những lợi ích đó, thì chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ cây rừng?* | - HS đọc thông tin □ quan sát hình 16.2 SGK trang 52 và trả lời 2 câu hỏi.  - HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS dựa vào vị trí của dác và ròng để trả lời câu hỏi (phần bong ra là dác, phần cứng chắc là ròng).  - Dựa vào tính chất của dác và ròng để trả lời (người ta dùng phần ròng để làm).  - Cần tham gia cùng với gia đình địa phương vào việc bảo vệ rừng, không páh hoại cây rừng, ngăn chặn các hnàh vi phá hoại rừng, tuyên truyền cho những người khác về tác dụng của rừng để mọi người cùng nhau bảo vệ rừng. |

***Kết luận:***

- Thân cây gỗ già có dác và ròng.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5’)**

- Gọi HS lên bảng chỉ trên tranh vị trí của tầng phát sinh, trả lời câu hỏi: thân cây to ra do đâu?

- Xác định tuổi gỗ bằng cách nào? Xác định tuổi gỗ của miếng gỗ của nhóm hay nhóm khác.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (5’)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Tìm đọc cuốn “Vì sao? Thực vật học”, chuẩn bị thí nhiệm theo nhóm cho bài sau SGK trang 54.

- Ôn lại phần cấu tạo và chức năng của bó mạch.

- Chú ý nhắc HS đọc trước bài 17, làm thí nghiệm (đặt cành hoa vào nước rồi dùng dao cắt bỏ 1 đoạn trong nước để bọt khí không làm tắc mạch dẫn).

**Tuần 9** Ngày soạn: 11/10/2017

**Tiết 17** Ngày dạy: 18/10/2017

**Bài 17: VẬN CHUYỂN CÁC CHẤT TRONG THÂN**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Mục tiêu**

- Học sinh biết tự tiến hành thí nghiệm để chứng minh: nước và muối khoáng từ rễ lên thân, nhờ mạch gỗ, các chất hữu cơ trong cây được vận chuyển nhờ mạch rây.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng thao tác thực hành. Kĩ năng quan sát. Kĩ năng thảo luận nhóm.

**3. Thái độ**

- Các chất được vận chuyển nhờ mạch gỗ và mạch rây trong thân để lên lá và các bộ phận khác của cây. Từ dó HS biết cách bảo vệ tính toàn vẹn của cây, không chặt cây, bẻ cành… làm ảnh hưởng tới quá trình vận chuyển các chất trong thân của cây → giáo dục HS ý thức bảo vệ thực vật.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực thực hành. Năng lực quan sát. Năng lực giải quyết vấn đề.

- Năng lực thuyết trình. Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Làm thí nghiệm trên nhiều loại hoa: hồng, cúc, huệ, loa kèn trắng, cành lá dâu, dâm bụt...

+ Kính hiển vi, dao sắc, nước, giấy thấm, 1 cành chiết ổi, hồng xiêm (nếu có điều kiện).

- HS: Làm thí nghiệm theo nhóm ghi lại kết quả, quan sát chỗ thân cây bị buộc dây thép (nếu có).

**C. PHƯƠNG PHÁP:** Vấn đáp, thuyết trình, thực hành….

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. (1’)**

**II. Kiểm tra (4’)**

- Nước sau khi được rễ cây hút sẽ dưc

- Thân to ra do đâu?

- Tìm sự khác nhau cơ bản giữa dác và ròng?

**III. Dạy học bài mới**

**1. Giới thiệu bài** : **(1’)** Nước và các chất sau khi được rễ hút sẽ được vận chuyển lên thân. Vậy quá trình vận chuyển đó diễn ra như thế nào ? Chúng ta cùng nhau tìm hiể nội dung bài hôm nay

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1: Sự vận chuyển nước và muối khoáng hoà tan*(18’)**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu nhóm trình bày thí nghiệm ở nhà.  - GV quan sát kết quả của các nhóm, so sánh SGK, GV thông báo ngay nhóm nào có kết quả tốt.  - GV cho cả lớp xem thí nghiệm của mình trên cành mang hoa (cành hoa huệ) cành mang lá (cành dâu) để nhằm mục đích chứng minh sự vận chuyển các chất trong thân lên hoa và lá.  - GV hướng dẫn HS cắt lát mỏng qua cành của nhóm, quan sát bằng kính hiển vi.  - GV phát một số cành đã chuẩn bị hướng dẫn HS bóc vỏ cành.  - GV cho 1 vài HS quan sát mẫu trên kính hiển vi, xác định chỗ nhuộm màu, có thể trình bày hay vẽ lên bảng cho cả lớp theo dõi.  - GV nhận xét, đánh giá cho điểm nhóm làm tốt. | - Đại diện nhóm trình bày các bước tiến hành thí nghiệm, cho cả lớp quan sát kết quả của nhóm mình, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Quan sát ghi lại kết quả.  - HS nhẹ tay bóc vỏ nhìn bằng mắt thường chỗ có bắt màu, quan sát màu của gân lá  - Các nhóm thảo luận: chỗ bị nhuộm màu đó là bộ phận nào của thân? Nước và muối khoáng được vận chuyển qua phần nào của thân?  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |

***Kết luận:***

- Nước và muối khoáng được vận chuyển từ rễ lên thân nhờ mạch gỗ.

***Hoạt động 2: Sự vận chuyển chất hữu cơ* ( 15 ’)**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân sau đó thảo luận nhóm.  - GV lưu ý: *Khi bóc vỏ, bóc luôn cả mạch nào?*  - GV có thể mở rộng: chất hữu cơ do lá chế tạo sẽ mang đi nuôi thân, cành, rễ...  - GV nhận xét và giải thích nhân dân lợi dụng hiện tượng này để chiết cành.  - GV hỏi: *Khi bị cắt vỏ, làm đứt mạch rây ở thân thì cây có sống được không? tại sao?*  + *Vậy chúng ta cần phải làm gì để hoạt động vận chuyển chất hữu cơ trong thân diễn ra một cách bình thường?* | - HS đọc thí nghiệm và quan sát hình 17.2 SGK trang 55.  - Thảo luận nhóm theo 3 câu hỏi SGK trang 55.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + Không, vì khi đứt mạch rây thì cây không vận chuyển được hữu cơ từ lá tới các bộ phận bên dưới nữa làm cho các bộ phận bên dưới như rễ có thể bị chết, do không nhận được chất hữu cơ từ trên vận chuyển xuống.  - Bảo vệ cây, tránh tước vỏ cây để chơi đùa, chằng buộc dây thép vào thân cây… làm ảnh hưởng đến sự vận chuyển chất hữu cơ của cây. |

***Kết luận:***

- Chất hữu cơ vận chuyển nhờ mạch rây.

**IV. Kiểm tra, đánh giá( 3 ’)**

- Cho HS trả lời câu hỏi 1, 2 SGK, làm bài tập cuối bài tại lớp.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà( 3 ’)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Chuẩn bị: củ khoai tây có mầm, củ su hào, gừng, củ dong ta, 1 đoạn xương rồng, que nhọn, giấy thấm.

**Tuần 9**  Ngày soạn: 12/10/2017

**Tiết 18** Ngày dạy: 20/10/2017

**Bài 18: THỰC HÀNH – QUAN SÁT BIẾN DẠNG CỦA THÂN**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh nhận biết được những đặc điểm chủ yếu về hình thái phù hợp với chức năng của một số thân biến dạng qua quan sát mẫu và tranh ảnh.

- Nhận dạng được một số thân biến dạng trong thiên nhiên.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát mẫu vật. Nhận biết kiến thức qua quan sát, so sánh.

**3. Thái độ**

- Giáo dục lòng yêu thích môn học, yêu thiên nhiên và bảo vệ thiên nhiên.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực thực hành. Năng lực quan sát. Năng lực giải quyết vấn đề.

- Năng lực thuyết trình. Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Tranh phóng to hình 18.1 và 18.2 SGK, một số mẫu vật.

- HS: Chuẩn bị một số củ đã dặn ở bài trước, que nhọn, giấy thấm, kẻ bảng ở SGK trang 59 vào vở.

**C. PHƯƠNG PHÁP:** Vấn đáp, thuyết trình, thực hành….

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. ( 1 ’)**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh( 4 ’)**

- Mô tả thí nghiệm chứng minh mạch gỗ của thân vận chuyển nước và muối khoáng?

- Chức năng của mạch rây?

**III. Dạy học bài mới**

1. **Giới thiệu bài( 1 ’)**- Thân không những chỉ làm nhiệm vụ vận chuyển nước, muối khoáng và chất hữu cơ, ma nó còn có những biến đổi để phù hợp với những chức năng khác? Vậy thân có những loại biến dạng nào? Chức năng của từng loại biến dạng đó ra sao chúng ta cùng nhau tìm hiểu nội dung bài hôm nay, bài :……

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1: Quan sát một số thân biến dạng*( 20 ’)**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| ***a.*** *Quan sát các loại củ, tìm đặc* điểm chứng tỏ chúng là thân  - GV yêu cầu HS quan sát các loại củ xem chúng có đặc điểm chứng tỏ chúng là thân.  - GV lưu ý tìm củ su hào có chồi nách và gừng đã có chồi để học sinh quan sát thêm.  - GV cho HS phân chia các loại củ thành nhóm dựa trên vị trí của nó so với mặt đất và hình dạng củ, chức năng.  - GV yêu cầu HS tìm những đặc điểm giống và khác nhau giữa các loại củ này.  - GV lưu ý HS bóc vỏ của củ dong, tìm dọc củ có những mắt nhỏ đó là chồi nách, còn các vỏ (hình vẩy) là lá.  - GV cho HS trình bày và tự bổ sung cho nhau.  - GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK trả lời 4 câu hỏi trang 58.  - GV nhận xét và tổng kết: một số loại thân biến dạng làm chức năng khác là dự trữ chất khi ra hoa kết quả.  ***b****. Quan sát thân cây xương rồng*  - GV cho HS quan sát thân cây xương rồng, thảo luận theo câu hỏi:  *- Thân xương rồng chứa nhiều nước có tác dụng gì?*  *- Sống trong điều kiện nào lá biến thành gai?*  *- Cây xương rồng thường sống ở đâu?*  *- Kể tên một số cây mọng nước*?  - GV cho HS nghiên cứu SGK rồi rút ra kết luận chung cho hoạt động 1. | - HS đặt mẫu lên bàn quan sát tìm xem có chồi, lá không?  - HS quan sát tranh ảnh và gợi ý của GV để chia củ thành nhiều nhóm.  - Yêu cầu HS nêu được:  + Đặc điểm giống nhau: có chồi, lá ⭢ là thân.  + Đều phình to ⭢ chứa chất dự trữ.  + Đặc điểm khác nhau: củ gừng, dong (có hình rễ), dưới mặt đất gọi là thân rễ.  Củ su hào, khoai tây (dạng tròn to) thân củ.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung,  - HS đọc mục □ SGK trang 58, trao đổi nhóm theo 4 câu hỏi SGK.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS quan sát thân, gai, chồi ngọn của cây xương rồng. Dùng que nhọn chọc vào thân, quan sát hiện tượng, trả lời các câu hỏi.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS đọc mục □ SGK trang 58 để sửa chữa kết quả. |

***Kết luận:***

- Thân biến dạng để chứa chất dự trữ hay dự trữ nước cho cây.

***Hoạt động 2: Đặc điểm của một số loại thân biến dạng*( 12 ’)**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV cho HS hoạt động độc lập theo yêu cầu của SGK trang 59.  - GV treo bảng đã hoàn thành kiến thức để HS theo dõi và sửa bài cho nhau.  - GV tìm hiểu số bài đúng và chưa đúng bằng cách gọi cho HS giơ tay, GV sẽ biết được tỉ lệ HS nắm được bài. | - HS hoàn thành bảng ở vở bài tập.  - HS đổi vở bài tập cho bạn cùng bàn, theo dõi bảng của giáo viên, chữa chéo cho nhau.  - 1 HS đọc to toàn bộ nội dung trong bảng của GV cho cả lớp nghe để ghi nhớ kiến thức. |

**IV. Kiểm tra, đánh giá( 5 ’)**

- GV cho HS làm bài tập tại lớp, GV thu 15 bài chấm ngày tại lớp.

- Hay kiểm tra bằng những câu hỏi như SGV.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà( 2 ’)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK. Đọc mục “Em có biết”

- Chuẩn bị bài sau: Chuẩn bị các kiến thức cho tiết sau ôn tập.

**Tuần 10** Ngày soạn: 14/10/2017

**Tiết 19** Ngày dạy: 25/10/2017

**ÔN TẬP CHƯƠNG I - III**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh củng cố được các kiến thức đã học từ chương I đến chương III.

- Nhận biết rõ các đặc điểm có trên các tranh vẽ.

- Hiểu được chức năng phù hợp với cấu tạo.

**2. Kĩ năng :** Có kĩ năng quan sát kính hiển vi thành thạo.

**3. Thái độ :** Có thái độ yêu thích môn học.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát. Năng lực giải quyết vấn đề. Năng lực thuyết trình. Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Tranh vẽ các hình co trong nội dung đã học, kính lúp, kính hiển vi.

- HS: Chuẩn bị theo nội dung đã dặn

**C. PHƯƠNG PHÁP:** Vấn đáp, thuyết trình, thực hành….

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. ( 1 ’)**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh**

**III. Dạy học bài mới**

**1. Giới thiệu bài :** Ôn tập kiến thức đã học

**2. Bài mới( 40 ’)**

- GV hướng dẫn HS ôn tập theo từng chương.

- GV gợi ý bằng các câu hỏi để HS đưa ra nội dung:

**a**. *Chương I: Tế bào thực vật*

- Kính lúp, kính hiển vi:

+ Đặc điểm cấu tạo.

+ Cách sử dụng.

- Quan sát tế bào thực vật:

+ Làm tiêu bản (phương pháp)

+ Cách quan sát và vẽ hình.

- Cấu tạo tế bào thực vật:

+ Tìm được các bộ phận của tế bào (trên tranh câm)

+ Biết cách quan sát.

- Sự lớn lên và phân chia của tế bào:

+ Tế bào lớn lên do đâu?

+ Sự phân chia tế bào do đâu?

**b**. *Chương II: Rễ*

- Các loại rễ, các miền của rễ:

+ 2 loại rễ chính: rễ cọc, rễ chùm

+ Lấy VD

+ Cấu tạo và chức năng miền hút của rễ

- Sự hút nước và muối khoáng của rễ:

+ Sự cần nước và các loại muối khoáng

+ Sự hút nước và muối khoáng của rễ do mạch gỗ

+ Biện pháp bảo vệ cây

- Biến dạng của rễ:

+ 4 loại rễ biến dạng: rễ củ, rễ móc, rễ thở, giác mút

+ Đặc điểm của từng loại rễ phù hợp với chức năng.

**c*.*** *Chương III: Thân*

- Cấu tạo ngoài của thân

+ Các bộ phận cấu tạo ngoài của thân: thân chính, cành, chồi ngọn và chồi nách.

+ Các loại thân: đứng, leo, bò.

- Thân dài ra do:

+ Phần ngọn

+ Vận dụng vào thực tế: bấm ngọn, tỉa cành.

- Cấu tạo trong của thân non:

+ Đặc điểm cấu tạo (so sánh với cấu tạo trong của rễ)

+ Đặc điểm cấu tạo của vỏ, trụ giữa phù hợp với chức năng.

- Thân to ra do:

+ Tầng sinh vỏ và sinh trụ

+ Dác và ròng

+ Xác định tuổi cây qua việc đếm số vòng gỗ

- Vận chuyển các chất trong thân:

+ Nước và muối khoáng: mạch gỗ

+ Chất hữu cơ: mạch rây

- Biến dạng của thân:

+ Thân củ, thân rễ, thân mọng nước.

+ Chức năng

- GV yêu cầu HS lần lượt trình bày các nội dung.

- GV nhận xét.

**IV. Kiểm tra, đánh giá( 2 ’)**

- GV củng cố nội dung bài và đánh giá giờ học.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà( 2 ’)**

- HS học bài, ôn tập lại bài

- Chuẩn bị tiết sau kiểm tra 45 phút.

**Tuần 10** Ngày soạn: 14/10/2017

**Tiết 20** Ngày soạn: 27/10/2017

**KIỂM TRA 45 PHÚT**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh hiểu rõ ràng các kiến thức đã học.

- Biết cô đọng các kiến thức chính theo yêu cầu.

**2. Kĩ năng**

- Kĩ năng phân tích, tổng hợp kiến thức.

- Rèn kĩ năng làm bài thi.

**3. Thái độ**

- Có thái độ nghiêm túc trong kiểm tra, thi cử.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực giải quyết vấn đề.

- Năng tư duy.

- Năng lực tự học.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Đề kiểm tra, photo.

-HS: ôn tập kiến thức đã học.

**C. PHƯƠNG PHÁP:** Vấn đáp, thuyết trình, thực hành….

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Ổn định lớp**

**II: Kiểm tra**

**Phần I: MA TRẬN ĐỂ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Tên**  **Chủ đề**  (bài, chương) | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Cộng** |
| **Cấp độ thấp** | **Cấp độ cao** |
| **Chủ đề 1:**  TẾ BÀO THỰC VẬT | Tế bào thuộc mô nào có khả năng phân chia |  |  |  |  |
| *Số câu:*  *Số điểm:*  *Tỉ lệ %:* | *Số câu:1*  *Số điểm:0,5*  *Tỉ lệ %:5* |  |  |  | *Số câu:1*  *Số điểm0,5*  *Tỉ lệ %:5* |
| **Chủ đề 2:**  RỄ |  | Biết được các phần của miền hút của rễ qua hình ảnh | - Biết các biến dạng của rễ |  |  |
| *Số câu:*  *Số điểm:*  *Tỉ lệ %:* |  | *Số câu:1*  *Số điểm:2*  *Tỉ lệ %:20* | *Số câu:1*  *Số điểm:2*  *Tỉ lệ %:20* |  | *Số câu:2*  *Số điểm:4*  *Tỉ lệ %:40* |
| **Chủ đề 3:**  THÂN | Chức năng của thân,  - Nhận biết thân biến dạng | - Phân biệt thân non và thân trưởng thành.  - Biết hiện tượng thực tế khi chiết cây, tỉa cành |  | Vận dụng trong đời sống về nhu cầu nước và muối khoáng của cây |  |
| *Số câu:*  *Số điểm:*  *Tỉ lệ %:* | *Số câu:3*  *Số điểm:1,5*  *Tỉ lệ %:15* | *Số câu:3*  *Số điểm:2,5*  *Tỉ lệ %:25* |  | *Số câu:1*  *Số điểm:1,5*  *Tỉ lệ %:15* | *Số câu:7*  *Điểm:5,5*  *Tỉ lệ %:55* |
| **TS câu:**  **TS điểm:**  ***Tỉ lệ %*** | Số câu:4  Số điểm:2  Tỉ lệ %: | Số câu:4  Số điểm:4,5  Tỉ lệ %:50 | Số câu:2  Số điểm:3,5  Tỉ lệ %: | | Số câu:10  Số điểm:10  Tỉ lệ %:100 |

**Phần II. Đề bài**

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,5Đ)

Câu **1:** Các tế bào thực vật ở mô nào có khả năng phân chia ?

A. Mô nâng đỡ. B. Mô phân sinh C. Mô mềm D. Mô che chở.

**Câu 2.** Khi bóc vỏ một đoạn cành cây, sau một thời gian mép vỏ ở phía trên chỗ cắt lại phình to là do

A. chất hữu cơ vận chuyển qua mạch rây bị ứ lại ở mép trên.

B. phản ứng của cây với những tác nhân bên ngoài (như vết cắt) gây ra trên cây.

C. phần vỏ nhận được nhiều chất dinh dưỡng nên phát triển mạnh.

D. chất hữu cơ vận chuyển qua mạch rây bị ứ lại ở mép trên, phần vỏ nhận được nhiều chất dinh dưỡng nên phát triển mạnh.

**Câu 3.** Chức năng nào sau đây là của trụ giữa thân non?

A.Vận chuyển nước, muối khoáng và chất hữu cơ. B. Chứa chất dự trữ và tham gia quang hợp.

C. Chứa chất dự trữ, vận chuyển nước, muối khoáng và chất hữu cơ. D. Nâng đỡ.

Câu 4**.** Đối với cây lấy quả và hạt, việc bấm ngọn có tác dụng gì?

A. Tạo nhiều cành mới, nhiều hoa và quả hơn.

B. Giúp cây lớn nhanh hơn. Giúp cây có khả năng chống chịu tốt. Tạo nhiều cành mới, nhiều hoa và quả hơn. C. Giúp cây lớn nhanh hơn. D. Giúp cây có khả năng chống chịu tốt.

**Câu 5.** Thân dài ra là do

A. mô phân sinh ngọn. B. sự phân chia tế bào ở mô phân sinh ngọn.

C. sự lớn lên và phân chia tế bào. D. chồi ngọn.

**Câu 6.** Khi quan sát các loại củ như dong ta, su hào, gừng, khoai tây, ta thấy chúng có đặc điểm giống nhau là:

A. Phình to chứa chất dự trữ. B. Đều là thân củ.

C. Có chồi nách, chồi ngọn, lá. D. Phình to chứa chất dự trữ. Có chồi nách, chồi ngọn, lá.

**Câu 7.** Cây dùng chất dự trữ để làm gì?

A. Tiếp tục sinh trưởng khi gặp điều kiện sống bất lợi.

B. Tiếp tục sinh trưởng khi gặp điều kiện sống bất lợi. Dùng để tạo các cơ quan mới của cây. Dùng để ra hoa, kết quả, tạo hạt.

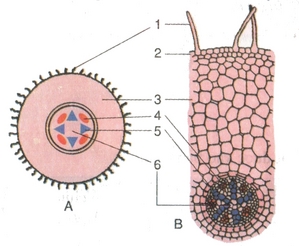
C. Dùng để tạo các cơ quan mới của cây. D. Dùng để ra hoa, kết quả, tạo hạt.

II. TỰ LUẬN ( 6,5Đ)

Câu 8: (3điểm) Rễ có những loại biến dạng nào? Mỗi loại biến dạng có chức năng gì?

Câu 9: (1,5điểm) Giải thích câu: Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống. Để thấy vai trò của nước và muối khoáng trong đời sống của cây?

Câu 10 (2 điểm)Hình sau đây thể hiện cấu tạo trong của bộ phận nào của cây? Ghi các chú thích đầy đủ.



Phần III. Đáp án – biểu điểm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | |  | |
| Câu | Đáp án | | Biểu điểm | |
| 1 -7  (3,5điểm) | |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 | Câu 7 | | B | A | C | A | B | D | B | | | 1 câu – 0,5đ | |
| Câu 8  3điểm | **Biến dạng và chức năng của biến dạng của rễ cây.**  - Rễ củ: Chứa chất dự trữ cho cây khi ra hoa tạo quả. (cây sắn dây, khoai lang,...)  - Rễ móc: Bám vào trụ giúp cây leo lên. (cây hồ tiêu, trầu không,...)  - Rễ thở: Giúp cây hô hấp trong không khí (cây bần, bụt mọc,...)  - Giác mút: Lấy thức ăn từ cây chủ. (cây tầm gửi, dây tơ hồng...) | | 0,75đ  0,75đ  0,75đ  0,75đ | |
| Câu 9  1,5 điểm | Giải thích câu nói  Theo kinh nghiệm của các cụ để bảo đảm có mùa gặt thành công, thửa đất hay mảnh ruộng cần hội đủ 4 điều kiện được tóm gọn trong câu: “nhất nước, nhị phân, tam cần, tứ giống.”  \* “Nhất Nước”: Thứ nhất là Nước. Nước có nước tưới đầy đủ. \* “Nhị Phân”: Thứ nhì là Phân Bón. Phân Bón càng được bón đúng loại, đầy đủ và đúng lúc  \* “Tam Cần”: Thứ ba là Cần tức là Lao động. Lao động càng tiên tiến và càng cao về mặt kỹ thuật thì càng bảo đảm. \* “Tứ Giống”: Thứ bốn là Giống tức là Hạt giống. Hạt giống càng có năng suất cao, có sức đề kháng sâu rầy càng mạnh càng tốt  Đề cao vai trò của nước và muối khoáng với đời sống của cây trồng. Cây không chỉ có nhu cầu nước mà còn có nhu cầu về muối khoáng khác nhau. | | 0,5đ  0,5đ  0,5đ | |
| Câu 10  2 điểm | Đây là cấu tạo trong miền hút của rễ. Gồm các phần như sau:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | | Lông hút | Biểu bì | Thịt vỏ | Mạch rây | Mạch gỗ | Trụ giữa | | | 1đ  1đ | |

**IV. Kết luận chung**

- GV nhận xét giờ

- Chữa bài nếu còn thời gian

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà**

- Ôn tập lại các nội dung đã học.

- Chuẩn bị cho bài sau:

Mẫu vật: lá hoa hồng, lá cây đậu, dừa cạn, dây huỳnh, sen, lá lốt, kinh giới, rau muống...

- Đọc trước bài: Đặc điểm bên ngoài của lá.

**Tuần 11**  Ngày soạn: 24/10/2017

**Tiết 21**  Ngày soạn: 01/11/2017

CHƯƠNG IV- LÁ

**Bài 19: ĐẶC ĐIỂM BÊN NGOÀI CỦA LÁ**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh nắm được những đặc điểm bên ngoài của lá và cách sắp xếp lá trên cây phù hợp với chức năng thu nhận ánh sáng, cần thiết cho việc chế tạo chất hữu cơ.

- Phân biệt được 3 kiểu gân lá, phân biệt được lá đơn, lá kép.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát, so sánh nhận biết.

- Kĩ năng hoạt động nhóm.

**3. Thái độ:**  Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát. Năng lực thực hành. Năng lực thuyết trình. Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Sưu tầm lá, cành có đủ chồi nách, cành có kiểu mọc lá.

- HS: Chú ý nếu có điều kiện trong nhóm nên có đủ loại lá, cành như yêu cầu bài trước.

**C. PHƯƠNG PHÁP:** Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm….

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh**

- Em đã học những cơ quan sinh dưỡng nào của cây? Chức năng chính của những cơ quan sinh dưỡng đó là gì?

**III. Dạy học bài mới**

**1. Giới thiệu bài**: Ngoài rễ và thân ra trên cây còn cơ quan sinh dưỡng nữa là lá. Vậy lá có đặc điểm gì? Có giống với rễ và thân như chúng ta đã học hay không? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu sang một chương mới chương IV: Lá. Lá có những đặc điểm bên ngoài như thế nào? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài hôm nay bài 19:…..

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1: Đặc điểm bên ngoài của lá***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |

|  |  |
| --- | --- |
| - GV yêu cầu HS quan sát phiến lá trên mẫu vật, đồng thời chiếu hình 19.2 SGK để HS quan sát, trao đổi thảo luận nhóm theo 3 câu hỏi SGK  - GV quan sát các nhóm hoạt động, giúp đỡ nhóm yếu.  - GV cho HS trả lời, bổ sung cho nhau.  - GV đưa đáp án (như SGV), nhóm nào còn sai sót tự sửa chữa.  - GV hướng dẫn cho HS cách quan sát gân lá  - Yêu cầu HS quan sát trên mẫu vật thật, GV chiếu hình 19.3 SGK lên để HS quan sát, trả lời câu hỏi  + Có những kiểu gân lá nào?  - 1- 2 HS trả lời, các HS khác nhận xét bổ xung  - GV dưa ra đáp án đúng  - Yêu cầu HS tìm trong số những mẫu vật minh đến những loại lá có ba kiểu gân như trên  *- Ngoài những lá mang đi còn những lá nào có kiểu gân như thế?* (nếu HS không trả lời được cũng không sao)  - GV yêu cầu HS quan sát một dây mồng tơi và một cành hoa hồng, đồng thời chiếu hình 19.4 SGK lên, kết hợp với tìm hiểu thông tin SGK và phân biệt được lá đơn, lá kép.  - GV chiếu hình một lá mông tơi, một lá hoa hông hoàn chỉnh, yêu cầu HS quan sát trả lời câu hỏi  *- Vì sao lá mồng tơi thuộc loại lá đơn, lá hoa hồng thuộc loại hoa kép?*  - GV cho các nhóm chọn những lá đơn và lá kép trong những lá đã chuẩn bị.  - GV gọi 1 HS lên chọn ra lá đơn và lá kép trong số những lá của GV trên bàn, cho cả lớp quan sát.  - GV cho HS rút ra kết luận. | ***a****. Phiến lá*  - HS đặt tất cả lá lên bàn quan sát mẫu vật, kết hợp với quan sát tranh thảo luận theo 3 câu hỏi SGK, ghi chép ý kiến thống nhất của nhóm.  - Yêu cầu: Phiến lá có nhiều hình dạng, bản dẹt... thu nhận ánh sáng.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *b. Gân lá*  - HS đọc mục □ SGK, quan sát mặt dưới của lá, kết hợp với quan sát hình 19.3 trả lời câu hỏi  - Có ba kiểu gân: gân hình mạng, gân song song và gân hình cung  - HS tìm trên những mẫu vật của mình những loại lá có các kiểu gân như trên  *c. Phân biệt lá đơn, lá kép*  - HS quan sát cành mồng tơi, cành hoa hồng kết hợp với đọc mục □ SGK để hoàn thành yêu cầu của GV.  Chú ý vào vị trí của trồi nách.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung của 1-2 nhóm mang cành mồng tơi và cành hoa hồng trả lời trước lớp, nhóm khác nhận xét.  - Các nhóm chọn lá đơn lá kép, trao đổi nhau giữa các nhóm ở gần.  - HS rút ra kết luận. |

***Kết luận:***

- Phiến lá là bản dẹt có màu sắc hình dạng, kích thước khác nhau, có 3 loại gân lá, có lá đơn và lá kép.

***Hoạt động 2: Các kiểu xếp lá trên thân và cành***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| \* Quan sát cách mọc lá  - GV cho HS quan sát 3 cành mang đến lớp, xác định cách xếp lá.  - GV chiếu hình 19.5 lên chỉ cho HS thấy đăc điểm của từng cách mọc  - Yêu cầu HS lấy VD bằng cách hoàn thành bài tập như bảng SGK trang 63  \* Tìm hiểu ý nghĩa sinh học của cách xếp lá.  - GV hướng dẫn HS cách quan sát ba cành có ba cách mọc lá khác nhau từ trên xuống dưới  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm theo 2 câu hỏi SGK trang 64.  - GV nhận xét và đưa ra đáp án đúng, HS rút ra kết luận. | - HS trong nhóm quan sát 3 cành của nhóm mình đối chiếu hình 19.5 SGK trang 63, xác định 3 cách xếp lá là: mọc cách, mọc đối, mọc vòng.  - Mỗi HS kẻ bảng SGK trang 63 hoàn thành vào vở bài tập.  - HS tự chữa cho nhau kết quả điền bảng.  - HS quan sát 3 cành kết hợp với hướng dẫn ở SGK trang 63.  - HS thảo luận đưa ra ý kiến: kiểu xếp lá sẽ giúp lá nhận được nhiều ánh sáng.  - HS trình bày kết quả trước lớp. |

***Kết luận:***

- Có 3 kiểu xếp lá trên cây, giúp lá nhận được nhiều ánh sáng.

**IV. Kiểm tra, đánh giá**

- GV sử dụng câu hỏi cuối bài để kiểm tra, HS trả lời đúng, GV đánh giá.

**Bài tập trắc nghiệm**

***Khoanh tròn vào câu trả lời đúng***

*Câu 1*. Trong các lá sau đây nhóm những lá nào có gân song song

a. Lá hành, lá nhãn, lá bưởi

b. Lá rau muống, lá cải

c. Lá lúa, lá mồng tơi, lá bí đỏ

d. Lá tre, lá lúa, lá cỏ.

***Đáp án: d.***

*Câu 2.* Trong các lá sau đây, những nhóm lá nào thuộc lá đơn

a. Lá dâm bụt, lá phượng, lá dâu

b. Lá trúc đào, lá hoa hồng, lá lốt

c. Lá ổi, lá dâu, lá trúc nhật

d. Lá hoa hồng, lá phượng, lá khế.

***Đáp án: c.***

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”

- Chuẩn bị trước bài 20: Cấu tạo trong của phiến lá

**Tuần 11** Ngày soạn: 27/10/2017

**Tiết 22** Ngày soạn:03/11/2017

**Bài 20: CẤU TẠO TRONG CỦA PHIẾN LÁ**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh nắm được cấu tạo bên trong phù hợp với chức năng của phiến lá.

- Giải thích được đặc điểm màu sắc của 2 mặt phiến lá.

**2. Kĩ năng:** Rèn kĩ năng quan sát, nhận biết.

**3. Thái độ**

- Giáo dục lòng yêu thích say mê môn học.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát. Năng lực giải quyết vấn đề. Năng lực thực hành. Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Tranh phóng to hình 20.4 SGK,mô hình cấu tạo 1 phần phiến lá, đề kiểm tra photo hay viết trước vào bảng phụ.

**C. PHƯƠNG PHÁP:** Vấn đáp, thảo luận nhóm, thuyết trình….

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh**

- Đặc điểm cấu tạo ngoài của lá?

- Lá sắp xếp như thế nào để nhận được nhiều ánh sáng?

**III. Dạy học bài mới**

**1 Giới thiệu bài**: Lá có cấu tạo trong như thế nào?

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1: Biểu bì***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV cho HS trong nhóm nghiên cứu SGK trả lời 2 câu hỏi SGK trang 65.  - GV yêu cầu HS thảo luận toàn lớp.  - GV chốt lại kiến thức đúng.  - GV có thể giải thích thêm về hoạt động đóng mở lỗ khí khi trời nắng và khi râm.  *- Tại sao lỗ khí thường tập trung nhiều ở mặt dưới của lá?* | - HS đọc thông tin mục □ SGK, quan sát hình 20.2 và 20.3 trao đổi theo 2 câu hỏi SGK.  - Yêu cầu HS phải nêu được:  Biểu bì có tác dụng bảo vệ: tế bào phải xếp sát nhau.  Lỗ khí đóng mở giúp thoát hơi nước.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |

***Kết luận:***

- Lớp tế bào biểu bì có vách ngoài dày dùng để bảo vệ, có nhiều lỗ khí để trao đổi khí và thoát hơi nước.

***Hoạt động 2: Thịt lá***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV giới thiệu và cho HS quan sát mô hình, hình 20.4 SGK, nghiên cứu SGK.  - GV gợi ý khi so sánh, chú ý ở những đặc điểm: hình dạng tế bào, cách xếp của tế bào, số lượng lục lạp...  - GV cho HS thảo luận nhóm sau khi đã tự trả lời.  - GV ghi lại ý kiến của nhóm lên bảng để nhóm khác theo dõi nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét phần trả lời của các nhóm, GV chốt lại kiến thức như SGV, cho HS rút ra kết luận.  *- Tại sao ở rất nhiều loại lá mặt trên có màu sẫm hơn mặt dưới?* | - HS nghe và quan sát mô hình trên bảng, đọc mục □ và quan sát hình 20.4 SGK trang 66.  - HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi mục ▽, ghi ra giấy.  - HS trao đổi nhóm theo những gợi ý của GV và thống nhất ý kiến.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |

***Kết luận:***

- Các tế bào thịt lá chứa nhiều lục lạp để chế tạo chất hữu cơ.

***Hoạt động 3: Gân lá***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK trang 66 và trả lời câu hỏi:  - GV kiểm tra 1-3 HS, cho HS rút ra kết luận.  *- Qua bài học em biết được những điều gì?*  - GV treo tranh phóng to hình 20.4 giới thiệu toàn bộ cấu tạo của phiến lá. | - HS đọc mục □ SGK trang 66 quan sát hình 20.4 kết hợp với kiến thức về chức năng của bó mạch ở rễ và thân, trả lời câu hỏi SGK.  - HS trả lời trước lớp, HS khác bổ sung nếu cần. |

***Tiểu kết:***

- Gân lá gồm các bó mạch có chức năng vận chuyển các chất.

**IV. Kiểm tra, đánh giá**

- GV phát tờ photo bài tập cho HS (nội dung như SGV).

- Trao đổi nhóm cho HS chấm bài cho nhau.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà**

- Học bài và trả lời câu hỏi 1, 2, 3 SGK.

- Đọc mục “Em có biết”.

- Ôn lại kiến thức ở tiểu học: Chức năng của lá, chất khí nào duy trì sự cháy.

**Tuần 13**  Ngày soạn: 11/11/2017

**Tiết 23**  Ngày soạn: 21/11/2017

**Bài 21: QUANG HỢP**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh tìm hiểu và phân tích thí nghiệm để tự rút ra kết luận: khi có ánh sáng lá có thể chế tạo được tinh bột và nhả khí oxi.

- Giải thích được 1 vài hiện tượng thực tế như: vì sao nên trồng cây ở nơi có nhiều ánh sáng, vì sao nên thả rong vào bể nuôi cá cảnh.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng phân tích thí nghiệm, quan sát hiện tượng rút ra kết luận.

**3. Thái độ**

- Từ việc xác định được chất và loại khí mà lá cây chế tạo ra trong quá trình quang hợp như: chất hữu cơ và oxi để con người và các sinh vật khác sử dụng. Tù đó giáo dục cho HS ý thức bảo vệ thực vật, trồng thêm nhiều cây xanh ở địa phương.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực giải quyết vấn đề.

- Năng lực thuyết trình.

- Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Tranh phóng to hình 21.1; 21.2 SGK, dung dịch iốt, lá khoai lang, ống nhỏ. Một vài lá đã thử dung dịch iốt

- HS: Ôn lại kiến thức tiểu học về chức năng của lá.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh**

- Cấu tạo trong của phiến lá gồm những phần nào? Chức năng?

**III. Dạy học bài mới**

- Vì sao lá có thể chế tạo chất dinh dưỡng cho cây? Ta chỉ có thể giải đáp được điều này khi biết được cấu tạo bên trong của phiến lá. Vậy cấu tạo của phiến lá có đặc điểm gì? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài hôm nay bài 20:...

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1: Xác định chất mà lá cây chế tạo được khi có ánh sáng***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, nghiên cứu SGK trang 68, 69.  - GV cho HS thảo luận nhóm trao đổi để trả lời 3 câu hỏi.  - GV cho các nhóm thảo luận kết quả của nhóm (như SGV).  - GV nghe, bổ sung, sửa chữa và nêu ý kiến đúng, cho HS quan sát kết quả thí nghiệm của GV để khẳng định kết luận của thí nghiệm.  - GV cho HS rút ra kết luận.  - GV treo tranh yêu cầu 1 HS nhắc lại thí nghiệm và kết luận của hoạt động này.  - GV mở rộng: Từ tinh bột và các muối khoáng hoà tan khác lá sẽ tạo ra các chất hữu cơ cần thiết cho cây, đồng thời tinh bột cũng được con người và các sinh vật khác sử dụng.  *+ Chúng ta cần làm gì, để cây xanh chế tạo chất hữu cơ cho chúng ta sử dụng ?* | - HS đọc mục □, kết hợp với hình 21.1 SGK trang 68, 69.  - HS trả lời 3 câu hỏi ở mục ▽.  - HS mang phần tự trả lời của mình thảo luận trong nhóm, thống nhất ý kiến.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS quan sát kết quả thí nghiệm của GV đối chiếu với SGK.  - Cần trồng, bảo vệ và tạo điều kiện thuận lợi cho cây xanh quang hợp. |

* Yêu cầu:

|  |
| --- |
|  |

***Kết luận:***

- Lá chế tạo được tinh bột khi có ánh sáng.

***Hoạt động 2: Xác định chất khí thải ra trong quá trình lá chế tạo tinh bột***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV cho HS thảo luận nhóm, nghiên cứu SGK trang 69.  - GV gợi ý: HS dựa vào kết quả của thí nghiệm 1 và chú ý quan sát ở đáy 2 ống nghiệm.  - GV quan sát lớp, chú ý nhóm HS yếu để hướng dẫn thêm (chất khí duy trì sự cháy).  - GV cho các nhóm thảo luận kết quả tìm ý kiến đúng.  - GV nhận xét và đưa đáp án đúng, cho HS rút ra kết luận.  *- Tại sao về mùa hè khi trời nắng nóng đứng dưới bóng cây to lại thấy mát và dễ thở?*  *- Vậy là HS chúng ta cần làm gì để môi trưòng xung quanh chúng ta luôn trong làn, thoáng mát ?*  - GV cho HS nhắc lại 2 kết luận nhỏ của 2 hoạt động. | - HS đọc mục □, quan sát hình 21.2, trao đổi nhóm trả lời 3 câu hỏi mục ▽, thống nhất ý kiến.  - Yêu cầu:  + Dựa vào kết quả của thí nghiệm 1, xác định cành rong ở cốc B chế tạo được tinh bột.  + Chất khí ở cốc B là khí oxi.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung nhóm lên trình bày kết quả, cả lớp thảo luận và bổ sung.  - HS suy nghĩ và trả lời.  - Các nhóm nghe và tự sửa nếu cần.  - Vì ban ngày có ánh sáng nên cây quang hợp được và nhả ra khí oxi vì vậy chúng ta mới cảm thấy mát và dễ chịu khi đứng dưới bóng cây to về mùa hè.  - Chúng ta cần trồng nhiều cây xanh, bảo vệ cây xanh. |

***Kết luận:***

- Lá nhả ra khí oxi trong quá trình chế tạo tinh bột.

**IV. Kiểm tra, đánh giá**

- GV cho HS trả lời 2 câu hỏi SGK trang 70, đánh giá điểm 1-2 HS.

- GV gọi HS nhắc lại 2 thí nghiệm và rút ra kết luận, cho điểm 1-2 HS trả lời đúng.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Ôn lại kiến thức về chức năng của rễ.

**Tuần 14** Ngày soạn: 15/11/2017

**Tiết 24 N**gày soạn: 25/11/2017

**Bài 21: QUANG HỢP**

***(Tiếp theo)***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh vận dụng kiến thức đã học và kĩ năng phân tích thí nghiệm để biết được những chất lá cần sử dụng để chế tạo tinh bột.

- Phát biểu được khái niệm đơn giản về quang hợp.

- Viết sơ đồ tóm tắt về hiện tượng quang hợp.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát, so sánh phân tích thí nghiệm, khái quát.

**3. Thái độ**

- Từ việc xác định được những chất mà cây cần trong quá trình chế tạo tinh bột là: nước và khí cacbonic àm HS biết cách chăm sóc cây để cây quang hợp chế tạo chất hữu cơ thuận lợi nhất, từ đó giáo dục cho HS thức chăm sóc và bảo vệ thực vật.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực giải quyết vấn đề.

- Năng lực thuyết trình.

- Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Thực hiện trước thí nghiệm, mang lá ở thí nghiệm đến lớp để thử kết quả với dung dịch iốt.

- HS: Ôn lại kiến thức về cấu tạo của lá, sự vận chuyển nước của rễ, ôn lại bài quang hợp của tiết trước.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh**

- Nêu nội dung thí nghiệm lá cây chế tạo tinh bột khi có ánh sáng?

**III. Dạy học bài mới**

- Cho HS nhắc lại kết luận chung của bài trước. Vậy lá cây cần chất gì để chế tạo tinh bột?

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1: Cây cần những chất gì để chế tạo tinh bột?***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu: HS nghiên cứu độc lập SGK trang 70, 71, thảo luận nhóm trả lời 2 câu hỏi SGK.  - GV gợi ý:  *- Sử dụng kết quả của tiết trước để xác định lá ở chuông nào có tinh bột và lá ở chuông nào không có tinh bột?*  + Cây ở chuông A sống trong điều kiện không khí không có cacbonic.  + Cây ở chuông B sống trong điều kiện không khí có cacbonic.  - Cho HS các nhóm thảo luận kết quả.  - GV lưu ý HS: chú ý vào điều kiện của thí nghiệm và chính điều kiện sẽ làm thay đổi kết quả của thí nghiệm.  - Sau khi HS thảo luận GV cho HS rút ra kết luận nhỏ cho hoạt động này.  *- Tại sao ở xung quanh nhà và những nơi công cộng cần trồng nhiều cây xanh?* | - Mỗi HS đọc kĩ thông tin mục □ và các thao tác thí nghiệm ở mục ▽.  - HS tóm tắt thí nghiệm cho cả lớp cùng nghe.  - HS thảo luận nhóm tìm câu trả lời đúng, ghi vào giấy.  - Yêu cầu nêu được:  + Chuông A có thêm cốc chứa nước vôi trong.  + Lá trong chuông A không chế tạo được tinh bột.  + Lá cây ở chuông B chế tạo được tinh bột.  - HS thảo luận kết quả ý kiến của nhóm và bổ sung. |

* Yêu cầu:

|  |
| --- |
|  |

***Kết luận:***

- Không có khí cacbonic lá không thể chế tạo được tinh bột.

***Hoạt động 2: Khái niệm về quang hợp***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS hoạt động độc lập, nghiên cứu SGK.  - GV gọi 2 HS viết lại sơ đồ quang hợp lên bảng.  - GV cho HS nhận xét 2 sơ đồ trên bảng, bổ sung và thảo luận khái niệm quang hợp.  - GV cho HS quan sát lại sơ đồ quang hợp ở SGK trang 72 và trả lời câu hỏi:  *- Lá cây sử dụng những nguyên liệu nào để chế tạo tinh bột? Nguyên liệu đó lấy từ đâu?*  *- Lá cây chế tạo tinh bột trong điều kiện nào?*  - GV cho HS đọc thông tin □ trả lời câu hỏi: *Ngoài tinh bột lá cây còn tạo ra những sản phẩm hữu cơ nào khác?* | - HS tự đọc mục □ và trả lời yêu cầu SGK trang 72.  - HS viết sơ đồ quang hợp, trao đổi trong nhóm về khái niệm quang hợp.  - HS trình bày kết quả của nhóm, bổ sung sơ đồ quang hợp (nếu cần).  - HS trả lời câu hỏi và rút ra kết luận. |

***Kết luận:***

- Quang hợp là hiện tượng lá cây chế tạo tinh bột ngoài ánh sáng nhờ nước, khí cacbonic và diệp lục.

**IV. Kiểm tra, đánh giá**

- GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm quang hợp, trả lời câu hỏi 3 SGK trang 72.

- Làm bài tập trắc nghiệm:

***Khoanh tròn vào câu trả lời đúng:***

*Câu 1*: Trong các bộ phận sau đây của lá, bộ phận nào là nơi xảy ra quá trình quang hợp:

a. Lỗ khí

b. Gân lá

c. Diệp lục

*Câu 2*: Lá cây cần khí nào trong các chất khí sau để chế tạo tinh bột:

a. Khí oxi

b. Khí cacbonic

c. Khí nitơ

Đáp án: 1c; 2b.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”.

**Tuần 14** Ngày soạn: 17/11/2017

**Tiết 25** Ngày soạn: 27/11/2017

**Bài 22: ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC ĐIỀU KIỆN BÊN NGOÀI**

**ĐẾN QUANG HỢP - Ý NGHĨA CỦA QUANG HỢP**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh nắm được những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến quang hợp.

- Vận dụng kiến thức, giải thích được ý nghĩa của một vài biện pháp kĩ thuật trong trồng trọt.

- Tìm được các VD thực tế chứng tỏ ý nghĩa quan trọng của quang hợp.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng khai thác thông tin, nắm bắt thông tin.

**3. Thái độ**

- Từ ý nghĩa to lớn của quang hợp đối với tự nhiên, con người và các sinh vật khác, mà giáo dục cho HS ý thức bảo vệ thực vật và phát triển cây xanh ở địa phương, trồng cây, gây rừng…

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực giải quyết vấn đề.

- Năng lực thuyết trình.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Sưu tầm tranh ảnh về một số cây ưa sáng và ưa bóng. Tìm tranh ảnh về vai trò của quang hợp với đời sống động vật và con người.

- HS: Ôn tập kiến thức ở tiểu học về các chất khí cần thiết cho động vật và thực vật.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh**

- Viết sơ đồ tóm tắt quá trình quang hợp? Những yếu tố nào là cần thiết cho quang hợp?

**B. Gới thiệu bài**

- Cây xanh quang hợp chế tạo chất hữu cơ. Vậy có những điều kiện bên ngoài nào nảh hưởng đến quang hợp ? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài hôm nay bài22:….

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1: Những điều kiện bên ngoài nào ảnh hưởng đến quang hợp?***

|  |  |
| --- | --- |
| - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, nghiên cứu SGK.  - GV quan sát, giúp đỡ những nhóm còn lúng túng.  - GV có thể gợi ý cho các câu hỏi thảo luận : chú ý vào điều kiện ảnh hưởng đến quang hợp.  - GV nhận xét phần trao đổi nhóm của HS, GV đưa đáp án đúng để các nhóm có thể sửa hay bổ sung vào phần trả lời của mình.  - GV cho HS quan sát tranh : bụi lá lốt ở dưới gốc cây hồng xiêm, tranh khóm chuối cằn ở gần nhiều lò gạch để thấy được ảnh hưởng của ánh sáng và lượng khí CO2.  - Cho HS rút ra kết luận. |  |

|  |
| --- |
| - HS tự đọc thông tin □ SGK trang 75, suy nghĩ trả lời câu hỏi mục ▽.  - Trao đổi nhóm, thống nhất ý kiến trả lời.  - Yêu cầu nêu được kiến thức:  + Các điều kiện ảnh hưởng đến quang hợp: khí CO2, nước, ánh sáng, nhiệt độ.  + Trồng cây dầy dẫn tới thiếu ánh sáng.  - Các nhóm thảo luận kết quả và tìm ra câu trả lời đúng. |

* Yêu cầu:

|  |
| --- |
|  |

***Kết luận:***

- Các điều kiện: ánh sáng, nhiệt độ, hàm lượng CO2, nước đã ảnh hưởng đến quang hợp.

***Hoạt động 2: Tìm hiểu ý nghĩa của quang hợp ở cây xanh***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV cho HS thảo luận nhóm theo câu hỏi mục ▽ SGk trang 75.  - GV lưu ý các nhóm: khẳng định được tầm quan trọng của các chất hữu cơ và khí oxi do quang hợp của cây xanh tạo ra.  - GV nghe và giúp đỡ HS hoàn thành đáp án về ý nghĩa của quang hợp như SGV.  - GV chú ý thắc mắc của HS như: con giun sống trong ruột người không cần chất hữu cơ và khí oxi do cây xanh chế tạo và thải ra.  *+ Qua bài này giúp em hiểu được những điều gì?*  *+ Là HS chúng ta cần phải làm gì, để cây xanh luôn chế tạo chất hữu cơ và khí oxi cung cấp cho người và các sinh vật khác?* | - Mỗi HS tự suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  - Trao đổi trong nhóm về ý kiến của cá nhân, thống nhất câu trả lời của nhóm.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Tất cả các sinh vật sống trên trái đất đều sử dụng chất hữu cơ, khí oxi do cây xanh tạo ra ( trực tiếp, gián tiếp).  - Cần trồng nhiều cây xanh, bảo vệ cây xanh, tuyên truyền cho mọi ngưòi thấy được lợi ích to lớn của cây xanh từ đó để mọi người cùng nhau bảo vệ cây xanh. |

***Kết luận:***

- Nhờ quá trình quang hợp cây xanh đã tạo ra các chất cần cho sự sống của các sinh vật.

**IV. Kiểm tra, đánh giá**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi ở cuối bài.

- GV đánh giá giờ học

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”.

- Ôn lại bài quang hợp.

- Đọc trước bài: cây có hô hấp không?

**Tuần 13** Ngày soạn: 07/11/2017

**Tiết 26** Ngày dạy: 16/11/2017

**Bài 23: CÂY CÓ HÔ HẤP KHÔNG?**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh phân tích thí nghiệm và tham gia thiết kế 1 thí nghiệm đơn giản HS phát hiện được có hiện tượng hô hấp ở cây.

- Nắm được khái niệm đơn giản về hiện tượng hô hấp và hiểu được ý nghĩa hô hấp đối với đời sống của cây.

- Giải thích vài ứng dụng trong trồng trọt liên quan đến hiện tượng hô hấp ở cây.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát thí nghiệm, tìm kiến thức.

- Tập thiết kế thí nghiệm.

**3. Thái độ**

- Giáo dục lòng say mê môn học.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực thiết kế thí nghiệm. Năng lực quan sát. Năng lực giải quyết vấn đề.

- Năng lực thuyết trình. Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: + Có điều kiện làm thí nghiệm 1 trước 1 giờ.

+ Các dụng cụ để làm thí nghiệm 2 như SGK.

- HS: Ôn lại bài quang hợp, kiến thức tiểu học về vai trò của khí oxi.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh *(4 phút)***

- Nêu khái niệm quang hợp? Không khí thiếu oxi có duy trì sự cháy được không?

**III. Dạy học bài mới *(1 phút)***

**1. Giới thiệu bài**: Như SGK trang 77.

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1 (25 phút): Các thí nghiệm chứng minh hiện tượng hô hấp ở cây?***

***Mục tiêu*:** HS nắm được các bước tiến hành thí nghiệm, tập thiết kế thí nghiệm để rút ra kết luận.

***a. Thí nghiệm 1: nhóm Lan và Hải***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hoạt động của GV | | Hoạt động của HS | |
| - GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK trang 77, nắm cách tiến hành, kết quả của thí nghiệm.  - GV cho 1 HS trình bày lại thí nghiệm trước lớp.  - GV lưu ý HS phải giải thích lớp váng trắng đục ở cốc A dày hơn là do có nhiều khí cacbonic thì GV nên hỏi thêm: *Vậy ở chuông A do đâu mà lượng khí cacbonic nhiều lên?*  - GV giúp HS hoàn thiện đáp án và rút ra kết luận. | - HS đọc thí nghiệm quan sát hình 23.1 ghi lại tóm tắt thí nghiệm gồm: chuẩn bị , tiến hành, kết quả.  - HS đọc thông tin □ SGK trang 77, thảo luận nhóm theo 3 câu hỏi SGK trang 77.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Yêu cầu HS nêu được lượng khí CO2 trong chuông A tăng lên chỉ có thể do cây thải ra. | |  | |

* Yêu cầu:

|  |
| --- |
|  |

***Kết luận:***

- Khi không có ánh sáng cây đã thải ra nhiều khí cacbonic.

***b. Thí nghiệm 2: Thí nghiệm của An và Dũng***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS thiết kế được thí nghiệm dựa trên những dụng cụ có sẵn và kết quả của thí nghiệm 1.  - GV cho HS nghiên cứu SGK, trả lời câu hỏi: *Các bạn An và Dũng làm thí nghiệm nhằm mục đích gì?*  - GV yêu cầu nhóm thiết kế thí nghiệm, GV đi tới các nhóm quan sát, hưỡng dẫn, gợi ý cách bố trí thí nghiệm.  - GV lưu ý: nếu HS trong lớp có học lực trung bình thì các em có thể không biết bố trí thí nghiệm, GV phải hướng dẫn tỉ mỉ từng bước.  - GV nhận xét giúp HS hoàn thiện thí nghiệm và giải thích rõ: khi đặt cây vào cốc thuỷ tinh rồi đạy miếng kính lên, lúc đầu trong cốc vẫn còn O2 của khôgn khí, đến khi khẽ dịch tấm kính để đưa que đóm đang cháy vào, đóm tắt ngay chứng tỏ trong cốc không còn khí O2 và cây đã nhả CO2.  - GV thử kết quả thí nghiệm đã chuẩn bị cho cả lớp quan sát, chốt lại kiến thức cho cả 2 thí nghiệm, HS nhắc lại. | - HS đọc thông tin □ SGK, quan sát hình 23.2 trang 78 và tra lời câu hỏi.  - HS trong nhóm cùng tiến hành thảo luận từng bước của thí nghiệm.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS nghe và bổ sung vào bài của mình những chỗ chưa đúng. |

* Yêu cầu:

|  |
| --- |
|  |

***Kết luận:***

- Cây nhả khí cacbonic và hút khí oxi.

***Hoạt động 2 (10 phút): Hô hấp ở cây***

***Mục tiêu***: HS hiểu được khái niệm hô hấp và ý nghĩa của hô hấp.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS hoạt động độc lập với SGK, trả lời câu hỏi:  *+ Hô hấp là gì? Hô hấp có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của cây?*  *+ Những cơ quan nào của cây tham gia hô hấp và trao đổi khí trực tiếp với môi trường ngoài?*  *+ Cây hô hấp vào thời gian nào?*  *+ Người ta đã dùng biện pháp nào để giúp rễ và hạt mới gieo hô hấp?*  - GV gọi 2 HS tra lời 4 câu hỏi SGK, HS khác nổ sung.  - GV chốt lại kiến thức và chú ý nếu HS trả lời: ban đêm cây mới hô hấp thì GV giải thích.  - GV yêu cầu HS trả lời mục ▽ SGK trang 79.  - GV giải thích các biện pháp kĩ thuật cho cả lớp nghe cho HS rút ra kết luận.  *+ Tại sao khi ngủ đêm trong rừng ta thấy khó thở, còn ban ngày thì mát và dễ thở?* | - HS đọc thông tin □ SGK trang 78, 79 suynghĩ trả lời 4 câu hỏi.  - Yêu cầu nêu được:  + Viết được sơ đồ sự hô hấp.  + Mô tả các cơ quan của cây đều hô hấp.  + Biện pháp làm tơi xốp đất...  - Một HS trả lời các HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS đọc yêu cầu, trao đổi nhanh trong nhóm đưa ra biện pháp như: cuốc, tháo nước khi ngập. |

***Kết luận:***

- Cây hô hấp suốt ngày đêm, tất cả cá cơ quan đều tham gia.

**IV. Kiểm tra, đánh giá *(4 phút)***

- HS trả lời câu hỏi 1, 2, 3 SGK.

- Yêu cầu HS giải thích: Một hòn đất nỏ bằng 1 giỏ phân.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà *(1 phút)***

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Ôn lại bài: Cấu tạo trong của phiến lá.

**Tuần 14** Ngày soạn: 15/11/2017

**Tiết 27**  Ngày dạy:22 /11/2017

**Bài 24: PHẦN LỚN NƯỚC VÀO CÂY ĐI ĐÂU?**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh lựa chọn cách thiết kế 1 thí nghiệm chứng minh cho kết luận: phần lớn nước do rễ hút vào cây đã được lá thải ra ngoài bằng sự thoát hơi nước.

- Nêu được ý nghĩa quan trọng của sự thoát hơi nước qua lá.

- Nắm được ý nghĩa quan trọng của sự thoát hơi nước qua lá.

- Giải thích ý nghĩa của một số biện pháp kĩ thuật trong trồng trọt.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát, nhận biết so sánh kết quả thí nghiệm tìm ra kiến thức.

**3. Thái độ**

- Giáo dục lòng say mê môn học, ham hiểu biết.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát, tiến hành thí nghiệm.

- Năng lực giải quyết vấn đề.

- Năng lực thuyết trình.

- Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Tranh vẽ phóng to hình 24.3 SGK.

- HS: Xem lại bài: “Cấu tạo trong của phiến lá”.

**C. PHƯƠNG PHÁP :** Vấn đáp thảo luận nhóm....

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (4phút)**

- Hô hấp là gì? ý nghĩa của hô hấp đối với cây?

**III. Dạy học bài mới (1phút)**

**1. Giới thiệu bài**: Như SGK.

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1(15phút): Thí nghiệm xác định phần lớn nước vào cây đi đâu?***

***Mục tiêu*:** HS biết nhận xét kết quả thí nghiệm, so sánh thí nghiệm, lựa chọn thí nghiệm chứng minh đúng nhất.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của GV | | Hoạt động của HS |
| - GV cho HS nghiên cứu độc lập SGK trả lời 2 câu hỏi.  *+ Một số HS đã dự đoán điều gì?*  *+ Để chứng minh cho dự đoán đó họ đã làm gì?*  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm để lựa chọn thí nghiệm.  - GV tìm hiểu số nhóm chọn thí nghiệm 1 hoặc thí nghiệm 2 (ghi vào góc bảng).  - GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày tên thí nghiệm và giải thích lí do chọn của nhóm mình.  - GV lưu ý tạo điều kiện cho các nhóm trình bày ý kiến nếu có nhiều ý kiến chưa thống nhất thì cho tranh luận nhưng theo gợi ý của GV. VD: cho HS nhắc lại dự đoán ban đầu sau đó xem lại thí nghiệm của nhóm Dũng và Tú đã chứng minh được điều nào của dự đoán, còn nội dung nào chưa chứng minh được? *Thí nghiệm của nhóm Tuấn, Hải chứng minh được nội dung nào? giải thích?*  - Sau khi đã thảo luận xong GV hỏi: *Sự lựa chọn nào là đúng?*  - GV chốt lại đáp án đúng như trong sách giáo viên cho HS rút ra kết luận.  - GV cho HS nghiên cứu SGK hình 24.3 SGK trang 81. | - HS đọc mục thông tin □ SGK trả lời câu hỏi của giáo viên.  - HS trong nhóm tự nghiên cứu 2 thí nghiệm quan sát hình 24.3 trả lời câu hỏi mục ▽ SGK trang 81, sau đó thảo luận nhóm để thống nhất câu tra lời.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS phải biết trong lớp nhóm nào lựa chọn thí nghiệm của Dũng, Tú và nhóm nào chọn thí nghiệm của Tuấn, Hải.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung nhóm giải thích sự lựa chọn của nhóm mình theo gợi ý của giáo viên. | |  |

* Yêu cầu:

|  |
| --- |
|  |

***Kết luận:***

- Phần lớn nước do rễ hút vào cây đã được thải ra ngoài bằng sự thoát hơi nước qua lá.

- HS quan sát hình 24.3 SGK trang 81 chú ý chiều mũi tên màu đỏ để biết con đương mà nước thoát ra ngoài qua lá.

***Hoạt động 2 (10 phút): Ý nghĩa của sự thoát hơi nước qua lá***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV cho HS đọc SGK trả lời câu hỏi:  *+ Vì sao sự thoát hơi nước qua lá có ý nghĩa rất quan trọng đối với đời sống của cây?*  - GV tổng kết lại ý kiến của HS, cho HS rút ra kết luận. | - HS hoạt động độc lập đọc thông tin □ SGK để trả lời câu hỏi của GV.  - Yêu cầu nêu được:  + Tạo sức hút để vận chuyển nước và muối khoáng từ rễ lên lá.  + Làm dịu mát cho lá.  - HS trình bày ý kiến và HS khác bổ sung. |

***Kết luận:***

- Hiện tượng thoát hơi nước qua lá giúp cho việc vận chuyển nước và muối khoáng từ rễ lên lá, giữ cho lá khỏi bị khô.

***Hoạt động 3 (10 phút): Những điều kiện bên ngoài nào ảnh hưởng***

***đến sự thoát hơi nước qua lá?***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK, trả lời 2 câu hỏi SGK trang 82.  - GV gợi ý HS sử dụng kết luận ở hoạt động 2 và những câu hỏi nhỏ sau để trả lời:  *+ Khi nào lá cây thoát hơi nước nhiều?*  *+ Nếu cây thiếu nước sẽ xảy ra hiện tượng gì?*  - GV cho HS nhận xét bổ sung ý kiến cho nhau, rút ra kết luận.  *+ Qua bài học em hiểu được những gì?* | - HS đọc thông tin mục □ SGK và trả lời 2 câu hỏi mục ▽ SGK trang 82.  - Đại diện 1 HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung. |

***Kết luận:***

- Các điều kiện bên ngoài như: ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, không khí ảnh hưởng đến sự thoát hơi nước của lá.

**IV. Kiểm tra, đánh giá *(4 phút)***

- HS trả lời câu hỏi 1, 2 SGK trang 82.

- GV gợi ý cho HS trả lời câu hỏi 3 như SGV.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà *(1 phút)***

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục: “Em có biết”.

- Chuẩn bị đoạn xương rồng có gai, củ dong, củ hành, cành mây, tranh ảnh lá biến dạng khác.

- Kẻ sẵn bảng SGK trang 85 vào vở.

**Tuần 14**  Ngày dạy: 15/11/2017

**Tiết 28** Ngày dạy: 23/11/2017

**Bài 25: THỰC HÀNH – QUAN SÁT BIẾN DẠNG CỦA LÁ**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh nắm được đặc điểm hình thái và chức năng của một số lá biến dạng, từ đó hiểu được ý nghĩa biến dạng của lá.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát, nhận biết kiến thức từ mẫu.

**3. Thái độ**

- Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực thực hành.

- Năng lực quan sát.

- Năng lực thuyết trình.

- Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Mẫu cây mây, cây đậu Hà Lan, cây hành còn lá xanh, củ dong ta, cành xương rồng, tranh cây nắp ấm, cây bèo đất, chuẩn bị trò chơi như SGV.

- HS: Sưu tầm mẫu theo nhóm đã phân công, kẻ bảng SGK trang 85 vào vở.

**C. PHƯƠNG PHÁP :** Vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (4 phút)**

- Nêu chức năng của lá?

**III. Dạy học bài mới (1 phút)**

**1. Giới thiệu bài**:- GV treo tranh cây nắp ấm giới thiệu lá của cây cho HS so sánh với một lá bình thường để suy ra lá biến dạng nhằm thực hiện chức năng khác.

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1 (25 phút): Tìm hiểu về một số loại lá biến dạng***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS | |
| - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm: Quan sát hình và trả lời câu hỏi SGK trang 83.  - GV quan sát các nhóm, có thể giúp đỡ động viên nhóm yếu, nhóm học khá thì yêu cầu có kết quả nhanh và đúng.  - GV cho các nhóm trao đổi kết quả.  - GV chữa bằng cách cho chơi trò chơi “Thi điền bảng liệt kê”  + GV treo bảng liệt kê lên bảng, gọi 7 nhóm tham gia, bốc thăm xác định tên mẫu vật nhóm cần điền.  + Yêu cầu mỗi nhóm thặt các mảnh bìa có ghi sẵn đặc điểm, hình thái, chức năng.... gài vào ô cho phù hợp.  + GV thông báo luật chơi: thành viên của nhóm chọn và gài vào phần của nhóm mình.  - GV nhận xét kết quả và cho điểm nhóm làm tốt.  - GV thông báo đáp án đúng để HS điều chỉnh.  - GV yêu cầu HS đọc mục “Em có biết” để biết thêm 1 loại lá biến dạng nữa (lá của cây hạt bí). | - HS hoạt động nhóm cùng quan sát mẫu kết hợp với các hình 25.1....25.7 SGK trang 84  - HS tự đọc mục □ và trả lời các câu hỏi mục ▽ SGK trang 83.  - Trong nhóm thống nhất ý kiến, cá nhân hoàn thành bảng SGK trang 85 vào vở.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Sau khi HS bốc thăm tên mẫu cứ 3 người lên chọn mảnh bìa để gắn vào vị trí.  *Chú ý*: Trước khi lên bảng HS nên quan sát lại mẫu hoặc tranh để gắn bìa cho phù hợp.  - Các nhóm theo dõi nhận xét, bổ sung.  - HS nhắc lại các loại lá biến dạng, đặc điểm hình thái và chức năng chủ yếu của nó. |  |

* Yêu cầu:

|  |
| --- |
|  |

***Kết luận:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Tên vật mẫu*** | ***Đặc điểm hình thái của lá biến dạng*** | ***Chức năng của lá biến dạng*** | ***Tên lá biến dạng*** |
| 1 | Xương rồng | - Dạng gai nhọn | - Làm giảm sự thoát hơi nước | - Lá biến thành gai |
| 2 | Đậu Hà Lan | - Lá nhọn có dạng tua cuốn | - Giúp cây leo cao | - Tua cuốn |
| 3 | Lá cây mây | - Lá ngọn có dạng tay móc | - Giúp cây leo cao | - Tay móc |
| 4 | Củ giềng | - Lá phủ trên thân rễ, vảy mỏng, nâu nhạt | - Che chở và bảo vệ cho chồi của thân rễ | - Lá vảy |
| 5 | Củ hành | - Bẹ lá phình to thành vảy, màu trắng | - Chứa chất dự trữ | - Lá dự trữ |
| 6 | Cây bèo đất | - Trên lá có rất nhiều lông, tuyến tiết chất dính, thu hút và hiêu hóa mồi. | - Bắt và tiêu hoá mồi | - Lá bắt mồi |
| 7 | Cây nắp ấm | - Gân lá phát triển thành cái bình có nắp đậy. Có tuyến tiết chất dịch thu hút và tiêu hóa mồi. | - Bắt và tiêu hoá sâu bọ khi chúng chui vào bình. | - Lá bắt mồi. |

***Hoạt động 2 (10 phút): Tìm hiểu ý nghĩa biến dạng của lá***

***Mục tiêu***: So sánh đặc điểm hình thái chức năng chủ yếu của lá biến dạng so với lá bình thường để khái quát về ý nghĩa biến dạng của lá.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS xem lại bảng ở hoạt động 1, nêu *ý nghĩa biến dạng của lá?*  - GV gợi ý:  *+ Nhận xét gì về đặc điểm hình thái của các lá biến dạng so với lá thường?*  *+ Những đặc điểm biến dạng đó có tác dụng gì đối với cây?* | - HS xem lại đặc điểm hình thái và chức năng chủ yếu của lá biến dạng ở hoạt động 1 kết hợp với gợi ý của GV để thấy được ý nghĩa biến dạng của lá.  - Đại diện 1 HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung. |

***Tiểu kết:***

- Lá của một số loại cây biến đổi hình thái thích hợp với chức năng ở những điều kiện sống khác nhau.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (4 phút)**

- HS trả lời câu hỏi 1, 2 SGK.

- Tìm hiểu ở địa phương hay qua các tài liệu về lá biến dạng.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Chuẩn bị theo nhóm các mẫu: đoạn rau má, củ khoai lang có mầm, củ gừng, nghệ có mầm, lá cây thuốc bỏng.

**Tuần 15**  Ngày soạn: 21/11/2017

**Tiết 29** Ngày dạy: 29/11/2017

**BÀI TẬP**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Củng cố, khắc sâu và mở rộng nhận thức về các quy luật di truyền.

- Biết vận dụng kiến thức vào giải các bài tập.

**2. Kĩ năng :** Rèn kĩ năng giải bài tập trắc nghiệm khách quan.

**3. Thái độ :** Yêu thích môn học

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực giải quyết vấn đề. Năng lực thuyết trình.

**B, CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS**

**C. PHƯƠNG PHÁP**

**D. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (7 phút)**

- Sự biến dạng của lá có ý nghĩa gì?

- Có những loại lá biến dạng phổ biến nào? Chức năng của mỗi loại lá là gì?

**III. Dạy học bài mới**

**1. Giới thiệu bài:**

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1 (16 phút): Hướng dẫn cách giải một số bài tập trắc nghiệm.***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của HS |
| - GV đưa ra một số bài tập trắc nghiệm, yêu cầu HS áp dụng những kiến thức đã học hoàn thành. | - HS áp dụng những kiến thức đã học hoàn thành các bài tập mà GV yêu cầu. |

***Khoanh tròn vào đầu câu trả lời đúng:***

***Câu 1***: Trong các tế bào sau đây, tế bào nào có khả năng phân chia:

a. Tế bào non b. Tế bào trưởng thành c. Tế bào già

***Câu 2***: Cây mướp thuộc loại thân:

a. Thân bò b. Thân leo (tua cuốn) c. Thân leo (thân quấn)

***Câu 3***: Cấu tạo trong của thân non:

a. Trụ giữa có chức năng dự trữ và tham gia quang hợp.

b. Trụ giữa có chức năng vận chuyển chất hữu cơ, nước, muối khoáng và chất dự trữ.

c. Trụ giữa có chức năng vận chuyển nước, muối khoáng và chứa chất dự trữ.

***Câu 4***: Thân cây to ra do:

a. Tầng sinh vỏ b. Tàng sinh trụ c. Cả a và b

Câu có nội dung đúng là:

a. Củ su hào là thân củ b. Củ khoai tây là thân rễ

c. Cây xương rồng có thân mọng nước để bảo vệ.

***Câu6***: Trong các lá sau đây, nhóm lá nào có gân song song?

a. Lá hành, lá nhãn, lá bưởi. b. Lá rau muống, lá cải.

c. Lá lúa, lá mồng tơi, lá bí đỏ. d. Lá tre, lá lúa, lá nhãn.

***Câu7***:Trong các lá sau đây nhóm lá nào thuộc lá đơn?

a. Lá dâm bụt, lá phượng, lá dâu. b. Lá trúc đào, lá hoa hồng, lá lốt.

c. Lá ổi, lá dâu, lá ổi, trúc nhật. d. Lá hoa hồng, lá phượng, lá khế.

***Câu8***: trong các bộ phận sau đây của lá, bộ phận nào là nơi xảy ra quá trình quang hợp?

a. Lỗ khí. b. Gân lá. c. Diệp lục.

***Câu9***: Lá cây cần chất nào trong các khí sau đây để chế tạo tinh bột?

a. Khí oxi. b. Khí cacbonic. c. Khí nitơ.

***Câu 10:*** Sản phẩm mà quá trình hô hấp tạo ra là?

a. Năng lượng, tinh bột, Khí cacbonic. b. Năng lượng, khí oxi, hơi nước.

c. Năng lượng, khí cacbonic, hơi nước.

***Hoạt động 2 (21 phút):*** ***Hướng dẫn giải một số bài tập trong sách bài tập sinh học 6***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS xem lại các bài tập trong sách bài tập.  - GV hướng dẫn cho HS cách làm một số bài tập khó mà HS yêu cầu. | - HS xem lại các bài tập trong sách bài tập sinh học 6, yêu cầu GV hướng dẫn chữa một số bài tập khó.  - dưới sự hướng dẫn của GV HS tự hoàn thành vào vở bài tập. |

**IV. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Ôn lại những kiến

thức đã học ở các chưng trước.

- Đọc và chuẩn bị trước một số mẫu vật ở bài 30: *Sinh sản sinh dưỡng tự nhiên*

**Tuần 15** Ngày soạn: 21/11/2017

**Tiết 30** Ngày dạy:30/11/2017

CHƯƠNG V- SINH SẢN SINH DƯỠNG

**Bài 26: SINH SẢN SINH DƯỠNG TỰ NHIÊN**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh nắm được khái niệm đơn giản về sinh sản sinh dưỡng tự nhiên.

- Tìm được một số VD về sinh sản sinh dưỡng tự nhiên.

- Nắm được các biện pháp tiêu diệt cỏ dại hại cây trồng và giải thích cơ sở khoa học của những biện pháp đó.

**2. Kĩ năng:** Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, phân tích mẫu.

**3. Thái độ**

- Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật, tránh tác động vào giai đoạn sinh sản của sinh vật vì đây là giai đoạn nhạy cảm.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực thực hành. Năng lực quan sát. Năng lực thuyết trình.Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Tranh vẽ hình 16.4 SGK, kẻ bảng SGK trang 88 vào bảng phụ.

+ Mẫu: Rau má, sài đất, củ gừng, củ nghệ có mầm, cỏ gấu, củ khoai lang có chồi, lá bỏng, lá hoa đá có mầm.

- HS: Chuẩn bị 4 mẫu như hình 26.4 SGK theo nhóm, ôn lại kiến thức của bài biến dạng của thân rễ, kẻ bảng SGK trang 88 vào vở.

**C. PHƯƠNG PHÁP**

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (3 phút)**

- Nêu ý nghĩa của sự biến dạng của lá?

**III. Dạy học bài mới (1 phút)**

**1. Giới thiệu bài:** Cho HS xem lá bỏng có các chồi và giới thiệu: hiện tượng này gọi là sinh sản sinh dưỡng tự nhên. Vậy sinh sản sinh dưỡng là gì? Ở những cây khác có như vậy không?

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1 (20 phút): Tìm hiểu khả năng tạo thành cây mới từ rễ,***

***thân, lá ở một số cây có hoa.***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - GV yêu cầu HS quan sát hình 26.1 đến 26.4, yêu cầu HS bỏ vật mẫu đã mang đi, đặt lên bàn quan sát.  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm: thực hiện yêu cầu mục ▽ SGK trang 87.  - GV cho HS các nhóm trao đổi kết quả.  - Yêu cầu HS hoàn thành bảng trong vở bài tập.  - GV chữa bài bằng cách gọi HS lên tự điền vào từng mục ở bảng GV đã chuẩn bị sẵn.  - GV theo dõi bảng, công bố kết quả đúng. | - HS quan sát tranh, mẫu.  - Hoạt động nhóm thống nhất ý kiến trả lời.  - Trao đổi phiếu.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Cá nhân nhớ lại kiến thức về các loại rễ thân biến dạng, kết hợp với câu trả lời của nhóm, hoàn thành bảng ở vở bài tập.  - Một số HS lên bảng điền vào từng mục, HS khác bổ sung nếu cần. |  |

* Yêu cầu:

|  |
| --- |
|  |

***Kết luận:***

- Một số cây trong điều kiện đất ẩm có khả năng tạo được cây mới từ cơ quan sinh dưỡng.

***Hoạt động 2 (15 phút): Sinh sản sinh dưỡng tự nhiên của cây***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS hoạt động độc lập, thực hiện yêu cầu ở mục ▽ trang 88.  - Yêu cầu 1 vài HS đứng lên đọc kết quả.  - Sau khi chữa bài, GV cho HS hình thành khái niệm sinh sản sinh dưỡng tự nhiên.  - GV lưu ý cho HS: hình thức sinh sản sinh dưỡng là phương pháp bảo tồn các nguồn gen quý hiếm, các nguồn gen này sẽ có thể bị mất đi nếu sinh sản hữu tính.  *+ Cần phải làm gì để bảo tồn các nguồn gen quý hiếm?*  *+ Tìm trong thực tế những cây nào có khả năng sinh sản sinh dưỡng tự nhiên?*  *+ Tại sao trong thực tế tiêu diệt cỏ dại rất khó (nhất là cỏ gấu) Vậy cần có biện pháp gì? và dựa trên cơ sở khoa học nào để diệt hết cỏ dại?* | - HS xem lại bảng ở vở bài tập hoàn thành yêu cầu mục ▽ SGK trang 88.  - Một vài HS đọc kết quả, HS khác theo dõi, bổ sung.  - HS tự rút ra khái niệm về sinh sản sinh dưỡng tự nhiên.  + Cỏ tranh, cỏ gấu, hoa đá, khoai lang...  + Nhặt bỏ toàn phần thân, rễ.  + Tránh tác động vào giai đoạn sinh sản của thực vật vì đây là giai đoạn nhạy cảm. |

***Kết luận:***

- Khả năng tạo thành cây mới từ các cơ quan sinh dưỡng gọi là sinh sản sinh dưỡng tự nhiên.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

- GV củng cố nội dung bài.

- Yêu cầu HS nhắc lại nội dung sự sinh sản sinh dưỡng tự nhiên.

- GV đánh giá giờ học.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Chuẩn bị theo nhóm: ngâm đoạn rau muống ở vườn nhà cho mọc rễ.

- Đọc trước bài: Sinh sản sinh dưỡng do người.

**Tuần 16** Ngày soạn: 28/11/2017

**Tiết 31** Ngày dạy: 6/12/2017

**Bài 27: SINH SẢN SINH DƯỠNG DO NGƯỜI**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh hiểu được thế nào là giâm cành, chiết cành, ghép cây, nhân giống vô tính trong ống nghiệm.

**2. Kĩ năng** Rèn kĩ năng quan sát, so sánh.

**3. Thái độ** Giáo dục lòng yêu thích bộ môn, ham mê tìm hiểu thông tin khoa học.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát. Năng lực thuyết trình. Năng lực hợp tác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY VÀ HỌC**

- GV: Tranh phóng to hình 27.1 đến 27.4.

+ Mẫu vật: Cành sắn, cành dâu, ngọn mía, rau muống đã mọc rễ.

- HS: Cành rau muống cắm trong bát đất.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (4phút)**

- Sinh sản sinh dưỡng tự nhiên là gì? Cho ví dụ?

**III. Dạy học bài mới (1 phút)**

**1. Giới thiệu bài** :- Như SGK.

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1(12 phút): Tìm hiểu giâm cành***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS hoạt động độc lập, quan sát hình 27.1 và mẫu đã mang đi, trả lời các câu hỏi SGK.  - GV giới thiệu mắt của cành sắn, lưu ý cành giâm phải là cành bánh tẻ.  - GV cho HS cả lớp trao đổi kết quả với nhau.  - Lưu ý: câu hỏi 3 nếu HS không trả lời được thì GV phải giải thích: cành của những cây này có khả năng ra rễ phụ rất nhanh. HS rút ra kết luận.  *+ Những loại cây nào thường áp dụng biện pháp này?* | - HS hoạt động độc lập, quan sát hình 27.1 và mẫu đã mang đi, trả lời các câu hỏi SGK.  - Yêu cầu nêu được:  + Cành sắn hút ẩm mọc rễ.  + Cắm cành xuống đất ẩm, ra rễ, mọc thành cây con.  - Đại diện 1 HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung. |  |

* Yêu cầu:

|  |
| --- |
|  |

***Kết luận:***

- Giâm cành là cắt 1 đoạn thân hay cành của cây mẹ cắm xuống đất ẩm cho ra rễ, sau đó cành sẽ phát triển thành cây mới.

***Hoạt động 2 (12 phút): Tìm hiểu chiết cành***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV cho HS hoạt động cá nhân, quan sát hình 27.2 SGK và trả lời câu hỏi mục ▽.  - GV nghe và nhận xét phần trao đổi của lớp nhưng GV phải giải thích thêm về kĩ thuật chiết cành cắt 1 đoạn vỏ gồm cả mạch rây để trả lời câu hỏi 2.  - GV lưu ý nếu HS không trả lời được câu hỏi 3 thì GV phải giải thích: cây này chậm ra rễ nên phải chiết cành.  *+ Người ta chiết cành với loại cây nào?* | - HS quan sát hình 27.2, chú ý các bước tiến hành chiết, kết quả HS trả lời câu hỏi mục ▽ trang 90.  - HS vận dụng kiến thức bài vận chuyển các chất trong thân để trả lời câu hỏi 2.  - HS cả lớp trao đổi với nahu về đáp án của mình để tìm ra câu trả lời đúng.  - HS tiếp thu kiến thức. |

***Kết luận:***

- Chiết cành là làm cho cành ra rễ trên cây sau đó đem trồng thành cây mới.

***Hoạt động 3 (10 phút): Tìm hiểu về ghép cây***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV cho HS nghiên cứu SGK thực hiện yêu cầu mục □ SGK trang 90 và trả lời câu hỏi:  *+ Em hiểu thế nào là ghép cây? Có mấy cách ghép cây?* | - HS đọc mục □ SGK trang 90, quan sát hình 27.3 và trả lời câu hỏi trang 90.  - Đại diện 1 HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung. |

***Kết luận:***

- Ghép cây là dùng mắt chồi của một cây gắn vào cây khác cho tiếp tục phát triển.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

- GV củng cố nội dung bài.

- Yêu cầu HS nhắc lại nội dung sự sinh sản sinh dưỡng do người.

- GV đánh giá giờ học.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi 1,2,3 SGK.

- Đọc mục “Em có biết”?

- Làm bài tập SGK 92 ở nhà, báo cáo kết quả sau 3 tuần.

- Chuẩn bị: hoa bưởi, hoa râm bụt, hoa loa kèn.

**Tuần 16** Ngày soạn: 30/11/2017

**Tiết 32** Ngày dạy: 7/12/2017

CHƯƠNG VI- HOA VÀ SINH SẢN HỮU TÍNH

**Bài 28: CẤU TẠO VÀ CHỨC NĂNG CỦA HOA**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh phân biệt được các bộ phận chính của hoa, các đặc điểm cấu tạo và chức năng của từng bộ phận.

- Giải thích được vì sao nhị và nhuỵ là những bộ phận sinh sản chủ yếu của hoa.

**2. Kĩ năng** Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, phân tích, tách bộ phận của thực vật.

**3. Thái độ** Giáo dục ý thức bảo vệ thực vật, hoa.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát. Năng lực thuyết trình. Năng lực hợp tác, thảo luận nhóm.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Tranh phóng to hình 28.1 đến 27.3.

+ Mẫu vật: Râm bụt, hoa bưởi, hoa loa kèn, hoa cúc, hoa hồng. Kính lúp.

- HS: Một số loại hoa đã dặn.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (4 phút)**

- Cách nhân giống nào nhanh nhất và tiết kiệm cây giống nhất? vì sao?

**III. Dạy học bài mới (1 phút)**

1. Giới thiệu bài: GV: chúng ta đã học về các cơ quan sinh dưỡng của cây

+ Cơ quan sinh sản của cây là gì?

\_ Vậy hoa có cấu tạo và chức năng như thế nào? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài hôm nay

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1 (20 phút): Tìm hiểu các bộ phận của hoa***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV cho HS quan sát hoa thật và xác định các bộ phận của hoa.  - GV yêu cầu HS đối chiếu hình 28.1 SGK trang 94, ghi nhớ kiến thức.  - GV cho HS tách hoa để quan sát các đặc điểm về số lượng, màu sắc, nhị, nhuỵ...  - GV đi từng nhóm quan sát các thao tác của HS giúp đỡ nhóm nào còn yếu, lúng túng hay làm chưa đúng, nhắc nhở các nhóm xếp các bộ phận đã tách trên giấy cho gọn gàng và sạch sẽ.  - GV có thể cho HS tìm đĩa mật (nếu có).  - GV cho HS trao đổi kết quả các nhóm chủ yếu là bộ phận nhị và nhuỵ.  - GV chốt lại kiến thức bằng cách treo tranh giới thiệu hoa, cấu tạo nhị, nhuỵ.  - GV gọi 2 HS lên bàn tách hoa loa kèn và hoa râm bụt còn các nhóm cũng tách 2 loại hoa này. Sau đó 2 HS trình bày các bộ phận của hoa loa kèn và hoa râm bụt, HS khác theo dõi, nhận xét. | - HS trong nhóm quan sát hoa bưởi nở, kết hợp với hiểu biết về hoa, xác định các bộ phận của hoa.  - Một vài HS cầm hoa của nhóm mình trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS trong nhóm tách hoa đặt lên giấy: đếm số cánh hoa, xác định màu sắc.  + Quan sát nhị: đếm số nhị, tách riêng 1 nhị dùng dao cắt ngang bao phấn, dầm nhẹ bao phấn, dùng kính lúp quan sát hạt phấn.  + Quan sát nhuỵ; tách riêng nhuỵ dùng dao cắt ngang bầu kết hợp hình 28.3 SGK trang 94 xem: nhuỵ gồm những phần nào? noãn nằm ở đâu?  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |

* Yêu cầu:

|  |
| --- |
|  |

***Kết luận:***- Hoa gồm các bộ phận: đài tràng, nhị, nhuỵ.

+ Nhị gồm: chỉ nhị và bao phấn (chứa hạt phấn).

+ Nhuỵ gồm: đầu, vòi, bầu nhuỵ, noãn trong bầu nhuỵ.

***Hoạt động 2 (14 phút): Tìm hiểu chức năng các bộ phận của hoa***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, nghiên cứu SGK và trả lời 2 câu hỏi SGK trang 95.  - GV gợi ý: *tìm tế bào sinh dục đực và cái nằm ở đâu? chúng thuộc bộ phận nào của hoa? có còn bộ phận nào của hoa chứa tế bào sinh dục nữa không?*  - GV cho HS trong lớp trao đổi kết quả với nhau.  - GV chốt lại kiến thức như SGV trang 114.  - GV giới thiệu thêm về hoa hồng và hoa cúc cho cả lớp quan sát. | - HS đọc mục □ SGK trang 95 quan sát lại bông hoa và trả lời 2 câu hỏi SGK trang 95.  - Yêu cầu xác định được:  + Tế bào sinh dục đực trong hạt phấn của nhị.  + Tế bào sinh dục cái trong noãn của nhuỵ.  + Đài, tràng có tác dụng bảo vệ bộ phận bên trong.  - HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức. |

***Kết luận:***

- Đài tràng có tác dụng bảo vệ bộ phận bên trong.

- Nhị, nhuỵ có chức năng sinh sản, duy trì nòi giống.

- Nhị: có nhiều hạt phấn mang tế bào bào sinh dục đực.

- Nhuỵ: có bầu chứa lá noãn mang tế bào sinh dục cái.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

- GV củng cố nội dung bài.

GV cho HS ghép hoa và ghép nhị, nhuỵ.

*a. Ghép hoa:* - Gọi HS lên chọn các bộ phận của hoa rồi gắn vào tấm bìa ghép thành một bông hoa hoàn chỉnh gồm cuống, đài, tràng, bầu, nhị, nhuỵ.

*b. Ghép nhị, nhuỵ*

- GV treo tranh câm nhị nhuỵ như hình 28.2 và 28.3.

- Yêu cầu HS chọn các mẩu giấy có chữ để gắn vào cho phù hợp.

- GV nhận xét, đánh giá điểm.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK. Làm bài tập SGK 95.

- Chuẩn bị: Hoa bí, mướp, hoa râm bụt, hoa loa kèn, hoa huệ, tranh ảnh các loại hoa khác nhau

**Tuần 17** Ngày soạn: 03/12/2017

**Tiết 33** Ngày dạy: 13/12/2017

**Bài 29: CÁC LOẠI HOA**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh phân biệt được 2 loại hoa: đơn tính và hoa lưỡng tính.

- Phân biệt được 2 cách xếp hoa trên cây biết được ý nghĩa sinh học của cách xếp hoa thành cụm.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, hoạt động nhóm.

**3. Thái độ**

- Giáo dục ý thức yêu thích thực vật, bảo vệ hoa và thực vật, bảo vệ cảnh quan môi trường, đặc biệt ở những nơi công cộng.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát, so sánh.

- Năng lực thuyết trình.

- Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Mẫu vật: một số mẫu hoa đơn tính và hoa lưỡng tính, hoa mọc đơn độc, hoa mọc thành cụm, tranh ảnh về các loại hoa.

- HS: Mang các loại hoa như đã dặn.

+ Kẻ bảng SGK trang 97 vào vở.

+ Xem lại kiến thức về các loại hoa.

**C. PHƯƠNG PHÁP :** Vấn đáp thuyết trình, thỏa luận nhóm..........

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (5 phút)**

- Nêu tên, đặc điểm và chức năng của những bộ phận chính của hoa?

**III. Dạy học bài mới (1 phút)**

**1. Giới thiệu bài**- Như SGK.

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1 (18 phút): Phân chia các nhóm hoa căn cứ vào***

***bộ phận sinh sản chủ yếu của hoa***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu các nhóm đặt hoa lên bàn để quan sát, hoàn thành cột 1, 2, 3 ở vở.  - GV yêu cầu HS chia hoa thành 2 nhóm.  - GV cho HS cả lớp được thảo luận kết quả.  - GV giúp HS sửa bằng cách thống nhất cách phân chia theo bộ phận sinh sản chủ yếu của hoa.  - GV yêu cầu HS làm bài tập dưới bảng SGK.  - GV cho HS hoàn thiện nốt bảng liệt kê.  - GV giúp HS điều chỉnh chỗ còn sai sót.  - GV đưa câu hỏi củng cố: *dựa vào bộ phận sinh sản chia thành mấy loại hoa? thế nào là hoa đơn tính và hoa lưỡng tính?*  - GV gọi 2 HS lên bảng nhặt trên bàn để riêng những hoa đơn tính và hoa lưỡng tính. | | - Từng HS lần lượt quan sát các hoa của các nhóm, hoàn thành cột 1, 2, 3 trong bảng ở vở bài tập.  - HS tự phân chia hoa thành 2 nhóm, viết ra giấy.  - Một số HS đọc bài của mình, HS khác chú ý bổ sung.  - HS nêu được:  Nhóm 1: Có đủ nhị, nhuỵ.  Nhóm 2: có nhị hoặc có nhuỵ.  - HS chọn từ thích hợp hoàn thành bài tập 1 và 2 SGK trang 97.  - HS tự điền nốt vào cột của bảng ở vở.  - 1 vài HS đọc kết quả cột 4, HS khác góp ý. |

* Yêu cầu:

|  |
| --- |
|  |

***Kết luận:***

- Có 2 loại hoa:

+ Hoa đơn tính: chỉ có nhị hoặc nhuỵ.

+ Hoa lưỡng tính: có cả nhị và nhuỵ.

***Hoạt động 2 (15 phút): Phân chia các nhóm hoa dựa vào***

***cách sắp xếp hoa trên cây***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV bổ sung thêm một số VD khác về hoa mọc thành cụm như: hoa ngâu, hoa huệ, hoa phượng.... bằng mẫu thật hay bằng tranh (đối với hoa cúc, GV nên tách hoa nhỏ ra để HS biết).  *+ Qua bài học em hãy cho biết hoa có ý nghĩa gì đối với tự nhiên, con người ?*  *+ Vậy chúng ta cần phải làm gì đối với các loại hoa ?* | - HS đọc mục □, quan sát hình 29.2 và tranh ảnh hoa sưu tầm để phân biệt 2 cách xếp hoa và nhận biết qua tranh hoặc mẫu.  - HS trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.  + Tạo cảnh quan tự nhiên, giúp thực vậy duy trì nòi giống…  + Cần phải bảo vệ các loài hoa, trồng thêm nhiều cây xanh, không hái hoa, phá hoại môi trường ở những nơi công cộng và trường học, làm cho trưòng học, nơi ở thêm tươi đẹp. |

***Kết luận:***

- Căn cứ vào cách xếp hoa trên cây, có thể chia ra 2 cách mọc hoa

+ Mọc đơn độc + Mọc thành cụm

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

- GV củng cố nội dung bài.

- GV đánh giá giờ học.

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi cuối bài.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Ôn các nội dung đã học và chuẩn bị ôn tập tiết 34.

**Tuần 17** Ngày soạn: 03/12/2017

**Tiết 34**  Ngày dạy: 14/12/2017

**ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh ôn tập, củng cố lại các kiến thức đã học.

- Biết cô đọng các kiến thức chính của nội dung từng bài.

- Hiểu được chức năng phù hợp với cấu tạo.

**2. Kĩ năng**

- Có kĩ năng quan sát, so sánh, nhận biết kiến thức.

**3. Thái độ**

- Có thái độ yêu thích môn học.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực so sánh, phân tích.

- Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Tranh vẽ các hình trong nội dung chương 4, 5, 6.

- HS: Chuẩn bị theo nội dung đã học.

**C. PHƯƠNG PHÁP :** Vấn đáp thuyết trình, thỏa luận nhóm..........

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh**

- Kết hợp với khi ôn.

**III. Dạy học bài mới**

- Giáo viên hướng dẫn HS ôn tập theo nội dung từng chương:

***a. Chương IV: Lá***

- Đặc điểm bên ngoài của lá:

+ Nêu cấu tạo, cách xếp lá trên cây.

+ Chức năng

- Cấu tạo trong:

+ Cấu tạo

+ Chức năng

- Quang hợp:

+ Nêu được thí nghiệm chất mà lá cây chế tạo được khi có ánh snág.

+ Xác định được chất khỉ thải ra trong quá trình lá chế tạo tinh bột.

+ Xác định được những chất cần thiết để lá chế tạo tinh bột.

+ Nêu được khái niệm quang hợp.

+ Nêu được các điều kiện bên ngoài ảnh hưởn đến quang hợp.

+ Ý nghĩa của quang hợp.

- Hô hấp của cây:

+ Nêu được các thí nghiệm chứng minh hiện tượng hô hấp ở cây.

+ Khái niệm

- Sự thoát hơi nước ở lá và ý nghĩa

- Biến dạng của lá:

+ Các loại lá biến dạng

+ Ý nghĩa

***b. Chương V: Sinh sản sinh dưỡng***

- Hình thức sinh sản sinh dưỡng tự nhiên

- Hình thức sinh sản sinh dưỡng do người.

***c. Chương VI: Hoa và sinh sản hữu tính***

- Cấu tạo và chức năng của hoa:

+ Nêu cấu tạo

+ Nêu chức năng của các bộ phận

- Các loại hoa

+ Sự phân chia thành: hoa đơn tính, hoa lưỡng tính.

+ Sự phân chia thành: hoa mọc đơn độc và hoa mọc thành cụm.

*\* Lưu ý*: GV dùng tranh ở mỗi bài, chương để HS quan sát. Yêu cầu HS tự nêu các đặc điểm và chức năng.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (4 phút)**

- GV củng cố nội dung bài.

- Khắc sâu kiến thức cần ghi nhớ.

- GV nhận xét, đánh giá giờ học.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- HS ôn bài.

- Ôn nội dung tiết 34.

- Chuẩn bị kiểm tra học kì I.

**Tuần 18** Ngày soạn: 10/12/2017

**Tiết 35** Ngày kiểm tra: /12/2017

**KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh thực hiện nội dung kiểm tra theo đúng yêu cầu.

**2. Kĩ năng**

- Có kĩ năng tư duy làm bài.

**3. Thái độ**

- Có thái độ nghiêm túc trong kiểm tra, thi cử.

**4 Năng lực hình thành**

- Năng lực trình bày.

- Năng lực tự học.

- Năng lực làm bài thi.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Nội dung đề bài

- HS: Chuẩn bị theo nội dung đã ôn tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. Ổn định lớp**

**B. Đề bài**

**C. Củng cố**

- GV củng cố, nhận xét.

- Chữa bài nếu còn thời gian.

**D. Hướng dẫn học bài ở nhà**

- HS ôn tập lại cá phần đã học.

- Đọc trước bài: Thụ phấn

**I- MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Tên**  **Chủ đề**  (bài, chương) | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | | Tổng |
| **Cờp độ thấp** | | **Cấp độ cao** |
| **Chủ đề 1:**  **Tế bào thực vật** | - Các thành phần chủ yếu của tế bào thực vật: vách tế bào, màng tế bào, chất tế bào, nhân. | - Ý nghĩa của sự lớn lên và phân chia tế bào là giúp cơ thể lớn lên. |  | |  |  |
| *Số câu:1*  *Số điểm: 1.5*  *Tỉ lệ %: 15%* | *Số câu:1*  *Số điểm: 1*  *Tỉ lệ %: 66.7%* | *Số câu:1*  *Số điểm: 0.5*  *Tỉ lệ %:33.3%* |  | |  | *Số câu:1*  *Số điểm:1.5*  *Tỉ lệ %: 15* |
| **Chủ đề 2: Rễ** | - Kể tên được các loại rễ biến dạng và chức năng. |  | - Giải thích tại sao phải thu hoạch rễ củ trước khi ra hoa | |  |  |
| *Số câu:1*  *Số điểm: 2*  *Tỉ lệ %: 20%* | *Số câu:1*  *Số điểm:1*  *Tỉ lệ %: 50%* |  | *Số câu:1*  *Số điểm:1*  *Tỉ lệ %:50%* | |  | *Số câu:1*  *Số điểm:2*  *Tỉ lệ %:20* |
| **Chủ đề 3:**  **Thân** | - Chức năng của mạch gỗ và mạch rây.  - Thân rài ra do bộ phận nào của cây. |  | - Giải thích những cây thân gỗ không cấm ngọn | |  |  |
| *Số câu:1*  *Số điểm: 2.5*  *Tỉ lệ %:25%* | *Số câu:1*  *Số điểm:1.5*  *Tỉ lệ %: 60%* |  | *Số câu:1*  *Số điểm:1*  *Tỉ lệ %:40%* | |  | *Số câu:1*  *Số điểm:2.5*  *Tỉ lệ %:25* |
| **Chủ đề 4:**  **Lá** |  | - Hiểu được hình dạng ngoài của phiến lá và các kiểu sắp xếp lá trên thân và cành giúp lá nhận được nhiều ánh sáng |  | | - Vận dụng kiến thưc về quang hợp và hô hấp ở thực vật để giải thích hiện tượng ngồi dưới tán cây ban ngày thấy thoáng mát, dễ chịu còn buổi tối thấy ngột ngạt khó thở |  |
| *Số câu:2*  *Số điểm: 4*  *Tỉ lệ %:40%* |  | *Số câu:2*  *Số điểm: 2*  *Tỉ lệ %: 50%* |  | | *Số câu:1*  *Số điểm:2*  *Tỉ lệ %:50%* | *Số câu:2*  *Số điểm:4*  *Tỉ lệ %:40* |
| **TS câu: 5**  **TS điểm: 10điểm**  ***Tỉ lệ 100%*** | Số câu: 3  Số điểm: 3.5  Tỉ lệ 35%: | Số câu: 2  Số điểm: 2.5  Tỉ lệ 25%: | Số câu: 2  Số điểm: 2  Tỉ lệ 20% | Số câu: 1  Số điểm: 20  Tỉ lệ 20%: | | Số câu: 5  Số điểm: 10  Tỉ lệ 100%: |

**II. ĐỀ BÀI**

**Câu 1 (1.5 điểm):** Tế bào thực vật gồm những thành phần chủ yếu nào? Sự lớn lờn và phõn chia tế bào cú ý nghĩa gỡ với thực vật?

**Câu 2 (2 điểm):** Kể tên một số loại rễ biến dạng và chức năng của chúng đối với cây? Vỡ sao phải thu hoạch rễ củ trước khi ra hoa?

**Câu 3 (2.5 điểm):**

1. Mạch gỗ và mạch rây có chức năng gỡ đối với cây?

b. Thân dài ra do đâu? Giải thích tại sao với cây lấy gỗ người ta không bấm ngọn?

**Câu 4 (2 điểm):** Lá có những đặc điểm bên ngoài và cách sắp xếp trên cây như thế nào giúp nó nhận được nhiều ánh sáng?

**Câu 5 (2 điểm):** Tại sao buổi trưa nắng ngồi dưới tán cây xanh lại cảm thấy mát mẻ, thỏa mái nhưng buổi tối ngồi dưới tán cây xanh rậm rạp lại cảm thấy ngột ngạt, khó thở?

---------------- Hết ----------------

**III. Đáp án – Biểu điểm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cõu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Cõu 1**  **(1.5 đ)** | - Tế bào thực vật gồm cỏc thành phần chủ yếu  + Vỏch tế bào.  + Màng sinh chất.  + Tế bào chất (chứa cỏc bào quan và khụng bào).  + Nhõn.  - Sự lớn lên và phân chia của tế bào giúp các cơ quan của cơ thể thực vật lớn lờn. | *0.25*  *0.25*  *o.25*  *0.25*  *0.5* |
| **Cõu 2**  **(2đ)** | - Cỏc loại rễ biến dạng:  + Rễ củ: Chức chất dự trữ cho cõy khi ra hoa, tạo quả  + Rễ múc: Bỏm vào trụ, giỳp cõy leo lờn.  + Rễ thở: Giỳp cõy hụ hấp.  + Giác mút: Lấy thức ăn từ cây chủ.  - Giải thớch: Rễ củ chức chất dinh dưỡng dự trữ cho cây khi ra hoa, kết quả. Sau khi cây ra hoa chất dinh dưỡng trong rễ củ bị tiêu giảm hoặc không cũn làm cho rễ củ xốp, teo nhỏ lại, làm giảm năng suất và chất lượng của rễ củ. | *0.25*  *0.25*  *0.25*  *0.25*  *1* |
| **Cõu 3**  **(2.5đ)** | a. Vai trũ của mạch gỗ: Vận chuyển nước và muối khoáng từ rễ lên thân và lá.  - Vai trũ của mạch rõy: Vận chuyển chất hữu cơ từ lá xuống các bộ phận khác của cây.  b. Thõn dài ra do sự phõn chia tế bào ở mụ phõn sinh ngọn.  - Cỏc loại cõy lấy gỗ cần thõn dài nếu cấm ngọn sẽ làm thõn cõy khụng dài ra nữa vỡ mất mụ phõn sinh ngọn. Làm giảm năng suất và chất lượng gỗ. | *0.5*  *0.5*  *0.5*  *1* |
| **Cõu 4**  **(2đ)** | - Phiến lá màu lục, dạng bản dẹt là phần rộng nhất của lá giúp nó thu nhận được nhiều ánh sáng.  - Lỏ xếp trờn cõy theo 3 kiểu là: lá mọc cách, lá mọc đối, lá mọc vũng. | *1đ*  *1đ* |
| **Câu 5 (2đ)** | - Vào ban ngày, cú ỏnh sỏng lỏ cõy thực hiện quỏ trỡnh quang hợp và thải khớ oxi ra mụi trường nên vào ban ngày ngồi dưới tán cây cảm thấy mát mẻ, dễ chịu.  - Buổi tối ngồi dưới tan cây xanh rậm rạp cảm thấy ngột ngạt, khú thở vỡ khi trời tối khụng cú ỏnh sỏng, cõy chỉ thực hiện quỏ trỡnh hụ hấp, lấy khớ oxi để phân giải các chất hữu cơ, đồng thời thải ra khí cacbonic và hơi nước vào môi trường. | *1đ*  *1đ* |

**------------- Hết --------------**

**C. Củng cố**

- GV củng cố, nhận xét.

- Chữa bài nếu còn thời gian.

**D. Hướng dẫn học bài ở nhà**

- HS ôn tập lại cá phần đã học.

- Đọc trước bài: Thụ phấn

**Tuần 18** Ngày soạn: /12/2017

**Tiết 36** Ngày dạy: /12/2017

**Bài 30: THỤ PHẤN**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1.Kiến thức**

- Học sinh phát biểu được khái niệm thụ phấn.

- Nêu được những đặc điểm chính của hoa tự thụ phấn. Phân biệt hoa tự thụ phấn và hoa giao phấn.

- Nhận biết những đặc điểm chính của hoa thích hợp với lối thụ phấn nhờ sâu bọ.

**2. Kĩ năng:** Rèn luyện và củng cố các kĩ năng:

+ Làm việc nhóm nhỏ. Quan sát mẫu vật, tranh vẽ. Sử dụng các thao tác tư duy.

**3. Thái độ:**  Giáo dục ý thức yêu và bảo vệ các loài động vật vì chúng có vai trò quan trọng trong việc thụ phấn của hoa, duy trì nòi giống của các loài thực vật.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát. Năng lực hợp tác, thảo luận nhóm.

- Năng lực so sánh, phân tích. Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Mẫu vật: hoa tự thụ phấn, hoa thụ phấn nhờ sâu bọ.

+ Tranh vẽ cấu tạo hoa bí đỏ.

+ Tranh ảnh một số hoa thụ phấn nhờ sâu bọ.

- HS: Mỗi nhóm: 1 loại hoa tự thụ phấn, 1 loại hoa thụ phấn nhờ sâu bọ.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh**

**III. Dạy học bài mới (1 phút)**

- Ở thực vật bậc cao nhờ có quá trình thụ phấn mà cây mới duy trì nòi giống. Vậy hoa thụ phấn có dặc điểm gì? Những hoa thụ phấn nhờ sâu bọ có gì khác so với hoa thụ phấn nhờ gió? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài hôm nay bài 30...

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1 (23 phút): Tìm hiểu hoa tự thụ phấn và hoa giao phấn***

***a. Hoa tự thụ phấn***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Hướng dẫn HS quan sát hình 30.1 để trả lời câu hỏi:  *+ Thế nào là hiện tượng thụ phấn?*  - GV đưa vấn đề: *Hoa tự thụ phấn cần những điều kiện nào?*  - GV chốt lại đặc điểm của hoa tự thụ phấn. | - HS tự quan sát hình 30.1 (chú ý vị trí của nhị và nhuỵ), suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  - HS làm ▽ SGK (lựa chọn các đặc điểm ghi vào giấy nháp)  + Trao đổi câu trả lời tìm được và giải thích.  + Các nhóm nhận xét, bổ sung nếu cần. - Đặc điểm hoa tự thụ phấn:  + Hoa lưỡng tính.  + Nhị và nhuỵ chín đồng thời. |  |

* Yêu cầu:

|  |
| --- |
|  |

***b. Hoa giao phấn***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS đọc thông tin và trả lời 2 câu hỏi mục 1b.  - Tổ chức thảo luận giữa các nhóm, trao đổi đáp án 2 câu hỏi.  - GV kết luận  + Thụ phấn bằng cách giao phấn nhờ nhiều yếu tố. | - HS đọc thông tin trang 99. Thảo luận câu trả lời trong nhóm (gợi ý giao phấn là hiện tượng hạt phấn chuyển đến đầu nhuỵ hoa khác)  - HS tự bổ sung hoàn thiện đáp án.  - Yêu cầu kiến thức:  + Nêu được đặc điểm là hoa đơn tính hoặc hoa lưỡng tính có nhị và nhuỵ không chín cùng 1 lúc.  + Hoa giao phấn thực hiện được nhờ nhiều yếu tố: sâu bọ, gió, người... |

* Yêu cầu:

|  |
| --- |
|  |

***Kết luận:***

- Thụ phấn là hiện tượng hạt phấn tiếp xúc với đầu nhuỵ.

- Hoa có hạt phấn rơi vào đầu nhuỵ của chính hoa đó gọi là hoa tự thụ phấn.

- Những hoa có hạt phấn chuyển đến đầu nhuỵ của hoa khác gọi là hoa giao phấn.

***Hoạt động 2 (15 phút): Đặc điểm của hoa thụ phấn nhờ sâu bọ***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS bỏ mẫu đã mang đi lên bàn quan sát.  - GV treo tranh, giới thiệu thêm về hoa thụ phấn nhờ sâu bọ.  - Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi mục ▽ SGK.  *+ Hoa có những đặc điểm nào để thu hút sâu bọ?*  - GV nhận xét.  - GV nhấn mạnh các điểm chính của hoa thụ phấn nhờ sâu bọ.  - Như vậy một số loại sâu bọ, côn trùng đã giúp hoa thụ phấn, duy trì nòi giống:  *+ Vậy chúng ta cần phải làm gì đối với các loại côn trùng có ích?* | - HS quan sát mẫu vật, tranh (chú ý các đặc điểm nhị, nhuỵ, màu hoa). suy nghĩ trả lời 4 câu hỏi SGK.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.   * HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.   + Cần bảo vệ các loại côn trùng và một số động vật khác. |

***Kết luận:***

- Hoa thụ phấn nhờ sâu bọ có đặc điểm:

+ Có màu sắc sặc sỡ, có mùi thơm. + Đĩa mật nằm ở đáy hoa.

+ Hạt phấn và đầu nhuỵ có chất dính.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

- GV củng cố nội dung bài.

- GV yêu cầu HS nhắc lại đặc điểm của hoa tự thụ phấn, hoa giao phấn, hoa thụ phấn nhờ sâu bọ. GV đánh giá giờ học.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Chuẩn bị: cây ngô có hoa, hoa bí ngô, bông, que...

- Đọc trước bài: thụ phấn (tiếp).

**Tuần 20** Ngày soạn: 27/12/2017

**Tiết 37** Ngày dạy: 06/01/2017

**Bài 30: THỤ PHẤN *(tiếp)***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh giải thích được tác dụng của những đặc điểm có ở hoa thụ phấn nhờ gió, so sánh với thụ phấn nhờ sâu bọ.

- Hiểu hiện tượng giao phấn.

- Biết được vai trò của con người từ thụ phấn cho hoa góp phần nâng cao năng suất và phẩm chất cây trồng.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát, thực hành.

**3. Thái độ**

- Giáo dục ý thức bảo vệ thiên nhiên. Vận dụng kiến thức góp phần thụ phấn cho cây.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực hợp tác, thảo luận nhóm.

- Năng lực so sánh, phân tích.

- Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- Cây ngô có hoa, hoa bí ngô.

- Dụng cụ thụ phấn cho hoa.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (6 phút)**

- Thế nào là hiện tượng thụ phấn?

- Tự thụ phấn khác với giao phấn ở điểm nào?

**III. Dạy học bài mới (1 phút)**

- Ngoài thụ phấn nhờ sâu bọ, hoa còn được thụ phấn nhờ gió và nhờ con người.

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1 (20 phút): Tìm hiểu đặc điểm của hoa thụ phấn nhờ gió***

***Mục tiêu:*** HS giải thích được tác dụng của những đặc điểm thường có ở hoa thụ phấn nhờ gió.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV hướng dẫn HS quan sát mẫu vật và hình 30.3, 30.4, trả lời câu hỏi:  *+ Nhận xét về vị trí của hoa ngô đực và cái?*  *+ Vị trí đó có tác dụng gì trong cách thụ phấn nhờ gió?*  - Yêu cầu HS đọc thông tin mục 3 và hoàn thành phiếu học tập.  - GV chữa phiếu học tập, có thể đánh giá điểm một số nhóm làm tốt.  - Yêu cầu các nhóm: *So sánh hoa thụ phấn nhờ sâu gió và hoa thụ phấn nhờ sâu bọ?*  - GV chuẩn kiến thức như SGV. | - HS quan sát mẫu vật và hình SGK để tìm câu trả lời.  - Yêu cầu: hoa đực ở trên để tung hạt phấn.  - Các nhóm thảo luận, trao đổi nhóm hoàn thành phiếu học tập.  - 1, 2 nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |  |

* Yêu cầu:

|  |
| --- |
|  |

***Kết luận:***

Đặc điểm hoa thụ phấn nhờ gió:

+ Hoa tập trung ở đầu ngọn cây.

+ Bao hoa thường tiêu giảm.

+ Chỉ nhị dài, bao phấn treo lủng lẳng.

+ Hạt phấn nhiều, nhỏ, nhẹ.

+ Đầu nhị dài, có nhiều lông.

***Hoạt động 2 (12 phút): Ứng dụng kiến thức về thụ phấn***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS đọc thông tin mục 4 để trả lời câu hỏi cuối mục.  - *Hãy kể những ứng dụng về sự thụ phấn của con người?* GV có thể gợi ý bằng câu hỏi nhỏ.  *+ Khi nào hoa cần thụ phấn bổ sung?*  *+ Con người đã làm gì để tạo điều kiện cho hoa thụ phấn?*  - GV chốt lại các ứng dụng về sự thụ phấn.  - Con người chủ động thụ phấn cho hoa nhằm:  + Tăng sản lượng quả và hạt.  + Tạo ra các giống lai mới.  - GV đặt câu hỏi củng cố:  *+ Trong trường hợp nào thụ phấn nhờ người là cần thiết?* | - HS tự thu thập thông tin bằng cách đọc mục 4, tự tìm câu trả lời.  - Yêu cầu nêu được:  + Khi thụ phấn tự nhiên gặp khó khăn.  + Con người nuôi ong, trực tiếp thụ phấn cho hoa.  - HS tự rút ra những ứng dụng về sự thụ phấn của con người. |

***Kết luận:***

- Con người có thể chủ động giúp hoa giao phấn, làm tăng sản lượng của quả và hạt, tạo được những giống lai tốt có năng suất cao, chất lượng tốt.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

- Hoa thụ phấn nhờ gió có đặc điểm gì? Những đặc điểm đó có lợi gì cho thụ phấn?

- Trong những TH nào thì thụ phấn nhờ con người là cần thiết? Cho VD?

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Chuẩn bị trước bài 31

**Tuần 20** Ngày soạn: 29/12/2017

**Tiết 38** Ngày dạy: 08/01/2017

**Bài 31: THỤ TINH, KẾT HẠT VÀ TẠO QUẢ**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh hiểu được thụ tinh là gì? Phân biệt được thụ phấn và thụ tinh, thấy được mối quan hệ giữa thụ phấn và thụ tinh.

- Nhận biết dấu hiệu cơ bản của sinh sản hữu tính.

- Xác định sự biến đổi các bộ phận của hoa thành quả và hạt sau khi thụ tinh.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

- Kĩ năng quan sát, nhận biết.

**3 Thái độ**

- Vận dụng kiến thức để giải thích hiện tượng trong đời sống.

- Giáo dục ý thức trồng và bảo vệ cây.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực hợp tác, thảo luận nhóm.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- Tranh phóng to hình 31.1 SGK.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (6 phút)**

- Đặc điểm của hoa thụ phấn nhờ gió?

- Những đặc điểm đó có lợi gì cho thụ phấn?

**III. Dạy học bài mới (1 phút)**

- Tiếp theo thụ phấn là hiện tượng thụ tinh để dẫn đến kết hạt và tạo quả.Vậy thụ tinh là gì? Quá trình tạo hạt và quả diễn ra như thế nào? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu nội dung bài hôm nay, bài 31:....

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1 (18 phút): Tìm hiểu sự thụ tinh***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **a.** Hiện tượng nảy mầm của hạt  - GV hướng dẫn HS:  + Quan sát hình 31.1, tìm hiểu chú thích  + Đọc thông tin mục 1.  => Trả lời câu hỏi:  *+ Mô tả hiện tượng nảy mầm của hạt phấn?*  Giáo viên giảng giải:  + Hạt phấn hút chất nhầy trương lên ⭢ nảy mầm thành ống phấn.  + Tế bào sinh dục đực chuyển đến đầu ống phấn.  + ống phấn xuyên qua đầu nhuỵ và vòi nhuỵ vào trong bầu.  **b**. Thụ tinh  - Yêu cầu HS tiếp tục quan sát hình 31.1 và đọc thông tin mục 2 SGK, nêu hệ thống câu hỏi hướng dẫn học sinh khai thác thông tin.  *+ Sự thụ tinh xảy ra tại phần nào của hoa?*  *+ Sự thụ tinh là gì?*  *+ Tại sao nói sự thụ tinh là dấu hiệu cơ bản của sinh sản hữu tính?*  - Tổ chức thảo luận trao đổi đáp án.  - GV giúp HS hoàn thiện kiến thức và nhấn mạnh sự sinh sản có sự tham gia của tế bào sinh dục đực và cái trong thụ tinh ⭢ sinh sản hữu tính. | - HS tự quan sát hình 31.2, đọc chú thích và thông tin.  + Suy nghĩ tìm đáp án câu hỏi.  + Phát biểu đáp án bằng cách chỉ trên tranh sự nảy mầm của hạt phấn và đường đi của ống phấn.  - HS nghe và ghi nhớ kiến thức.  - HS tự đọc thông tin, quan sát hình 31.2  + Suy nghĩ tìm đáp án các câu hỏi.  - Yêu cầu đạt được:  + Sự thụ tinh xảy ra ở noãn.  + Thụ tinh là sự kết hợp giữa tế bào sinh dục đực và tế bào sinh dục cái ⭢ hợp tử.  + Dấu hiệu của sinh sản hữu tính là sự kết hợp tế bào sinh dục đực và cái.  - Phát biểu đáp án tìm được (khuyến khích HS góp ý bổ sung).  - HS tự bổ sung để hoàn thiện kiến thức về thụ tinh. |

* Yêu cầu:

|  |
| --- |
|  |

***Kết luận:***

- Thụ tinh là quá trình kết hợp tế bào sinh dục đực và tế bào sinh dục cái tạo thành hợp tử.

***Hoạt động 2 (14 phút): Tìm hiểu sự kết hạt và tạo quả***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS tự đọc thông tin mục 3 để trả lời câu hỏi cuối mục.  - GV giúp HS hoàn thiện đáp án. | - HS tự đọc thông tin SGK, suy nghĩ trả lời 3 câu hỏi SGK.  + Cho 1 vài HS trả lời ⭢ bổ sung cho nhau. |

***Kết luận:***

- Sau thụ tinh:

+ Hợp tử ⭢ phôi

+ Noãn ⭢ hạt chứa phôi

+ Bầu ⭢ quả chứa hạt

+ Các bộ phận khác của hoa héo và rụng (1 số ít loài cây ở quả còn dấu tích của 1 số bộ phận của hoa).

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

- Hãy kể những hiện tượng xảy ra trong sự thụ tinh? Hiện tượng nào là quan trọng nhất?

- Phân biệt hiện tượng thụ phấn và hiện tượng thụ tinh?

- Quả do bộ phận nào của hoa tạo thành?

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”

- Chuẩn bị một số quả theo nhóm: đu đủ, đậu Hà Lan, cà chua, chanh, táo, me, phượng, bằng lăng, lạc…

**Tuần 21** Ngày soạn: 03/01/2017

**Tiết 39**  Ngày dạy: 13/01/2017

CHƯƠNG VII – QUẢ VÀ HẠT

**Bài 32: CÁC LOẠI QUẢ**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh biết cách phân chia quả thành các nhóm khác nhau.

- Dựa vào đặc điểm của vỏ quả để chia quả thành 2 nhóm chính là quả khô và quả thịt.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, thực hành.

- Vận dụng kiến thức để biết bảo quản, chế biến quả và hạt sau thu hoạch.

**3. Kĩ năng**

- Các loại quả là nguồn cung cấp chất dinh dưỡng cho người và các sinh vật khác từ lợi ích đó mà giáo dục cho HS ý thức bảo vệ.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực hợp tác, thảo luận nhóm.

- Năng lực so sánh, phân tích.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Sưu tầm trước một số quả khô và quả thịt khó tìm.

- HS: Chuẩn bị quả theo nhóm (đã dặn).

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (5 phút)**

- Hoa thụ phấn nhờ gió có những đặc điểm gì? Những đặc điểm đó có lợi gì cho việc thụ phấn?

- Trong những trường hợp nào thì thụ phấn nhờ con người là cần thiết? Cho VD?

**III. Dạy học bài mới (1 phút)**

-GV cho HS kể quả mang theo và một số quả em biết?

- Chúng giống nhau và khác nhau ở những điểm nào?

=> Biết phân loại quả sẽ có tác dụng thiết thực trong đời sống.

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1 (15 phút): Căn cứ vào đặc điểm nào để phân chia các loại quả?***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV giao nhiệm vụ cho các nhóm: Đặt quả lên bàn, quan sát kĩ và xếp thành nhóm.  *+ Dựa vào những đặc điểm nào để chia nhóm?*  - Hướng dẫn HS phân tích các bước của việc phân chia các nhóm quả:  - Yêu cầu một số nhóm trưởng báo cáo kết quả.  - GV nhận xét sự phân chia của HS, nêu vấn đề: Bây giờ chúng ta học cách chia quả theo tiêu chuẩn được các nhà khoa học định ra.  - Yêu cầu HS quan sát hình 32.1 và trả lời câu hỏi:  *+ Có thể chia các quả thành mấy nhóm? Dựa vào đặc điểm nào để phân chia?* | - HS quan sát vật mẫu, lựa chọn đặc điểm để chia quả thành các nhóm.  - Tiến hành phân chia quả theo đặc điểm nhóm đã chọn.  - HS viết kết quả phân chia và đặc điểm dùng để phân chia.  VD: Hình dạng, số hạt, đặc điểm của hạt…  - Báo cáo kết quả của các nhóm.  - HS quan sát và trả lời:  + Chia quả thành 2 nhóm:  Quả khô: khi chín vỏ quả khô, cứng và mỏng.  Quả thịt: khi chín vỏ dày chứa đầy thịt quả. |

* Yêu cầu:

|  |
| --- |
|  |

***Kết luận:***

- Dựa vào đặc điểm của vỏ quả để chia các quả thành 2 nhóm chính: quả khô và quả thịt.

***Hoạt động 2 (18 phút): Các loại quả chính***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **a.** *Phân biệt quả thịt và quả khô*  - Hướng dẫn HS đọc nội dung thông tin SGK để biết tiêu chuẩn của 2 nhóm quả chính: quả khô và quả thịt.  - Yêu cầu HS xếp các quả thành 2 nhóm theo tiêu chuẩn đã biết.  - Gọi các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Giúp HS điều chỉnh và hoàn thiện việc xếp loại.  **b.** *Phân biệt các loại quả khô*  - Yêu cầu HS quan sát vỏ quả khô khi chín ⭢ nhận xét chia quả khô thành 2 nhóm.  *+ Ghi lại đặc điểm của từng nhóm quả khô?*  *+ Gọi tên 2 nhóm quả khô đó?*  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV giúp HS khắc sâu kiến thức.  **c.** *Phân biệt các loại quả thịt*  - Yêu cầu HS đọc thông tin SGK và tìm hiểu *đặc điểm phân biệt 2 nhóm quả thịt?*  - GV đi các nhóm theo dõi, hỗ trợ.  - GV cho HS thảo luận ⭢ tự rút ra kết luận.  - GV nên giải thích thêm về quả hạch và yêu cầu HS tìm thêm 1 số VD về quả hạch.  - GV yêu cầu HS áp dụng kiến thức đã học, liên hệ thực tế, trả lời câu hỏi:  *+ Các loại quả có ý nghĩa gì đối với con người và các sinh vật khác?*  *+ Với những ý nghĩa như vậy, chúng ta cần làm gì?* | - HS đọc thông tin SGK để biết tiêu chuẩn của 2 nhóm quả chính.  - Thực hiện xếp các quả vào 2 nhóm theo các tiêu chuẩn: vỏ quả khi chín.  - Báo cáo trên quả đã xếp vào 2 nhóm.  - Điều chỉnh việc xếp loại nếu còn ví dụ sai.  - HS tiến hành quan sát và phân chia các quả khô thành nhóm.  + Ghi lại đặc điểm từng nhóm ⭢ vỏ nẻ và vỏ không nẻ.  + Đặt tên cho mỗi nhóm quả khô: khô nẻ và khô không nẻ.  - Các nhóm báo cáo kết quả.  - Điều chỉnh việc xếp lại nếu có sai sót, tìm thêm VD.  - HS đọc thông tin SGK, quan sát hình 3.21 (quả đu đủ, quả mơ).  - Dùng dao cắt ngang quả cà chua, táo.  => Tìm đặc điểm quả mọng và quả hạch.  - Báo cáo kết quả.  - Tự điều chỉnh: tìm thêm VD.  - HS áp dụng kiến thức đã học, liên hệ thực tế, trả lời câu hỏi:  + Làm thức ăn cho người và các sinh vật khác.  + Cần bảo vệ cây xanh, bảo vệ quả, không hái quả một cách bừa bãi. |

***Kết luận:***

- Quả khô chia thành 2 nhóm:

+ Quả khô nẻ: khi chín khô vỏ quả có khả năng tách ra.

+ Quả khô không nẻ: khi chín khô vỏ quả không tự tách ra.

- Quả thịt gồm 2 nhóm:

+ Quả mọng: phần thịt quả dày, mọng nước.

+ Quả hạch: có hạch cứng, chứa hạt ở bên trong.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

- Yêu cầu HS viết sơ đồ phân loại quả.

**Quả khô**  **Quả thịt**

Khi chín vỏ quả cứng, mỏng, khô Khi chín vỏ mềm, nhiều thịt quả

Quả khô nẻ Quả khô không nẻ Quả hạch Quả mọng

(Khi chín vỏ (Khi chín vở quả (Hạt có hạch (Quả mềm

quả tự nứt) không tự nứt) cứng bao bọc) chứa đầy thịt)

- Yêu cầu HS làm bài tập trăc nghiệm:

***Đánh dấu X vào đầu câu đúng:***

*Câu 1*: Trong các nhóm quả sau đây, nhóm nào gồm toàn quả khô:

a. Cà chua, ớt, thì là, chanh

b. Lạc, dừa, đu đủ, táo ta

c. Đậu Hà Lan, đậu xanh, cải, đậu ván

d. Bồ kết, đậu đen, chuối, nho.

*Câu 2*: Trong các nhóm quả sau đây, nhóm nào gồm toàn quả thịt:

a. Đỗ đen, hồng xiêm, chuối, bầu.

b. Mơ, đào, xoài, dưa hấu, đu đủ.

c. Chò, cam, vú sữa, bồ kết.

d. Cả a và b.

*Đáp án: 1c; 2b.*

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi 1, 2, 3, 4 SGK.

- Đọc mục “Em có biết”

- Hướng dẫn ngâm hạt đõ và hạt ngô chuẩn bị bài sau.

- Đọc trước bài : Hạt và các bộ phận của hạt.

**Tuần 21** Ngày soạn: 05/01/2017

**Tiết 40** Ngày dạy: 15/01/2017

**Bài 33: HẠT VÀ CÁC BỘ PHẬN CỦA HẠT**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Học sinh kể tên được các bộ phận của hạt.

- Phân biệt được hạt một lá mầm và hạt hai lá mầm.

- Biết cách nhận biết hạt trong thực tế.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh để rút ra kết luận.

**3. Thái độ**

- Vận dụng kiến thức để giải thích hiện tượng trong đời sống.

+ Biết cách lựa chọn và bảo quản hạt giống.

+ Một số loại hạt còn là thức ăn cho người và các sinh vật khác → giáo dục cho HS ý thức bảo vệ cây xanh, bảo vệ cơ quan sinh sản của cây.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực hợp tác, thảo luận nhóm.

- Năng lực so sánh, phân tích.

- Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- Mẫu vật: + Hạt đỗ đen ngâm trong nước 1 ngày.

+ Hạt ngô đặt trên bông ẩm trước 3-4 ngày.

- Tranh câm về các bộ phận của hạt đỗ đen và hạt ngô.

- Kim mũi mác, lúp cầm tay.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (5 phút)**

- Phân biệt quả khô và quả thịt?

- Phân biệt quả mọng và quả hạch?

**III. Dạy học bài mới (1 phút)**

Cây xanh có hoa đều do hạt phát triển thành. Vậy cấu tạo của hạt như thế nào? Các loại hạt có giống nhau không? Chúng ta cùng nhau tiòm hiểu nội dung bài hôm này, bài 34:...

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1 (17 phút): Tìm hiểu các bộ phận của hạt***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của GV | | Hoạt động của HS |
| - GV hướng dẫn HS bóc vỏ hai loại hạt: ngô và đỗ đen.  Dùng lúp quan sát đối chiếu với hình 33.1 và hình 33.2, tìm đủ các bộ phận của hạt.  - Sau khi quan sát các nhóm ghi kết quả vào bảng SGK (trang 108)  ( GV lưu ý hướng dẫn các nhóm chưa bóc tách được) ⭢ cho HS điền vào tranh câm.  *+ Hạt gồm những bộ phận nào?*  - GV nhận xét và chốt lại kiến thức về các bộ phận của hạt. | - Mỗi HS tự bóc tách 2 loại hạt.  - Tìm đủ các bộ phận của mỗi hạt như hình vẽ SGK (thân, rễ, lá, chồi mầm).  - HS làm vào bảng (trang 108).  - HS lên bảng điền trên tranh câm các bộ phận của mỗi hạt.  - HS phát biểu, nhóm khác nhận xét, bổ sung. | |

* Yêu cầu:

|  |
| --- |
|  |

***Kết luận:***

- Hạt gồm:

+ Vỏ

Lá mầm

+ Phôi: Thân mầm

Chồi mầm

Rễ mầm

- Chất dinh dưỡng (lá mầm, phôi chũ).

***Hoạt động 2 (16 phút): Phân biệt hạt một lá mầm và hạt hai lá mầm***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Căn cứ vào bảng trang 108 đã làm ở mục 1, yêu cầu HS tìm những điểm giống và khác nhau của hạt ngô và hạt đỗ.  - Yêu cầu HS đọc thông tin mục 2 ⭢ tìm ra điểm khác nhau chủ yếu giữa hạt 1 lá mầm và hạt 2 lá mầm để trả lời câu hỏi:  *+ Hạt 2 lá mầm khác hạt 1 lá mầm ở điểm nào?*  - GV chốt lại đặc điểm cơ bản phân biệt hạt 1 lá mầm và hạt 2 lá mầm.  - GV yêu cầu HS áp dụng kiến thức đã học, liên hệ thực tế, trả lời câu hỏi:  *+ Các loại hạt có ý nghĩa gì đối với con người và các sinh vật khác?*  *+ Với những ý nghĩa như vậy, chúng ta cần làm gì?* | - Mỗi HS so sánh, phát hiện điểm giống và khác nhau giữa hai loại hạt ⭢ ghi vào vở bài tập.  - Đọc thông tin ⭢ tìm điểm khác nhau chủ yếu giữa hai loại đó là số lá mầm, vị trí chất dự trữ.  - HS báo cáo kết quả, lớp góp ý bổ sung.  - HS tự rút ra kiến thức.  + Là thức ăn cho người và các sinh vật khác.  + Cần phải bảo vệ cây xanh, bảo vệ cơ quan sinh sản của cây. |

***Kết luận:***

- Sự khác nhau chủ yếu của hạt một lá mầm và hạt hai lá mầm là số lá mầm trong phôi.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

- GV củng cố nội dung bài.

- Yêu cầu HS nhắc lại: đặc điểm các bộ phận của hạt, hạt 2 lá mầm và 1 lá mầm.

- Đánh giá giờ.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Làm bài tập trang 109.

- Chuẩn bị cho bài sau:

+ Các loại quả: quả chò, quả ké, quả trinh nữ…

+ Hạt: hạt xà cừ.

**Tuần 22** Ngày soạn: 04/01/2017

**Tiết 41** Ngày dạy: 17/01/2017

**Bài 34: PHÁT TÁN CỦA QUẢ VÀ HẠT**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1 . Kiến thức**

- Học sinh phân biệt được các cách phát tán của quả và hạt.

- Tìm ra những đặc điểm của quả và hạt phù hợp với cách phát tán.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát nhận biết.

- Kĩ năng làm việc độc lập và theo nhóm.

**3. Thái độ**

- Giáo dục ý thức bảo vệ, chăm sóc các loài thực vật và động vật vì chúng góp phần giúp cây phát tán.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực so sánh, phân tích.

- Năng lực hợp tác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY VÀ HỌC**

- GV: Tranh phóng to hình 34.1.

Mẫu: quả chò, ké, trinh nữ, bằng lăng, xà cừ, hoa sữa.

- HS: Kẻ phiếu học tập vào vở bài tập

Chuẩn bị mẫu như đã dặn dò

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài tập 1 | Cách phát tán |  |  |  |
| Bài tập 2 | Tên quả và hạt |  |  |  |
| Bài tập 3 | Đặc điểm thích nghi |  |  |  |

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. *(1 phút)***

**II. Kiểm tra (5 phút)**

- Các bộ phận của hạt?

- Điểm khác nhau giữa hạt của cây 2 lá mầm và hạt của cây một lá mầm?

**III. Bài mới**

**ĐVĐ (1 phút)**

- Cây thường sống cố định ở một chỗ, nhưng quả và hạt của chúng lại được phát tán đi xa hơn nơi sống. Vậy những yếu tố nào để quả và hạt phát tán được ? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu nội dung bài hôm nay, bài 34:...

***1: Tìm hiểu các cách phát tán của quả và hạt(15 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |

|  |  |
| --- | --- |
| - GV cho HS làm bài tập 1 ở phiếu học tập.  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm thảo luận câu hỏi: *Quả và hạt thường phát tán ra xa cây mẹ, yếu tố nào giúp quả và hạt phát tán được?*  - GV ghi ý kiến của nhóm lên bảng, nghe bổ sung và chốt lại có 3 cách phát tán: tự phát tán, nhờ gió, nhờ động vật.  *+ Động vật góp phần vào sự phát tán của quả và hạt, vậy chúng ta cần phải làm gì ?*  - GV yêu cầu HS làm bài tập 2 phiếu học tập.  - GV gọi 1-2 HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV hỏi: *Quả và hạt có những cách phát tán nào?* | - HS đọc nội dung bài tập 1 để cả nhóm cùng biết.  - HS trong nhóm bằng những hiểu biết của mình qua quan sát thực tế trao đổi tìm các yếu tố giúp quả và hạt phát tán xa cây mẹ.  - Đại diện 1-2 nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Bảo vệ các loài động vật  - HS từng nhóm tự ghi tên quả hạt ⭢ trao đổi trong nhóm.  - 1-3 HS đọc bài tập 2. |

|  |
| --- |
|  |

***Kết luận:***

- Có 3 cách phát tán quả và hạt: tự phát tán, phát tán nhờ gió, phát tán nhờ động vật.

***2: Tìm hiểu đặc điểm thích nghi với cách phát tán của quả và hạt(17 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu hoạt động nhóm: Làm bài tập trong phiếu học tập.  - GV quan sát các nhóm ⭢ giúp đỡ tìm đặc điểm thích nghi như: cánh của quả, chùm lông, mùi vị của quả, đường nứt ở vỏ…  - GV gọi đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổi sung.  - Cuối cùng GV nên chốt lại những ý kiến đúng cho những đặc điểm thích nghi với mỗi cách phát tán ⭢ giúp HS hoàn thiện nốt.  - GV cho HS chữa bài tập 2: kiểm tra xem các quả và hạt đã phù hợp với cách phát tán chưa.  - GV cho HS tìm thêm một số VD về quả và hạt khác phù hợp với các cách phát tán.  *+ Hãy giải thích hiện tượng quả dưa hấu trên đảo của Mai An Tiêm?*  *+ Ngoài các cách phát tán trên còn cách phát tán nào?*  - Nếu HS không trả lời được, GV gợi ý: ở Việt Nam có giống hoa quả của các nước khác, vậy vì sao có được?  (GV thông báo: quả và hạt có thể phát tán nhờ nước hay nhờ người…)  *+ Tại sao nông dân thường thu hoạch đỗ khi quả mới già?*  *+ Sự phát tán có lợi gì cho thực vật và con người?* | - Hoạt động nhóm:  + Chia các quả hạt thành 3 nhóm theo cách phát tán.  + Mỗi cá nhân trong nhóm quan sát đặc điểm bên ngoài của quả hạt.  + Suy nghĩ trao đổi trong nhóm tìm đặc điểm phù hợp với cách phát tán.  - HS trao đổi trong nhóm tìm đặc điểm phù hợp với cách phát tán.  - Đại diện nhóm trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.  - Đại diện 1-2 nhóm đọc lại đáp án đúng, cả lớp ghi nhớ.  - HS dựa vào các đặc điểm thích nghi để kiểm tra lại quả và hạt, nếu chưa đúng thì chuyển sang nhóm khác.    - HS tự hoàn chỉnh bài tập của mình theo mẫu.  - HS suy nghĩ và trả lời dựa vào kiến thức đã học.  - 1 HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung. |

***Kết luận:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài tập 1 | Cách phát tán | Phát tán nhờ gió | Phát tán nhờ động vật | Tự phát tán |
| Bài tập 2 | Tên quả và hạt | Quả chò, quả trâm bầu, quả bồ công anh, hạt hoa sữa. | Quả sim, quả ổi, quả dưa hấu, quả ké, trinh nữ. | Quả các cây họ đậu, xà cừ, bằng lăng. |
| Bài tập 3 | Đặc điểm thích nghi | Quả có cánh hoặc túm lông nhẹ | Quả có hương vị thơm, vị ngọt, hạt vỏ cứng. Quả có nhiều gai góc bám. | Vỏ quả tự nứt để hạt tung ra ngoài. |

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

- GV củng cố nội dung bài.

- Yêu cầu HS làm bài tập trắc nghiệm:

***Đánh dấu X vào đầu câu trả lời đúng.***

*Sự phát tán là gì?*

a. Hiện tượng quả và hạt có thể bay đi xa nhờ gió.

b. Hiện tượng quả và hạt được mang đi xa nhờ động vật.

c. Hiện tượng quả và hạt được chuyển đi xa chỗ nó sống.

d. Hiện tượng quả và hạt có thể tự vung vãi mọi nơi.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Chuẩn bị cho bài sau:

Tổ 1: Hạt đỗ đen trên bông ẩm

Tổ 2: Hạt đỗ đen trên bông khô

Tổ 3: Hạt đỗ đen ngâm ngập trong nước

Tổ 4: Hạt đỗ đen trên bông ẩm đặt trong tủ lạnh.

- Chuẩn bị nội dung bài sau: Những điều kiện cần cho hạt nảy mầm.

**Tuần 22** Ngày soạn: 04/01/2017

**Tiết 42** Ngày dạy: 18/01/2017

**Bài 35: NHỮNG ĐIỀU KIỆN CẦN CHO HẠT NẢY MẦM**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Thông qua thí nghiệm HS phát hiện ra các điều kiện cần cho hạt nảy mầm.

- Giải thích được cơ sở khoa học của một số biện pháp kĩ thuật gieo trồng và bảo quản hạt giống.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng thiết kế thí nghiệm, thực hành.

- Kĩ năng quan sát.

- Kĩ năng thảo luận nhóm.

**3. Thái độ**

- Từ vai trò quan trọng của các điều kiện như: nước, không khí, nhiệt độ đối với sự nảy mầm của hạt mà giáo dục cho HS ý thức bảo vệ môi trường ổn định cần thiết cho sự nảy mầm của hạt.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực hợp tác, thảo luận nhóm.

- Năng lực so sánh, phân tích.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- HS làm thí nghiệm ở nhà theo phần đã dặn dò trước.

- Kẻ bản tường trình theo mẫu SGK trang 113 vào vở.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. *(1phút)***

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (5 phút)**

- Quả và hạt được phát tán nhờ động vật thường có những đặ điểm gì?

- Những quả và hạt được phát tán nhờ gió thường có những đặc điểm gì?

**III. Bài mới**

**ĐVĐ (1 phút)**

- Hạt giống sau khi thu hoạch được phơi khô và bảo quản cẩn thận, có thể giữ trong một thời gian dài mà không có gì thay đổi. Nừu đem gieo vào đất ẩm thoáng hoặc tưới ít nước thì hạt sẽ nảy mầm. Vởy hạt nảy mầm cần những điều kiện gì? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu nội dung bài hôm nay, bài 35:.....

***1.Thí nghiệm về những điều kiện cần cho hạt nảy mầm(20phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |

|  |  |
| --- | --- |
| *Thí nghiệm 1: Làm ở nhà*  - GV yêu cầu HS ghi kết quả thí nghiệm 1 vào bản tường trình.  - Gọi các tổ báo cáo kết quả ⭢ GV ghi lên bảng.  - GV yêu cầu HS:  *+ Tìm hiểu nguyên nhân hạt nảy mầm và không nảy mầm được?*  *+ Hạt nảy mầm cần những điều kiện gì?*  - Tổ chức thảo luận trên lớp, khuyến khích HS nhận xét, bổ sung.  Thí nghiệm 2:  - GV yêu cầu HS nghiên cứu thí nghiệm 2 SGK và trả lời câu hỏi mục ▽.  *+ Như vậy hạt nảy mầm cần phải có những điều kiện nào ?*  *+ Trong sản suất để hạt có tỷ lệ nảy mầm cao, chúng ta cần làm gì ?*  - Yêu cầu HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi: *Ngoài 3 điều kiện trên sự nảy mầm của hạt còn phụ thuộc vào yếu tố nào?*  - GV chốt lại kiến thức để HS ghi nhớ. | - HS làm thí nghiệm 1 ở nhà, điền kết quả vào bản tường trình.  - Chú ý phân biệt hạt nảy mầm với hạt chỉ nứt vỏ khi no nước.  - HS thảo luận trong nhóm để tìm câu trả lời. Yêu cầu nêu được:  + Hạt không nảy mầm vì thiếu nước, thiếu không khí.  - Đại diện một số nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS đọc nội dung thí nghiệm, yêu cầu nêu được điều kiện: nhiệt độ.  - HS đọc thông tin SGK và trả lời câu hỏi. Yêu cầu nêu được:  + Cần có đủ nước, không khí, nhiệt độ thích hợp.  + Cần phải tạo môi trường ổn định cho sự nảy mầm của hạt: như tưới nước để hạt đủ ẩm, xới xáo làm cho đất thông thoáng trước khi gieo hạt, che chắn cho hạt mới gieo khi thời tiết quá nóng hoặc quá lạnh.  + Chất lượng hạt giống (điều kiện bên trong). |

***Kết luận:***

- Hạt nảy mầm cần đầy đủ nước, không khí và nhiệt độ thích hợp, ngoài ra cần hạt chắc, không sâu, còn phôi.

***2: Vận dụng kiến thức vào sản xuất(12 phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tin SGK, tìm cơ sở khoa học của mỗi biện pháp.  - GV cho các nhóm trao đổi, thống nhất cơ sở khoa học của mỗi biện pháp. | - HS đọc nội dung mục □, thảo luận nhóm từng nội dung (chú ý vận dụng các điều kiện nảy mầm của hạt).  - Thông qua thảo luận, rút ra được cơ sở khoa học của từng biện pháp.  + Gieo hạt bị mưa to ngập úng cần phải tháo nước để thoáng khí. |

***Kết luận:***

- Phải bảo quản tốt hạt giống vì hạt đủ phôi mới nảy mầm được.

- Làm đất tơi xốp ⭢ đủ không khí hạt nảy mầm tốt.

- Phủ rơm khi trời rét ⭢ giữ nhiệt độ thích hợp.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

- GV củng cố nội dung bài.

- Yêu cầu HS nhắc lại các điều kiện nảy mầm của hạt.

- Điều kiện để vận dụng vào trong sản xuất.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”

- Đọc trước bài: Tổng kết về cây có hoa.

**Tuần 24** Ngày soạn: 30/01/2017

**Tiết 43** Ngày dạy: 07/02/2017

**Bài 36: TỔNG KẾT VỀ CÂY CÓ HOA**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

Khi học xong bài này:

- HS hệ thống hoá các kiến thức về cấu tạo và chức năng chính của các cơ quan của cây xanh có hoa.

- Tìm được mối quan hệ chặt chẽ giữa các cơ quan và các bộ phận của cây tạo thành cơ thể toàn vẹn.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng nhận biết, phân tích, hệ thống hoá.

- Kĩ năng vận dụng kiến thức giải thích hiện tượng thực tế trong trồng trọt.

**3. Thái độ**

- Giáo dục ý thức yêu và bảo vệ thực vật.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực so sánh, phân tích.

- Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Tranh phóng to hình 36.1.

+ 6 mảnh bìa, mỗi mảnh viết tên 1 cơ quan của cây xanh.

+ 12 mảnh bìa nhỏ, mỗi mảnh ghi 1 số hoặc chữ: a, b, c, d, e, g, 1, 2,3, 4, 5,6

- HS: Vẽ hình 36.1 vào vở.

+ Ôn lại kiến thức về cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản của cây.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. ( 1 ph)**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh( 3 ph)**

- Những điều kiện cần thiết cho hạt nảy mầm?

**III. Bài mới**

***Hoạt động 1: Sự thống nhất giữa cấu tạo và chức năng***

***của mỗi cơ quan ở cây có hoa*( 18 ph)**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS nghiên cứu bảng cấu tạo và chức năng trang 116, làm bài tập SGK trang 116.  - GV treo tranh câm hình 36.1, gọi HS lần lượt lên điền:  + Tên các cơ quan của cây có hoa.  + Đặc điềm cấu tạo chính (điền chữ)  + Các chức năng chính (điền số).  - Từ tranh hoàn chỉnh GV đưa câu hỏi:  *+ Các cơ quan sinh dưỡng có cấu tạo như thế nào và có chức năng gì?*  *+ Các cơ quan sinh sản có cấu tạo và chức năng như thế nào?*  *+ Nhận xét về mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng của mỗi cơ quan?*  - GV cho HS các nhóm trao đổi rút ra kết luận. | - HS đọc bảng cấu tạo và chức năng của mỗi cơ quan ⭢lựa chọn mục tương ứng giữa cấu tạo và chức năng ghi vào sơ đồ cây có hoa ở vở bài tập (điền số 1, 2, 3 … và chữ a, b, c…)  - HS điền tranh câm (chú ý đối tượng HS trung bình) ⭢ bổ sung hoàn chỉnh tranh câm.  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  + Thảo luận trong nhóm để cùng tìm ra mối quan hệ giữa cấu tạov à chức năng của mỗi cơ quan.  + Trao đổi toàn lớp: tự bổ sung và rút ra kết luận. |

***Kết luận:***

- Cây có hoa có nhiều cơ quan, mỗi cơ quan đều có cấu tạo phù hợp với chức năng riêng của chúng.

***Hoạt động 2: Tìm hiểu sự thống nhất về chức năng***

***giữa các cơ quan ở cây có hoa*( 18 ph)**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS đọc thông tin mục 2, suy nghĩ để trả lời câu hỏi:  *+ Những cơ quan nào của cây có mối quan hệ chặt chẽ với nhau về chức năng ?* (thông tin thứ nhất)  + Lấy VD chứng minh khi hoạt động của một cơ quan được tăng cường hay giảm đi sẽ ảnh hưởng tới hoạt động của cơ quan khác: GV gợi ý rễ cây không hút nước thì lá sẽ không quang hợp được. | - HS đọc thông tin trang 117, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi bằng cách lấy VD cụ thể như quan hệ giữa rễ, thân , lá.  - Một số nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |

***Kết luận:***

- Các cơ quan của cây xanh liên quan mật thiết và ảnh hưởng tới nhau. Tác động vào một cơ quan sẽ ảnh hưởng đến cơ quan khác và toàn bộ cây.

**IV. Kiểm tra, đánh giá( 3 ph)**

- GV củng cố nội dung bài.

- Yêu cầu HS giải ô chữ ở trò chơi trang 118.

- GV đánh giá giờ.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà( 2 ph)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Tìm hiểu đời sống cây ở nước, sa mạc, ở nơi lạnh.

**Tuần 24** Ngày soạn: 30/01/2017

**Tiết 44** Ngày dạy: 08/02/2017

**Bài 36: TỔNG KẾT VỀ CÂY CÓ HOA *(TIẾP)***

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kến thức**

- HS nắm được giữa cây xanh và môi trường có mối liên quan chặt chẽ. Khi điều kiện sống thay đổi thì cây xanh biến đổi thích nghi với đời sống.

- Thực vật thích nghi với điều kiện sống nên nó phân bố rộng rãi.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát, so sánh.

**3. Thái độ**

- Giáo dục ý thức bảo vệ thiên nhiên.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực hợp tác, thảo luận nhóm.

- Năng lực so sánh, phân tích.

- Năng lực thuyết trình

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Tranh phóng to hình 36.2. Mẫu cây bèo tây.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. (1 ph)**

**II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (5phút)**

- Cây có hoa có những loại cơ quan nào? chức năng của chúng?

- Mối quan hệ giữa các cơ quan của cây xanh có hoa?

**III. Dạy học bài mới**

**C. Các họat động**

***Hoạt động 1 (15 phút): Tìm hiểu các cây sống dưới nước***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV thông báo những cây sống ở nước chịu một số ảnh hưởng của môi trường như SGK.  - Yêu cầu HS quan sát hình 36.2 (chú ý đến vị trí của lá) và trả lời các câu hỏi mục 1.  *+ Nhận xét hình dạng lá ở các vị trí trên mặt nước, chìm trong nước?*  *+ Cây bèo tây có cuống lá phình to, xốp có ý nghĩa gì? So sánh cuống lá khi cây sống trôi nổi và khi sống trên cạn?* | - HS hoạt động theo nhóm, từng nhóm thảo luận câu hỏi.  + Giải thích sự biến đổi hình dạng lá khi ở các vị trí trên mặt nước, chìm trong nước.  + Các nhóm khác bổ sung.  - Lá biến đổi để thích nghi với môi trường sống trôi nổi. Rút ra ý nghĩa.  - Chứa không khí giúp cây nổi. |

***Kết luận:***

- Các cây sống trong môi trường nước thì hình thành các đặc điểm để thích nghi với điều kiện sống trôi nổi.

***Hoạt động 2 (10 phút): Tìm hiểu đặc điểm của cây sống trên cạn***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS nghiên cứu SGK và trả lời câu hỏi. Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:  *+ Ở nơi khô hạn vì sao rễ lại ăn sâu, lan rộng?*  *+ Lá cây ở nơi khô hạn có lông, sáp có tác dụng gì?*  *+ Vì sao cây mọc trong rừng rậm thường vươn cao?* | - HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi ở mục ▽ SGK trang 120.  - HS suy nghĩ tìm câu trả lời, các em khác bổ sung và giải thích.  Yêu cầu:  + Rễ ăn sâu: tìm nguồn nước, lan rộng: hút sương đêm.  + Lông sáp: giảm sự thoát hơi nước.  + Rừng rậm: ít ánh sáng ⭢ cây vươn cao để nhận được ánh sáng.  Đồi trống: đủ ánh sáng ⭢ phân cành nhiều. |

***Kết luận:***

- Các cây sống trên cạn có những đặc điểm thích nghi với các yếu tố: nguồn nước, sự thay đổi khí hậu, loại đất khác nhau.

***Hoạt động 3: Cây sống trong những môi trường đặc biệt (10phút)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS đọc thông tin SGK và trả lời :  *+ Thế nào là môi trường sống đặc biệt?*  *+ Kể tên những cây sống ở những môi trường này?*  *+ Phân tích đặc điểm phù hợp với môi trường sống ở những cây này?*  - Yêu cầu HS rút ra nhận xét chung về *sự thống nhất giữa cơ thể và môi trường?* | - HS đọc thông tin SGK và quan sát hình 36.4, thảo luận trong nhóm giải thích các hiện tượng trên.  - Gọi 1-2 nhóm trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS nhắc lại nhận xét ở 3 hoạt động. |

***Kết luận:***

- Nhờ có khả năng thích nghi mà cây có thể phân bố rộng rãi khắp nơi trên trái đất: trong nước, trên cạn, vùng nóng, vùng lạnh…

**IV. Kiểm tra, đánh giá (3 phút)**

- GV củng cố nội dung bài.

- Yêu cầu HS nhắc lại đặc điểm của cây phù hợp với môi trường sống.

- GV đánh giá giờ.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”.

- Đọc trước bài: Tảo.

**Tuần 25** Ngày soạn:01/01/2017

**Tiết 45** Ngày dạy: 14/02/2017

CHƯƠNG VIII: CÁC NHÓM THỰC VẬT

**Bài 37: TẢO**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- HS nêu rõ được môi trường sống và cấu tạo của tảo thể hiện tảo là thực vật bậc thấp.

- Tập nhận biết một số tảo thường gặp.

- Hiểu rõ những lợi ích thực tế của tảo.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát, nhận biết.

**3. Thái độ**

- Từ những lợi ích của và sự đa dạng phong phú của tảo mà giáo dục cho HS ý thức bảo vệ sự đa dạng của thực vật nói chung và các loại tảo nói riêng.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực hợp tác, thảo luận nhóm.

- Năng lực so sánh, phân tích.

- Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- Mẫu tảo xoắn để trong cốc thuỷ tinh.

- Tranh tảo xoắn, rong mơ.

- Tranh một số tảo khác.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. ( 1 phút)**

**II. Kiểm tra ( 4 phút)**

- Trình bày những đặc điểm thích nghi của thực vật phù hợp với những môi trường sống khác nhau?

**III. Bài mới**

**ĐVĐ (1 phút)**

- Trên mặt ao hồ thường có những váng màu lục hay vàng. Váng đố do những cơ thể rất nhỏ bé là *tảo* tạo nên. Vậy tảo có cấu tạo như thế nào? Có vai trò gì trong tự nhiên? Chúng ta cùng nhau nghiên cứu bài hôm nay, bài 37:...

***Hoạt động 1 (15 phút): Tìm hiểu cấu tạo của tảo***

1. ***Quan sát tảo xoắn (tảo nước ngọt)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV giới thiệu mẫu tảo xoắn và nơi sống.  - Hướng dẫn HS quan sát một sợi tảo phóng to trên tranh ⭢ trả lời câu hỏi:  *+ Mỗi sợi tảo xoắn có cấu tạo như thế nào?*  *+ Vì sao tảo xoắn có màu lục?*  - GV giảng giải về:  + Tên gọi của tảo xoắn do chất nguyên sinh có dải xoắn chứa diệp lục.  + Cách sinh sản của tảo xoắn: Sinh sản sinh dưỡng và tiếp hợp.  - GV chốt lại vấn đề bằng câu hỏi:  Nêu đặc điểm cấu tạo của tảo xoắn? | - Các nhóm HS quan sát mẫu tảo xoắn bằng mắt và bằng tay, nhận dạng tảo xoắn ngoài tự nhiên.  - HS quan sát kĩ tranh ⭢ cho một vài em nhận xét cấu tạo tảo xoắn về:  + Tổ chức cơ thể.  + Cấu tạo tế bào.  + Màu sắc của tảo.  - Một vài HS phát biểu, rút ra kết luận. |

***Kết luận:***

- Cơ thể tảo xoắn là một sợi màu lục, gồm nhiều tế bào hình chữ nhật, sinh sản sinh dưỡng và tiếp hợp.

***b. Quan sát rong mơ (tảo nước mặn)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV giới thiệu môi trường sống của rong mơ.  - Hướng dẫn HS quan sát tranh rong mơ và trả lời câu hỏi:  *+ Rong mơ có cấu tạo như thế nào?*  *+ So sánh hình dạng ngoài rong mơ với cây bàng, tìm các đặc điểm giống và khác nhau?*  *+ Vì sao rong mơ có màu nâu?*  - GV giới thiệu cách sinh sản của rong mơ.  => Rút ra nhận xét: *Thực vật bậc thấp có đặc điểm gì?*  - Tổ chức thảo luận chung cả lớp, giúp HS hoàn thiện câu trả lời. | - HS quan sát tranh ⭢ tìm các đặc điểm giống và khác nhau giữa rong mơ và cây bàng).  Gợi ý:  Giống: Hình dạng giống 1 cây  Khác: Chưa có rễ, thân, lá thật sự.  - HS căn cứ vào cấu tạo rong mơ và tảo xoắn ⭢ trao đổi nhóm rút ra kết luận.  - Thảo luận toàn lớp, tìm ra đặc điểm chung.  ***Tiểu kết: Rong mơ có màu nâu, chưa có rễ, thân, lá thật.*** |

***Kết luận:***

- Tảo là thực vật bậc thấp có cấu tạo đơn giản, có diệp lục, chưa có rễ, thân, lá.

***Hoạt động 2 (10 phút): Làm quen một vài tảo khác thường gặp***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Sử dụng tranh ⭢ giới thiệu một số tảo khác.  - Yêu cầu HS đọc thông tin SGK trang 124 và rút ra nhận xét hình dạng của tảo? *Qua hoạt động 1 và 2 có nhận xét gì về tảo nói chung ?* | - HS quan sát: tảo đơn bào, tảo đa bào.  - HS nhận xét sự đa dạng của tảo về: hình dạng, cấu tạo, màu sắc.  ⭢ Nêu được: Tảo rất đa dạng và phong phú, là thực vật bậc thấp, có một hay nhiều tế bào. |

***Kết luận:***

- Tảo là thực vật bậc thấp, cơ thể có một hay nhiều tế bào, cấu tạo đơn giản, có màu sắc khác nhau. Hầu hết sống trong nước.

***Hoạt động 3 (8 phút): Tìm hiểu vai trò của tảo***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| *+ Tảo sống ở nước có lợi gì?*  *+ Với đời sống con người tảo có lợi gì?*  *+ Với những lợi ích như vậy, chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ các Tảo ?*  *+ Khi nào tảo có thể gây hại?* | - HS thảo luận nhóm, bổ sung ý kiến cho nhau.  - Nêu được vài trò của tảo trong tự nhiên và trong đời sống con người.  + Không làm ô nhiễm môi trường nước vì nước là môi trường sống của Tảo, với các loại Tảo có ích thì phải khai thác một cách hợp lí, tránh cạn kiệt, để đảm bảo sự đa dạng và phong phú cảu Tảo. |

***Kết luận:***

- Tảo có vai trò:

+ Cung cấp oxi.

+ Là thức ăn cho các động vật dưới nước.

+ Làm thức ăn cho người và gia súc.

+ Làm thuốc

+ Làm nguyên liệu dùng trong công nghiệp…

+ Một số trường hợp tảo gây hại.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

***Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu đúng:***

*Câu 1*: Cơ thể của tảo có cấu tạo:

a. Tất cả đều là đơn bào

b. Tất cả đều là đa bào

c. Có dạng đơn bào, có dạng đa bào.

*Câu 2*: Tảo là thực vật bậc thấp vì:

a. Cơ thể có cấu tạo đơn bào

b. Sống ở nước

c.Chưa có rễ, thân, lá.

*Đáp án: 1c; 2c.*

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài, đọc mục “Em có biết”, Chuẩn bị mẫu cây rêu.

**Tuần 25** Ngày soạn: 1/02/2017

**Tiết 46** Ngày dạy:15/02/2017

**Bài 38: RÊU – CÂY RÊU**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- HS xác định được môi trường sống của rêu liên quan tới cấu tạo của chúng.

- HS nêu rõ được đặc điểm cấu tạo của rêu, phân biệt rêu với tảo và cây có hoa.

- Hiểu được rêu sinh sản bằng gì và túi bào tử là cơ quan sinh sản của rêu.

- Thấy được vai trò của rêu trong tự nhiên.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát, nhận biết.

**3. Thái độ**

- Từ vai trò của rêu với tự nhiên và đời sống con người mà giáo dục cho HS ý thức bảo vệ sự đa dạng và phong phú của các loài rêu.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực so sánh, phân tích.

- Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- Vật mẫu: Cây rêu (có cả túi bào tử).

- Tranh phóng to cây rêu và cây rêu mang túi bào tử.

- Kính lúp cầm tay.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. (1phút)**

**II. Kiểm tra (5 phút)**

- Nêu đặc điểm chung của tảo?

- Tại sao không thể coi rong mơ như cây xanh thực sự?

**III. Bài mới**

**ĐVĐ (1 phút)**

- Giáo viên giới thiệu rêu là nhóm thực vật lên cạn đầu tiên, cơ thể có cấu tạo đơn giản. Vậy môi trường sống của rêu ở đâu? Sự sinh trưởng và phát triển của rêu như thế nào? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu nội dung bài hôm nay, bài 38:..

***Hoạt động 1 (4 phút): Tìm hiểu môi trường sống của tảo***

- GV đặt câu hỏi: Rêu sống ở đâu?

+ HS trả lời bằng hiểu biết của mình, các HS khác nhận xét, bổ sung.

***Kết luận***: Rêu sống ở đất ẩm

***Hoạt động 2 (10 phút): Quan sát cây rêu***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS quan sát cây rêu và đối chiếu với hình 38.1, *nhận thấy những bộ phận nào của cây?*  - Tổ chức cho HS thảo luận toàn lớp.  - Cho HS đọc đoạn thông tin, GV giảng giải:  Rễ giả: có khả năng hút nước.  Thân, lá chưa có mạch dẫn, nên chỉ sống nơi đất ẩm ướt.  - Yêu cầu so sánh rêu với rong mơ và cây bàng, trả lời câu hỏi:  *+ Tại sao xếp rêu vào nhóm thực vật bậc cao?*  - GV tổng kết lại cho có hệ thống. | - HS hoạt động theo nhóm:  + Tách rời 1-2 cây rêu ⭢ quan sát bằng kính lúp.  + Quan sát đối chiếu tranh cây rêu.  - Phát hiện các bộ phận của cây rêu.  - Gọi 1-2 nhóm trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS tự rút ra những đặc điểm chính trong cấu tạo cây rêu. |

***Kết luận:***

- Thân ngắn, không phân cành.

- Lá nhỏ, mỏng.

- Rễ giả có khả năng hút nước.

- Chưa có mạch dẫn.

***Hoạt động 3 (10 phút): Túi bào tử và sự phát triển của rêu***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS quan sát tranh cây reeu có túi bào tử, phân biệt các phần của túi bào tử.  - Yêu cầu HS quan sát tiếp hình 38.2 và đọc đoạn thông tin, trả lời câu hỏi:  *+ Cơ quan sinh sản của rêu là bộ phận nào?*  *+ Rêu sinh sản bằng gì?*  *+ Trình bày sự phát triển của rêu?* | - HS quan sát tranh theo hướng dẫn của GV, rút ra nhận xét:  + Túi bào tử có 2 phận: mũ ở trên, cuống ở dưới, trong túi có bào tử.  - HS dựa vào hình 38.2, thảo luận trong nhóm tìm câu trả lời.  - HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung. |

***Kết luận:***

- Cơ quan sinh sản là túi bào tử nằm ở ngọn cây.

- Rêu sinh sản bằng bào tử.

- Bào tử nảy mầm phát triển thành cây rêu.

***Hoạt động 4 (9 phút): Vai trò của rêu***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS đọc đoạn thông tin mục 4 và trả lời câu hỏi:  *+ Rêu có lợi ích gì?*  - GV giảng thêm:  Hình thành đất.  Tạo than.  *+ Với những lợi ích như vậy, chúng cần phải làm gì đối với các loài rêu?* | - HS tự rút ra vai trò của rêu.  + Cần bảo vệ các loài rêu. |

**IV. Kiểm tra, đánh giá (4 phút)**

***Điền vào chỗ trống những từ thích hợp:***

- Cơ quan sinh dưỡng của cây rêu gồm có ***thân, lá***, chưa có ***rễ*** thật sự. Trong thân và lá rêu chưa có ***mạch dẫn***. Rêu sinh sản bằng ***bào tử*** được chứa trong ***túi bào tử***, cơ quan này nằm ở ***ngọn*** cây rêu.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Chuẩn bị mẫu cây rêu.

- Đọc trước bài: Quyết – cây dương xỉ.

**Tuần 26** Ngày soạn:7/2/2017

**Tiết 47**  Ngày dạy: 21/2/2017

**Bài 39: QUYẾT – CÂY DƯƠNG XỈ**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- HS trình bày được đặc điểm cấu tạo cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh snả của dương xỉ.

- Biết cách nhận dạng một cây thuộc dương xỉ.

- Nói rõ được nguồn gốc hình thành các mỏ than đá.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát, thực hành.

**3. Thái độ**

- Giáo dục ý thức yêu và bảo vệ thiên nhiên.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực so sánh, phân tích.

- Năng lực hợp tác.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- Vật mẫu: Cây dương xỉ.

- Tranh cây dương xỉ, tranh hình 39.2 phóng to.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. (1phút)**

**II. Kiểm tra (5phút)**

- Nêu cấu tạo cây rêu?

- Tại sao rêu chỉ sống được ở những nơi ẩm ướt?

**III. Bài mới**

**ĐVĐ (1 phút)**

- GV cho HS sát H.40.1 SGK, giới thiệu: H.40.1, cho thấy một nón thông đã chín mà ta thường quen gọi đó là quả, vì nó mang các hạt. Nhưng gọi như vậy đã chính xác chưa ? Ta đã biết quả phát triển từ hoa. Vậy cây thông đã có hoa quả thực sự chưa? Học bài này chúng ta sẽ trả lời được câu hỏi đó.

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1 (16 phút): Quan sát cây dương xỉ***

***a. Quan sát cơ quan sinh dưỡng***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS quan sát kĩ cây dương xỉ và ghi lại đặc điểm các bộ phận của cây.  - Tổ chức thảo luận trên lớp.  - GV bổ sung hoàn thiện đặc điểm rễ, thân, lá.  - GV lưu ý: HS dễ nhầm cuống của lá già là thân ⭢ GV giúp HS phân biệt.  - Cho HS so sánh các đặc điểm với cơ quan sinh dưỡng của rêu.  - GV ghi tóm tắt lên bảng. | - HS hoạt động nhóm và ghi lại:  + Quan sát cây dương xỉ ⭢ xem có những bộ phận nào ⭢ so sánh với tranh.  + Trao đổi nhóm về đặc điểm rễ, thân, lá quan sát được (chú ý đặc điểm lá non).  - HS phát biểu ⭢ các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |

***Kết luận:***

Cơ quan sinh dưỡng gồm:

- Lá già có cuống dài, lá non cuộn tròn.

- Thân ngắn hình trụ

- Rễ thật

- Có mạch dẫn.

***b. Quan sát túi bào tử và sự phát triển của cây dương xỉ***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS lật mặt dưới lá già, tìm túi bào tử.  - Yêu cầu HS quan sát hình 39.2, đọc kĩ chú thích trả lời câu hỏi:  *+ Vòng cơ có tác dụng gì?*  *+ Cơ quan sinh sản và sự phát triển của túi bào tử?*  - So sánh với rêu.  - GV gợi ý cho HS phát biểu ⭢ hoàn chỉnh đoạn câu trên ( đáp án: Túi bào tử, đẩy bào tử bay ra, nguyên tản, cây dương xỉ con, bào tử, nguyên tản).  - GV cho HS đọc lại đoạn bài tập đã hoàn chỉnh.  - Rút ra kết luận. | - HS quan sát kĩ hình 39.2, thảo luận nhóm ⭢ ghi câu trả lời ra nháp.  + Làm bài tập: điền vào chỗ trống những từ thích hợp.  Mặt dưới lá dương xỉ có những đốm chứa ………….  Vách túi bào tử có một vòng cơ màng tế bào dày lên rất rõ, vòng cơ có tác dụng…………. Khi túi bào tử chín. Bào tử rơi xuống đất sẽ nảy mầm và phát triển thành ……… rồi từ đó mọc ra…………….  - Dương xỉ sinh sản bằng ……… như rêu, nhưng khác rêu ở chỗ có ………… do bào tử phát triển thành. |

***Kết luận:***

Dương xỉ sinh sản bằng bào tử, cơ quan sinh sản là túi bào tử.

***Hoạt động 2 (10 phút): Quan sát một vài loại dương xỉ thường gặp***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Quan sát cây rau bợ, cây lông cu li và nhận xét:  *+ Đặc điểm chung?*  *+ Nêu đặc điểm nhận biết một cây thuộc dương xỉ?*  *+ Như vậy dương xỉ có đa dạng và phong phú không ?*  *+ chúng ta cần làm gì để bảo vệ sự đa dạng và phong phú đó?* | - Phát biểu nhận xét về:  + Sự đa dạng hình thái.  + Đặc điểm chung.  - Tập nhận biết một cây thuộc dương xỉ (căn cứ vào lá non).  + Rất đa dạng và phong phú.  + HS liên hệ trả lời câu hỏi. |

***Kết luận:***

- Dương xỉ thuộc nhóm quyết. Là những thực vật đã có rễ, thân, lá và có mạch dẫn.

- Sinh sản bằng bào tử.

***Hoạt động 3 (7 phút): Quyết cổ đại và sự hình thành than đá***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK, quan sát hình 39.4 và trả lời câu hỏi:  *+ Than đá được hình thành như thế nào?* | - HS đọc thông tin.  - Quan sát hình.  - 1 HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung. |

***Kết luận:***

SGK.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

- GV củng cố nội dung bài.

- Yêu cầu HS nhắc lại đặc điểm của cây dương xỉ.

- Đánh giá giờ.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”.

- Chuẩn bị nội dung ôn tập.

**Tuần 26** Ngày soạn: 8/02/2017

**Tiết 48** Ngày dạy: 22/02/2017

**ÔN TẬP**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- HS củng cố được các kiến thức đã học.

- Nhận biết rõ các đặc điểm có trên tranh và trên thực tế.

- Hiểu rõ chức năng phù hợp với cấu tạo.

**2. Kĩ năng**

- Kĩ năng so sánh, phân tích, hệ thống hoákiến thức.

**3. Thái độ**

- Có thái độ yêu thích môn học.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực so sánh, phân tích.

- Năng lực thuyết trình

- Năng lực tự học.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: Tranh vẽ các hình trong nội dung đã học.

- HS: Sự chuẩn bị theo nội dung SGK, nội dung đã học.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. (1 phút)**

**II. Kiểm tra (6 phút)**

- Cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản của dương xỉ có đặc điểm gì ?

- So sánh đặc điểm cấu tạo và sinh sản của dương xỉ với rêu ?

**III. Bài mới**

**Hoạt động 1: Ôn tập kiến thức đã học trong học kì II(20ph)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| - GV treo bảng phụ đã ghi sẵn hệ thống các câu hỏi yêu cầu HS đọc và hoạt theo nhóm để trả lời  Câu 1: Thụ phấn là gì ? Hoa thụ phấn nhờ sâu bọ và hoa thụ phấn nhờ gió khác nhau như thế nào ?  Câu 2: Phân biệt hiện tượng thụ phấn và hiện tượng thụ tinh?  Câu 3: Căn cứ vào đặc điểm nào để phân chia cácloại quả?  Câu 4: Nêu các hình thức phát tán của quả và hạt?  Câu 5*:* Nêu các điều kiện cần cho hạt nảy mầm?  Câu 6 : Nêu một vài ví dụ về sự thích nghi của cây ở các  môi trường trường sống khác nhau?  Câu 7*:* Giải thích vì sao Tảo không được coi là một cây xanh thật sự?  Câu 8: So với tảo, rêu có những đặc điểm nào tiến hóa hơn?  Câu 9: Nêu những điểm khác nhau giữa rêu và dương xỉ?  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chốt kiến thức.  - HS đọc hệ thống các câu hỏi thảo luận theo nhóm và dựa vào kiến thức đã học để hoàn thành.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả nhóm khác nhận xét bổ sung | HS đọc và hoạt theo nhóm để trả lời  Câu 1*:* Thụ phấn là hiện tượng hạt phấn tiếp xúc với đầu nhụy  - Khác nhau:   |  |  | | --- | --- | | **Hoa thụ phấn nhờ gió** | **Hoa thụ phấn nhờ sâu bọ** | | - Không có màu sắc sặc sỡ  - Ít hương thơm,  - Hạt phấn nhẹ  - Đầu nhụy dài, nhiều lông dính | - Có màu sắc sặc sỡ thu hút sâu bọ.  - Có hương thơm hoặc mật ngọt.  - Hạt phấn ướt hoặc có lông dính.  - Đầu nhụy có chất dính . |   Câu 2: Khác nhau giữa thụ phấn và thụ tinh  - Sự thụ phấn : hạt phấn chỉ rơi dính trên đầu nhụy .  - Sự thụ tinh : Hạt phấn nảy mầm để đưa tế bào sinh dục đực của hạt phấn vào kết hợp với tế bào sinh dục cái của noãn để tạo thành hợp tử .  Câu 3: Dựa vào đặc điểm của vỏ quả để phân chia thành các nhóm quả khác nhau .  Câu 4: Phát tán nhờ gió, nhờ động vật, tự phát tán và nhờ con người .  Câu 5*:* Chất lượng hạt giống tốt, đủ nước, đủ không khí và nhiệt độ thích hợp .  Câu 6: - Cây sống ở nơi râm mát và ẩm thường có thân cao  - Cây sống ở sa mạc thường có rễ dài, thân mọng nước hoặc lá biến thành gai  - Cây sống ở các bãi ngập thủy triều ven biển có rễ chống…  Câu 7: Vì cấu tạo cơ thể của tảo chưa có rễ, thân, lá , bên trong chưa phân hóa thành các mô điển hình.  Câu 8*:* - Những điểm tiến hóa của rêu so với tảo.  - Cơ thể đã phân hóa thành rễ, thân, lá.  - Sinh sản bằng bào tử có cây đực riêng và cây cái riêng .  Câu 9 *:* Khác nhau giữa rêu và dương xỉ .   |  |  | | --- | --- | | ***Rêu*** | ***Dương xỉ*** | | - Rễ giả.  - Thân chưa có mạch dẫn thông suốt.  - Lá chưa có gân và các mạch dẫn. | - Rễ thật có nhiều lông hút.  - Thân có cuống lá và đã có mạch dẫn nhựa.  - Lá có nhiều lớp tế bào có gân chính và gân phụ, có mạch dẫn. | |
| **Hoạt động 2: HS trả lời câu hỏi(12ph)** | |
| - GV nêu các câu hỏi trắc nghiệm và bài tập yêu cầu HS cả lớp trả lời.  - GV nghe kết quả các nhóm đồng thời nhận xét và chuẩn kiến thức  - HS dựa vào kiến thức đã học để trả lời các HS khác bổ sung nếu cần | Chọn c©u tr¶ lêi ®óng trong c¸c c©u sau  C©u1: C¬ thÓ cña t¶o cã cÊu t¹o  □ a, TÊt c¶ ®Òu lµ ®¬n bµo.  □ b, TÊt c¶ ®Òu lµ ®a bµo.  □ c, Cã d¹ng ®¬n bµo cã d¹ng ®a bµo.  C©u2*:* T¶o lµ thùc vËt bËc thÊp v×:  □ a, C¬ thÓ cã cÊu t¹o ®¬n bµo.  □ b, Sèng ë nư­íc  □ c, Ch­ưa cã rÔ th©n l¸.  Câu 3: §iÒn vµo chç trèng nh÷ng tõ thÝch hîp:  C¬ quan sinh d­­ìng cña c©y rªu gåm cã ...., ch­­a cã.....thËt sù. Trong th©n vµ l¸ rªu ch­­a cã .......... Rªu sinh s¶n b»ng ........, ®­îc chøa trong ........., c¬ quan nµy n»m ë .........c©y rªu.  Câu 4: Cơ quan sinh dưỡng của dương xỉ là : a, Rễ, thân, lá.  b, Hoa, quả, hạt.  c, Hoa, lá, cành.  d, Túi bào tử.  Câu 5*:* Cây ngô thụ phấn nhờ:  a, Nhờ côn trùng  b, Nhờ gió.  c, Nhờ con người  d, Cả b và c đúng |

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

- GV củng cố nội dung bài.

- Nhận xét, đánh giá giờ.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học sinh ôn tập.

- Học bài

- Chuẩn bị kiểm tra 45 phút.

**Tuần 27** Ngày soạn: 14/2/2017

**Tiết 49** Ngày dạy: 28/2/2017

**KIỂM TRA 45 PHÚT**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Học sinh hiểu rõ ràng các kiến thức đã học.

- Biết cô đọng các kiến thức chính theo yêu cầu.

**2. Kĩ năng**

- Kĩ năng phân tích, tổng hợp kiến thức.

- Rèn kĩ năng làm bài thi.

**3. Thái độ**

- Có thái độ nghiêm túc trong kiểm tra, thi cử.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực giải quyết vấn đề.

- Năng tư duy.

- Năng lực tự học.

**B. CHUẨN BỊ**

- GV: Đề kiểm tra, photo.

-HS: ôn tập kiến thức đã học.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I: Đề bài**

**I. MA TRẬN ĐỂ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Tên chủ đề** | **Nhận biết** | | **Thụng hiểu** | | **Vận dụng** | | | |
| **Cấp độ thấp** | | **Cấp độ cao** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| Bài 31: Thụ tinh, kết hạt và tạo quả | Biết được hiện tượng thụ tinh, những biến đổi sau thụ tinh |  |  |  |  |  |  |  |
| **3 câu**  **12,5%**  **12,5 đ** | **Câu 4,5, Câu II**  **100%**  **12,5đ** |  |  |  |  |  |  |  |
| Bài 32: Các loại quả | Biết được các đặc điểm hình thái, cấu tạo của các loại quả. |  |  |  |  | Dựa vào đặc điểm của các nhóm quả vận dụng vào thực tế |  |  |
| **3 câu**  **15%**  **15 đ** | **Câu 1,8**  **33,3%**  **5 đ** |  |  |  |  | **Câu 3**  **66,7%**  **10đ** |  |  |
| Bài 33: Hạt và các bộ phận của hạt | Mô tả được các bộ phận của hạt |  | Chức năng của các bộ phận |  |  |  |  |  |
| **2 câu**  **5%**  **5 đ** | **Câu II**  **50%**  **2,5 đ** |  | **Câu 2**  **50%**  **2,5đ** |  |  |  |  |  |
| Bài 34: Phát tán của quả và hạt |  | Các cách phát tán của quả và hạt | Đặc điểm phù hợp với các cách phát tán | . |  |  |  |  |
| **2 câu**  **2,5%**  **12,5 đ** |  | **Câu 4**  **80%**  **10 đ** | **Câu 7**  **20%**  **2,5đ** |  |  |  |  |  |
| Bài 35. Những đk cần cho hạt nảy mầm |  |  |  | Điều kiện bên trong và bên ngoài cần cho hạt nảy mầm |  | Vận dụng những đk hạt nảy mầm trong sản xuất |  |  |
| **1 câu**  **20%**  **20 đ** |  |  |  | **Câu1**  **25%**  **5đ** |  | **Câu 1**  **75%**  **15đ** |  |  |
| Bài 36: Tổng kết về cây cú hoa |  |  | Sự thống nhất về cấu tạo và chức năng ở mỗi cơ quan |  |  |  |  |  |
| **1 câu**  **10%**  **10 đ** |  |  | **Câu III**  **100%**  **10 đ** |  |  |  |  |  |
| Bài 38: Rêu- Cây rêu | Biết được CQSD của rêu |  | So sánh CQSS với dương xỉ |  |  |  |  |  |
| **2 câu**  **5%**  **5 đ** | **Câu 3**  **50%**  **2,5 đ** |  | **Câu 6**  **50%**  **2,5 đ** |  |  |  |  |  |
| Bài 39: Quyết - Cây dương xỉ |  |  |  | Biết cấu tạo cơ quan sinh dưỡng, sinh sản của dương xỉ. So sánh với rêu |  |  |  |  |
| **1 câu**  **20%**  **20 đ** |  |  |  | **Câu 2**  **100%**  **20 đ** |  |  |  |  |
| **TS câu: 20**  **TS điểm:100 đ**  **TL % = 100%** | **6**  **22,5đ**  **(22,5%)** | **1**  **10đ**  **(5%)** | **4**  **17,5đ**  **(17,5%)** | **2**  **25đ**  **(35%)** |  | **1**  **25đ**  **(25%)** |  |  |

**II. ĐỀ BÀI**

**A/ TRẮC NGHIỆM: *(3điểm)***

**I/ Khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.** *(1 điểm)*

**Câu 1: Căn cứ vào đặc điểm của vỏ quả có thể chia thành hai nhóm quả chính là**

A. Quả khô và quả thịt. B. Quả khô và quả nẻ.

C. Quả khôvà quả không nẻ. D. Quả nẻ và quả không nẻ.

**Câu 2: Chất dinh dưỡng của hạt có chứa trong**

A. Lá mầm. B. Phôi nhũ

C. Lámầm hoặc phôi nhũ. D. Lá mầm và phôi nhũ

**Câu 3: Rêu sinh sản bằng**

A. Quả. B. Tiếp hợp. C. Đứt ra thành từng đoạn. D. Bào tử.

**Câu 4: Sau khi thụ tinh, bộ phận biến đổi thành hạt là**

A. Nhụy. B. Nhị.

C. Hợp tử. D. Nón.

**Câu 5: Sau khi thụ tinh bầu nhụy biến đổi thành**

A. Hạt. B. Quả.

C. Thịt quả. D. Vỏ.

**Câu 6: Điểm giống nhau giữa cây dương xỉ và cây rêu là:**

A. Đều có rễ chính thức B. Đều có hoa C. Đều sinh sản bằng bào tử D. Đều có mạch dẫn trong thân

**Câu 7: Quả và hạt phát tán nhờ gió thường có đặc điểm gì?**

A. Có túm lông hoặc có cánh B. Vỏ quả khi chín tự tách ra

C. Có gai, móc D. Quả, hạt là thức ăn của động vật

**Câu 8: Nhóm quả thuộc loại quả hạch là**

A. Quả cam, quả xoài, quả măng cụt. B. Quả chanh, quả nhãn, quả sầu riêng.

C. Quả nhãn, quả xoài, táo. D. Quả đu đủ, quả táo ta, quả chanh.

**II. Em hãy điền từ( cụm từ ) thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:(1đ)**

Thụ tinhlà hiện tương tế bào ………………… kết hợp với tế bào ………………….. tạo thành một tế bào mới là ……………………..

Hạt gồm có ……………………………. và chất dinh dưỡng dự trữ

**III. Em hãy chọn nội dung ở cột B để ghép nối với nội dung ở cột A sao cho phù hợp rồi điền kết quả vào cột trả lời.(1đ)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cột A** | **Trả lời** | **Cột B** |
| 1. Lá  2. Hoa  3. Quả  4. Hạt | 1- …….  2- …….  3- …….  4-……... | a.Bảo vệ và góp phần phát tán hạt  b.Bảo vệ phôi nảy mầm thành cây mới  c. Chế tạo chất hữu cơ, trao đổi khí và nước  d. Thực hiện thụ phấn, thụ tinh, kết hạt và tạo quả  e. Hấp thụ nước và muối khoáng cho cây |

**B/ TỰ LUẬN: *(7 điểm)***

**Câu 1**: *(2 điểm)*

Nêu những điều kiện cần cho hạt nảy mầm? Những hiểu biết về các điều kiện nảy mầm của hạt được vận dụng như thế nào trong sản xuất?

**Câu 2**: *(2 điểm)*

Nêu đặc điểm của cơ quan sinh dưỡng, cơ quan sinh sản và sự phát triển của dương xỉ? So sánh cơ quan sinh dưỡng của dương xỉ với rêu?

**Câu 3**: *(1,5 điểm)*

Vì sao phải thu hoạch đỗ đen trước khi quả chín khô?

**Câu 4**: *(1,5 điểm)*

Nêu các cách phát tán của quả và hạt? Cho mỗi loại một ví dụ?

--------------Hết-----------

**III. ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM**

**A/ Trắc nghiệm** ( 4 điểm )

***I. Mỗi phương án đúng được 0,25 điểm***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| A | C | D | D | B | C | A | C |

***II. Mỗi chỗ trống điền đúng được 0,25 điểm***

1. sinh dục đực 2. sinh dục cỏi 3. hợp tử 4. vỏ, phụi

***III. Mỗi nối ghép đúng được 0,25 điểm***

1.c 2.d 3. a 4. b

**B/ Tự luận: *(7 điểm)***

**Câu 1**: *(2 điểm)*

- ĐK cần cho hạt nảy mầm 0,5 đ

- Vận dụng trong sản xuất 1,5 đ

**Câu 2**: *(2 điểm)*

- Nêu đặc điểm CQSD 0,5 đ

- Nêu đặc điểm CQSS và sự phát triển dương xỉ 1 đ

- So sánh với rêu 0,5 đ

**Câu 3**: *(1,5 điểm)*

Phải thu đỗ đen trước khi quả chín khô vì:

- Đỗ đen là loại quả khô nẻ. 0,5đ

- Khi chín vỏ quả tự tách ra làm hạt rơi ra ngoài khó thu hoạch, làm giảm năng suất. 1,0 đ

**Câu 4**: *(1,5 điểm)*

Các cách phát tán của quả và hạt:

* Nhờ gió. VD
* Nhờ động vật. VD
* Tự phát tán. VD
* Ngoài ra còn nhờ nước và con người

**C. Kết luận chung**

- GV nhận xét giờ.

- Chữa bài nếu còn thời gian.

**D. Hướng dẫn học bài ở nhà**

- Ôn tập lại các nội dung đã học.

- Đọc trước bài: Hạt trần - cây thông .

**Tuần 27** Ngày soạn: 15/2/2017

**Tiết 50** Ngày dạy: 1/3/2017

**Bài 40: HẠT TRẦN – CÂY THÔNG**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Trình bày được đặc điểm cấu tạo cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản của thông.

- Nêu được sự khác nhau cơ bản giữa cây hạt trần với cây có hoa.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

**3. Thái độ**

- Từ sự đa dạng và ý nghĩa của cây hạt trần đối với tự nhiên và đời sống con người mà giáo dục cho HS ý thức bảo vệ các loài thực vật hạt trần nói riêng và thực vật nói chung.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát

- Năng lực thuyết trình

- Năng lực tự học.

**B. CHUẨN BỊ**

- Tranh: cành thông mang nón, sơ đồ cắt dọc nón đực và nón cái.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (không)**

**III. Dạy học bài mới**

**ĐVĐ(1 phút)**

- GV cho HS quan sát H.40.1 SgK, giới thiệu: H.40.1 cho thấy một nón thông đã chín mà ta thường quen gọi đó là quả vì nó mang các hạt. Nhưng gọi như vậy đã chính xá chưa? Ta biết quả phát triển từ ha. Vậy cây thông đã có hoa quả thực sự chưa? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu nội dung bài hôm nay.

***Hoạt động 1 (15 phút): Quan sát cơ quan sinh dưỡng của cây thông***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV giới thiệu qua về cây thông.  - Hướng dẫn HS quan sát cành lá thông như sau:  *+ Đặc điểm thân cành? Màu sắc?*  - Yêu cầu: nhổ cành con, quan sát cách mọc lá (chú ý vảy nhỏ ở gốc lá).  - GV thông báo rễ to khoẻ, mọc sâu.  - Cho lớp thảo luận hoàn thiện kiến thức. | - HS làm việc theo nhóm  + Từng nhóm tiến hành quan sát cành, lá thông.  - Ghi đặc điểm ra nháp.  - Gọi 1-2 HS phát biểu, lớp nhận xét, bổ sung. |

***Kết luận:***

- Rễ: to, khoẻ, mọc sâu

- Thân: màu nâu, xù xì (cành có vết sẹo khi lá rụng).

- Lá: nhỏ hình kim, mọc từ 2-3 chiếc trên 1 cành con, rất ngắn.

***Hoạt động 2 (15 phút): Cơ quan sinh sản (nón)***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| ***Vấn đề 1***: *Cấu tạo của nón đực và nón cái.*  - GV thông báo: có 2 loại nón  - Yêu cầu HS:  *+ Xác định vị trí nón đực và nón cái trên cành?*  *+ Đặc điểm của hai loại nón (số lượng, kích thước của hai loại)?*  - Yêu cầu HS quan sát sơ đồ cắt dọc nón đực và nón cái, trả lời câu hỏi:  *+ Nón đực có cấu tạo như thế nào?*  *+ Nón cái có cấu tạo như thế nào?*  - GV bổ sung, hoàn chỉnh kết luận. | - HS quan sát mẫu vật ⭢ đối chiếu hình 40.2 và trả lời câu hỏi.  + Đối chiếu câu trả lời với thông tin nón đực, nón cái ⭢ tự điều chỉnh kiến thức.  - HS quan sát kĩ sơ đồ, chú thích và trả lời câu hỏi.  - Thảo luận nhóm ⭢ rút ra kết luận. |

***Kết luận:***

- Cơ quan sinh sản là nón đực và nón cái

+ Nón đực: nhỏ, mọc thành cụm, màu vàng, có vảy (nhị) mang 2 túi phấn chứa hạt phấn.

+ Nón cái: lớn, mọc riêng lẻ, có vảy (noãn) mang 2 noãn.

- Nón chưa có bầu nhuỵ chứa noãn (nên không thể coi như 1 hoa).

- Hạt nằm trên lá noãn hở (hạt trần) chưa có quả thật sự.

***Hoạt động 3 (8 phút): Giá trị của cây hạt trần***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV đưa một số thông tin về một số cây hạt trần khác cùng giá trị của chúng.  - Qua đó em hãy cho biết :  + Các cây hạt trần có đa dạng và phong phú không ?  + Với những lợi ích đó của cây hạt trần với tự nhiên và đời sống con người, chúng ta phải làm gì để bảo vệ các loài thực vật hạt trần ? | - HS nêu được các giá trị thực tiễn của các cây thuộc ngành hạt trần.  - HS liên hệ thực tế trả lời câu hỏi.  + Các loài thực vật hạt trần rất đa dạng và phong phú.  + Cần phải bảo vệ các cây hạt trần như: cấm khai thác trái phép các cây hạt trần, tham gi trồng nhiều cây xanh, tuyên truyền cho những người khác hiểu về tác dụng của cây hạt trần để mọi người cùng nhau bảo vệ chúng. |

***Kết luận:***

SGK.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

- GV củng cố nội dung bài.

- Yêu cầu HS nhắc lại đặc điểm của cây dương xỉ.

- Đánh giá giờ.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”.

- Đọc trước bài: Hạt kín.

**Tuần 28** Ngày soạn: 21/2/2017

**Tiết 51** Ngày dạy: 7/3/2017

**Bài 41: HẠT KÍN - ĐẶC ĐIỂM CỦA**

**THỰC VẬT HẠT KÍN**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Phát hiện được những tính chất đặc trưng của cây hạt kín là có hoa và quả với hạt được giấu kín trong quả. Từ đó phân biệt được sự khác nhau cơ bản giữa cây Hạt kín và cây Hạt trần.

- Nêu được sự đa dạng của cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản của cây hạt kín.

- Biết cách quan sát một cây Hạt kín.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát, kĩ năng khái quát hoá.

**3. Thái độ**

- Học thấy được sự đa dạng và phong phú của thực vật hạt kín, chúng đa dạng về số lượng loài, về môi trường sống, đa dạng cả về cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản… Từ đó giáo dục cho HS ý thức bảo vệ sự đa dạng và phong phú của thực vật hạt kín.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát

- Năng lực thuyết trình

- Năng lực tự học.

**B. CHUẨN BỊ CỦA**

- Vật mẫu: các cây Hạt kín (nếu nhỏ nhổ cả cây, nếu to thì cắt 1 cành). Một số quả.

- Kính lúp cầm tay, kim nhọn, dao con.

- HS kẻ bảng theo mẫu SGK trang 135.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (5 phút)**

- Nêu cơ quan sinh sản của cây thông? Cấu tạo?

**III. Bài mới**

**ĐVĐ (1 phút)**

- Chúng ta đã biết và làm quen với nhiều cây có hoa như : cam, đậu, ngô, khoai... Chúng còn được gọi chung là cây hạt kín. Tại sao lại gọi như vậy? Chúng khác với cây hạt trần ở những đặc điểm cơ bản nào? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu nội dung bài hôm nay.

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1 (15 phút): Quan sát cây có hoa***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS đặt mẫu lên bàn quan sát (hoạt động theo nhóm).  - GV hướng dẫn HS quan sát theo trình tự SGK.  + Cơ quan sinh dưỡng  + Cơ quan sinh sản  (Với những bộ phận nhỏ dùng kính lúp)  - GV kẻ bảng trống SGK lên bảng phụ.  - Yêu cầu 2-3 nhóm lên điền nội dung  - GV bổ sung. | - HS hoạt động nhóm: quan sát các cây đã chuẩn bị.  - Ghi các đặc điểm quan sát được vào trong bảng.  - Đại diện nhóm lên điền. |

***Kết luận:***

- Nội dung bảng trang 135.

***Hoạt động 2 (18 phút): Tìm hiểu đặc điểm của các cây hạt kín***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS căn cứ vào kết quả bảng mục 1 để:  *+ Nhận xét sự khác nhau của rễ, thân, lá, hoa, quả?*  - GV cung cấp: cây hạt kín có mạch dẫn phát triển.  *+ Nêu đặc điểm chung của các cây hạt kín?*  - GV bổ sung giúp HS rút ra được đặc điểm chung.  *+ So sánh với cây hạt trần để thấy được sự tiến hoá của cây hạt kín?*  - GV yêu cầu HS liên hệ thực tế trả lời câu hỏi :  + Thực vật hạt kín có đa dạng và phong phú không ?  + Tại sao thực vật hạt kín lại có thể đa dạng và phong phú như ngày nay?  + Chúng ta cần làm gì để bảo vệ sự đa dạng và phong phú của thực vật hạt kín? | - Căn cứ vào bảng 1, HS nhận xét sự đa dạng của rễ, thân, lá, hoa, quả.  - Thảo luận giữa các nhóm, rút ra đặc điểm chung của cây hạt kín.  - HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS liên hệ thực tế trả lời câu hỏi :  + Rất đa dạng và phong phú : đa dạng về loài, về môi trường sống, về cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản…  + Vì chúng có cấu tạo cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản hoàn thiện nhất.  + Cần chống lại các hành vi chặt phá rừng bừa bãi, không bể cành cây con, tham gia trồng nhiều cây xanh, bảo vệ môi trường… |

***Kết luận:***

- Cơ quan sinh dưỡng: Rễ, thân, lá đa dạng.

- Cơ quan sinh sản: Có hoa, quả chứa hạt bên trong.

- Môi trường sống đa dạng.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

***Đánh dấu X vào đầu câu trả lời đúng:***

*Câu 1: Trong nhóm cây sau, nhóm nào toàn cây hạt kín?*

a. Cây mít, cây rêu, cây ớt.

b. Cây ổi, cây cải, cây dừa.

c. Cây thông, cây lúa, cây đào.

*1Câu 2: Tính chất đặc trưng nhất của các cây hạt kín là:*

a. Có rễ, thân, lá.

b. Có sự sinh sản bằng hạt.

c. Có hoa, quả, hạt. Hạt nằm trong quả.

*Đáp án: 1b, 2c.*

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi 1,2 SGK.

- Đọc mục “Em có biết”.

- Đọc trước bài: Lớp hai lá mầm và lớp một lá mầm.

**Tuần 28** Ngày soạn: 22/2/2017

**Tiết 52** Ngày dạy: 8/3/2017

**Bài 42: LỚP HAI LÁ MẦM VÀ LỚP MỘT LÁ MẦM**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Phân biệt một số đặ điểm hình thái của cây thuộc lớp hai lá mầm và lớp một lá mầm (về kiểu rễ, kiểu gân lá, số lượng cánh hoa).

- Căn cứ vào các đặc điểm để có thể nhận dạng nhanh một cây thuộc lớp hai lá mầm hay một lá mầm.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát, thực hành.

**3. Thái độ**

- Thông qua bài học mà HS thấy được sự đa dạng và phong phú của lớp thực vật một lá mầm và hai lá mầm trong ngành hạt kín. Từ đó giáo dục cho HS ý thức bảo vệ sự đa dạng của thực vật.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát

- Năng lực so sánh, phân tích.

- Năng lực thuyết trình

- Năng lực tự học.

**B. CHUẨN BỊ**

- Vật mẫu: Cây lúa, hành, huệ, cỏ. Cây bưởi con, lá rầm bụt.

- Tranh rễ cọc, rễ chùm, các kiểu gân lá.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (5 phút)**

- So sánh đặc điểm của cây hạt kín và cây hạt trần?

**III. Bài mới**

**ĐVĐ(1 phút)**

- Cây hạt kín rất khác nhau cả về cơ quan sinh dưỡng lẫn cơ quan sinh sản. Để phân biệt các cây hạt kín với nhau, câc nhà khoa học đã chia chúng thành những nhóm nhỏ hơn, đó là lớp, họ...Thực vật hạt kín gồm hai lớp : Lớp hai lá mầm và lớp một lá mầm. Mỗi lớp có những nét đặc trưng.

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1 (18 phút): Cây hai lá mầm và cây một lá mầm***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức cũ về kiểu rễ, kiểu gân lá kết hợp với quan sát tranh.  + Các đặc điểm này gặp ở các cây khác nhau trong lớp hai lá mầm và lớp một lá mầm.  - Yêu cầu HS quan sát tranh, hình 42.1, GV giới thiệu một cây một lá mầm và một cây hai lá mầm điển hình. HS tự nhận biết.  (Làm bài tập mục 1).  - Tổ chức thảo luận trên lớp.  *- Phát biểu các đặc điểm phân biệt cây hai lá mầm và cây một lá mầm?*  - Yêu cầu HS nghiên cứu đoạn thông tin mục 1.  *+ Còn những dấu hiệu nào để phânbiệt lớp hai lá mầm và lớp một lá mầm?*  - Yêu cầu HS lên bảng điền:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Đặc điểm | Lớp một lá mầm | Lớp hai lá mầm | | Rễ  Lá (gân)  Thân  Hạt |  |  | |  |  |  | | - HS chỉ trân tranh và trình bày được:  + Các loại rễ, thân, lá.  + Đặc điểm chung của rễ, thân, lá.  - HS hoạt động theo nhóm, quan sát kĩ cây một lá mầm và cây hai lá mầm, ghi các đặc điểm quan sát được vào bảng trống (SGK trang 137).  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS căn cứ đặc điểm của rễ, lá, hoa ⭢ phânbiệt cây 1 lá mầm và cây hai lá mầm.  - HS đọc thông tin, tự nhận biết hai dấu hiệu nữa là số lá mầm của phôi và đặc điểm thân.  - Gọi 2 HS lên bảng tự ghi. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |

***Kết luận:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đặc điểm | Lớp một lá mầm | Lớp hai lá mầm |
| Rễ  Lá (gân)  Thân  Hạt | *- Rễ chùm*  *- Gân song song*  *- Thân cỏ, cột*  *- Phôi có một lá mầm.* | *- Rễ cọc*  *- Gân lá hình mạng*  *- Thân gỗ, cỏ leo*  *- Phôi có hai lá mầm* |

***Hoạt động 2 (15 phút): Quan sát một vài cây khác***.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS quan sát các cây mang đi và hoàn thành bảng:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Tên cây | Rễ | Thân | Gân lá | Thuộc lớp | | | 1 lá mầm | 2 lá mầm | |  |  |  |  |  |  |   - GV yêu cầu HS liên hệ thực tế:  + Tìm thêm một số đại diện của lớp 1 lá mầm và lớp hai lá mầm để phân tích.  - GV lưu ý cho HS: phần lớn các cây lương thực, thực phẩm đều là những cây thuộc lớp 1 lá mầm và lớp 2 lá mầm, chúng có ý nghĩa lớn đối với đời sống con người:  + Vậy chúng ta phải làm gì để bảo vệ các cây tmột lá mầm và hai lá mầm ? | - HS quan sát mẫu mang theo.  - Hoàn thành bảng.  - HS liên hệ thực tế, trả lời câu hỏi: |

***Kết luận:***

- Lớp một lá mầm và lớp hai lá mầm phân biệt nhau chủ yếu ở số lá mầm trong phôi.

- Ngoài ra còn một vài dấu hiệu phân biệt nữa như: kiểu rễ, kiểu gân lá, số cánh hoa, dạng thân…

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

- GV củng cố lại nội dung bài.

- Yêu cầu HS nhắc lại đặc điểm nhận biết cây 1 lá mầm và cây 2 lá mầm.

- Đánh giá giờ.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”.

- Đọc trước bài: Khái niệm sơ lược về phân loại thực vật

Tuần 29 Ngày soạn: 1/3/2017

Tiết 53 Ngày dạy: 14/3/2017

**Bài 43: KHÁI NIỆM SƠ LƯỢC VỀ PHÂN LOẠI THỰC VẬT**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biết được phân loại thực vật là gì?

- Nêu được tên các bậc phân loại ở thực vật và những đặc điểm chủ yếu của các ngành.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng vận dụng phân loại 2 lớp của ngành hạt kín.

**3. Thái độ**

- HS thấy được sự đa dạng và phong phú của giới thực vật thông qua các bậc phân loại và ý nghĩa của sự đa dạng phong phú đó với đời sống con người mà giáo dục cho HS ý thức bảo vệ sự đa dạng của giới thực vật.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát

- Năng lực thuyết trình

- Năng lực tự học.

**B. CHUẨN BỊ**

- Sơ đồ phân loại trang 141 SGK để trống.

- Các tờ bìa nhỏ ghi đặc điểm.

- HS chuẩn bị theo nội dung SGK.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (5 phút)**

- Đặc điểm chủ yếu để phân biệt lớp một lá mầm và lớp hai lá mầm?

**III. Bài mới**

**ĐVĐ(1 phút)**

- Cho HS điền từ vào chỗ chấm trong SGK. GV liên hệ đặt vấn đề tìm hiểu về phân loại thực vật.

***Hoạt động 1 (10 phút): Tìm hiểu phân loại thực vật***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV cho HS nhắc lại các nhóm thực vật đã học và đặt câu hỏi:  *+ Tại sao người ta xếp cây thông, trắc bách diệp vào một nhóm?*  *+ Tại sao tảo, rêu được xếp vào hai nhóm khác nhau?*  - GV cho HS đọc thông tin trong bài và trả lời: *Phân loại thực vật là gì?* | - HS nhắc lại kiến thức đã học.  - 1 HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS nêu khái niệm về phân loại thực vật. |

***Kết luận:***

- Phân loại thực vật là việc tìm hiểu sự giống và khác nhau giữa các dạng thực vật để phân chia chúng thành từng nhóm.

***Hoạt động 2 (10 phút): Các bậc phân loại***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV giới thiệu các bậc phân loại thực vật từ cao đến thấp:  Ngành – Lớp – Bộ – Họ – Chi – Loài  - GV giải thích:  + Ngành là bậc phân loại cao nhất  + Loài là bậc phân loại cơ sở. Các cây cùng loài có nhiều điểm giống nhau về hình dạng, cấu tạo.  VD: Họ cam có nhiều loài: bưởi, chanh, quất…  - GV giải thích cho HS hiểu “nhóm” không phải là một khái niệm được sử dụng trong phân loại.  - GV chốt lại kiến thức. | - HS tiếp thu nội dung.  - HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.  - HS nhận biết “nhóm” không là khái niệm được sử dụng trong phân loại. |

***Kết luận:***

- Các bậc phân loại:

Ngành – Lớp – Bộ – Họ – Chi – Loài

***Hoạt động 3 (13 phút): Các ngành thực vật***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS nhắc lại các ngành thực vật đã học đặc điểm nổi bật của các ngành đó.  - GV cho HS làm bài tập điền từ vào chỗ trống đặc điểm mỗi ngành (như SGV).  - GV treo sơ đồ câm cho HS gắn các đặc điểm của mỗi ngành.  - Chốt lại: Mỗi ngành thực vật có nhiều đặc điểm nhưng khi phân loại chỉ dựa vào những đặc điểm quan trọng nhất để phân biệt các ngành.  - Yêu cầu HS phân chia các ngành hạt kín thành 2 lớp.  - Giúp HS hoàn thiện đáp án.  - GV: qua bài học hôm nay em còn thấy thực vật đa dạng ở điểm nào?  + Vậy chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ sự đa dạng đó của giới thực vật? | - Cho 1-2 HS phát biểu.  - HS hoàn thành bài tập.  - HS chọn các tờ bìa đã ghi các đặc điểm gắn vào từng ngành cho phù hợp.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + Thực vật còn đa dạng thể hiện có nhiều ngành, nhiều lớp, nhiều bộ… loài.  - HS liên hệ thực tế nêu những biện pháp cần phải làm để bảo vệ sự đa dạng của giới thực vật: bảo vệ môi trường sống của thực vật, không chặt cây, bẻ cành, tuyên truyền cho những người khác để mọi người cùng nhau bảo vệ thực vât… |

***Kết luận:***

- Các ngành tảo

- Nhành rêu

- Ngành dương xỉ

- Ngành hạt trần

- Ngành hạt kín.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

- GV củng cố lại nội dung bài.

- Yêu cầu HS nhắc lại khái niệm phân loại thực vật.

- Đánh giá giờ.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc trước bài: Sự phát triển của giới thực vật.

Tuần 29 Ngày soạn: 01/3/2017

Tiết 54 Ngày dạy: 15/3/2017

**Bµi 45: nguån gèc c©y trång**

**a. Môc tiªu:**

**1.KiÕn thøc:**

HS x¸c ®Þnh ®­îc c¸c d¹ng c©y trång ngµy nay lµ kÕt qủa cña qu¸ tr×nh chän läc tõ nh÷ng c©y hoang d¹i.

**2.KÜ n¨ng:**

RÌn luyÖn cho hs kÜ n¨ng quan s¸t, ph©n tÝch, so s¸nh vµ ho¹t ®éng nhãm

**3. Th¸i ®é:**

Gi¸o dôc cho hs ý thøc b¶o vÖ c©y trång, vai trß cña viÖc thuÇn hãa.

**4. Năng lực:** quan sát, tri thức về cây trồng

**b. ChuÈn bÞ:**

GV: Tranh 45 sgk

HS: T×m hiÓu tr­íc bµi

**c. Ho¹t ®éng d¹y vµ häc.**

**I. Tæ chøc: 1ph**

**II. KiÓm tra: 4ph**

? Tr×nh bµy qu¸ tr×nh ph¸t triÓn cña giíi .

**III. Bµi míi: 34ph**

§Æt vÊn ®Ò:

Xung quanh ta rÊt nhiÒu c©y cèi, trong ®ã cã nhiÒu c©ymäc d¹i vµ c©y ®­îc trång. VËy gi÷a c©y trång vµ c©y d¹i cïng loµi cã quan hÖ víi, nhau nh­ thÕ nµo, vµ so s¸nh víi c©y d¹i, c©y trång cã g× kh¸c.

b. TriÓn khai bµi:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ho¹t ®éng thÇy trß** | **Néi dung** |
| - GV y/c hs t×m hiÓu □ vµ quan s¸t h×nh 45.1 sgk.  - HS c¸c nhãm th¶o luËn tr¶ lêi c©u hái ▽ môc 1 sgk.  - HS tr¶ lêi, nhËn xÐt, bæ sung  ? C©y trång cã nguån gèc tõ ®©u.  - HS tr¶ lêi, nhËn xÐt, bæ sung  - GV chèt l¹i kiÕn thøc  - GV y/c hs qs h×nh 45.1 vµ t×m hiÓu □ môc 2 sgk.  - C¸c nhãm hs th¶o luËn thùc ▽ môc 2 vµ hoµn thµnh b¶ng phô sgk.  - HS ®¹i diÖn nhãm tr×nh bµy kÕt qu¶  \* Dùa vµo b¶ng phô cho biÕt:  ? C©y trång kh¸c c©y hoang d¹i nh­ thÕ nµo.  ? Gi¶i thÝch v× sao cã sù kh¸c nhau ®ã  .- HS th¶o luËn theo bµn tr¶ lêi c©u hái  - HS tr¶ lêi, nhËn xÐt, bæ sung  - GV chèt l¹i kiÕn thøc  - GV y/c hs t×m hiÓu □ môc 3 sgk cho biÕt:  ? Muèn c¶i t¹o c©y trång chóng ta ph¶i lµm g×.  - HS th¶o luËn theo bµn tr¶ lêi c©u hái  - HS tr¶ lêi, nhËn xÐt, bæ sung  - GV chèt l¹i kiÕn thøc | **1. Nguån gèc c©y trång.**  - C©y trång b¾t nguån tõ c©y hoang d¹i.  - Tïy thuéc vµo môc ®Ých sö dông mµ tõ 1 lo¹i c©y hoang d¹i ban ®Çu con ng­êi ®· t¹o ra nhiÒu lo¹i c©y trång kh¸c xa víi tæ tiªn cña nã.  - VD: C¶i, chuèi, cam…  **2. C©y trång kh¸c c©y d¹i nh­ thÕ nµo.**  - C©y trång vµ c©y hoang d¹i kh¸c nhau chÝnh bé phËn mµ con ng­êic sö dông.  - C¸c bé phËn sö dông cña c©y trång tèt h¬n, chÊt l­îng h¬n.  **3. C¶i t¹o c©y trång.**  - Sö dông c¸c biÖn ph¸p: lai gièng, g©y ®ét biÕn,….®Ó c¶i t¹o ®Æc tÝnh di truyÒn.  - Chän nh÷ng biÕn ®æi cã lîi phï hîp víi nhu cÇu sö dông: qua nh©n gièng, ch¨m sãc….. 🠢 c©y trång tèt. |

**IV. KiÓm tra ®¸nh gi¸:5ph**

GV sö dông c©u hái cuèi bµi

**V. H­íng dÉn häc ë nhµ: 1 ph**

Häc bµi cò, tr¶ lêi c©u hái cuèi bµi

§äc môc em cã biÕt

Xem tr­íc bµi míi

**Bài 44: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA GIỚI THỰC VẬT**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được quá trình phát triển của giới thực vật từ thấp đến cao gắn liền với sự chuyển từ đời sống dưới nước lên cạn. Nêu được ba giai đoạn phát triển chính của giới thực vật.

- Nêu rõ được mối quan hệ giữa điều kiện sống với các giai đoạn phát triển của thực vật và sự thích nghi của chúng.

**2. Kĩ năng**

- Rèn quan sát, thảo luận nhóm, kĩ năng khái quát hoá.

**3. Thái độ**

- Môi trường trên cạn đã tạo ra sự đa dạng và tiến hoá của giới thực vật. Một điều cần chú ý là nhiều loài thực vật hiện nay đang bị khai thác quá mức và có nguy cơ tuyệt chủng làm giảm đi sự đa dạng của giới thực vật, từ đó giáo dục cho HS ý thức bảo vệ sự đa dạng của giới thực vật.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực thuyết trình

**B. CHUẨN BỊ**

- Tranh phóng to: sơ đồ phát triển của thực vật (hình 44.1)

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (5 phút)**

- Kể tên các ngành thực vật đã học và nêu đặc điểm chính của mỗi ngành đó?

**III. Bài mới**

**ĐVĐ (1 phút)**

- GV nêu vấn đề: Thực vật từ tảo tới hạt kín không xuất hiện cùng một lúc mà phải trải qua một quá trình lâu dài từ thấp đến cao liên quan đến điều kiện sống.

***Hoạt động 1 (18 phút) : Quá trình xuất hiện và phát triển của giới thực vật***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS quan sát hình 44.1, đọc kĩ các chú thích. Sắp xếp lại trật tự các câu cho đúng.  - Gọi HS đọc lại trật tự các câu, chỉnh lại nếu cần.  - Sau khi có trật tự đúng, cho 1-2 HS đọc lại đoạn câu đã sắp xếp.  - Tổ chức cho HS thảo luận 3 vấn đề:  *+ Tổ tiên của thực vật là gì? Xuất hiện ở đâu?*  *+ Giới thực vật đã tiến hoá như thế nào về đặc điểm cấu tạo và sinh sản?*  *+ Nhận xét gì về sự xuất hiện các nhóm thực vật mới với điều kiện môi trường sống thay đổi?*  - Nếu HS gặp khó khăn trong vấn đề 2, 3 GV gợi ý bằng các câu hỏi nhỏ.  *+ Vì sao thực vật lên cạn? Chúng có cấu tạo như thế nào để thích nghi với điều kiện sống mới?*  *+ Các nhóm thực vật đã phát triển hoàn thiện dần như thế nào?*  - GV bổ sung, hoàn thiện giúp HS thấy rõ quá trình xuất hiện và phát triển của giới thực vật. | - HS hoạt động cá nhân.  + Quan sát kĩ hình, đọc chú thích, sắp xếp lại trật tự.  - HS đọc lần lượt từng câu theo trật tự đúng: 1a, 2d, 3b, 4g, 5c, 6e.  - HS thảo luận nhóm, trao đổi ý kiến để trả lời 3 câu hỏi, ghi ra nháp.  - Đại diện nhóm phát biểu ý kiến,các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *Vấn đề 1*: Tổ tiên chung của thực vật là cơ thể sống đầu tiên có cấu tạo rất đơn giản, xuất hiện ở nước.  *Vấn đề 2*: Giới thực vật phát triển từ đơn giản đến phức tạp.  VD: Sự hoàn thiện của một số cơ quan: rễ giả ⭢ rễ thật, thân chưa phân nhánh ⭢ phân nhánh, sinh sản bằng bào tử ⭢ sinh sản bằng hạt.  *Vấn đề 3*: Khi điều kiện môi trường thay đổi ⭢ thực vật có những biến đổi thích nghi.  VD: Thực vật chuyển từ nước lên cạn ⭢ xuất hiện thực vật có rễ, thân, lá (thích nghi với điều kiện ở cạn).  - HS tự rút ra kết luận. |

***Kết luận:***

- Tổ tiên chung của thực vật là cơ thể sống đầu tiên.

- Xuất hiện dần từ dạng đơn giản nhất ⭢ phức tạp nhất, có cùng nguồn gốc và có quan hệ họ hàng.

- Khi điều kiện sống thay đổi, những thực vật nào không thích nghi sẽ bị đào thải và thay thế bởi những dạng thích nghi hoàn hảo hơn, do đó tiến hoá hơn.

***Hoạt động 2 (15 phút): Các giai đoạn phát triển của giới thực vật***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS quan sát hình 44.1 và trả lời câu hỏi:  *+ Ba giai đoạn phát triển của thực vật là gì?*  - GV phân tích:  + Giai đoạn 1: Đại dương là chủ yếu ⭢ tảo có cấu tạo đơn giản thích nghi với môi trường nước.  + Giai đoạn 2: Các lục địa mới xuấthiện ⭢thực vật lên cạn, có rễ, thân, lá.  + Giai đoạn 3: Khí hậu khô hơn, mặt trời chiếu sáng liên tục ⭢thực vật hạt kín có đực điểm tiến hoá hơn hẳn (noãn được bảo vệ trong bầu).  + Nhân tố nào đã tạo lên sự tến hoá của giới thực vật ?  - GV: nhiều loài thực vật hiện nay đang bị khai thác một cách cạn kiệt, dẫn tới làm tuyệt chủng một số loài thực vật, từ đó làm giảm sự đa dạng sinh học.  + Là HS em sẽ làm gì để bảo vệ các loài thực vật ? | - HS nêu tên 3 giai đoạn phát triển của thực vật, gọi HS bổ sung.  - HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.  - HS liên hệ thực tế trả lời câu hỏi. |

***Kết luận:***

- Giai đoạn 1: Xuất hiện thực vật ở nước.

- Giai đoạn 2: Các thực vật ở cạn lần lượt xuất hiện

- Giai đoạn 3: Sự xuất hiện và chiếm ưu thế của thực vật hạt kín.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

- GV củng cố lại nội dung bài.

- Yêu cầu HS nhắc lại quá trình xuất hiện và các giai đoạn phát triển của thực vật.

- Đánh giá giờ.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc trước bài 45.

Tuần 30 Ngày soạn: 7/3/2017

Tiết 55 Ngày dạy: 21/3/2017

CHƯƠNG IX – VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT

**Bài 46: THỰC VẬT GÓP PHẦN ĐIỀU HOÀ KHÍ HẬU**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

Khi học xong bài này HS:

- Giải thích được vì sao thực vật, nhất là thực vật rừng có vai trò quan trọng trong việc giữ cân bằng lượng khí CO2 và O2 trong không khí và do đó góp phần điều hoà khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát , phân tích.

**3. Thái độ**

- Từ vai trò to lớn của thực vật là làm giảm ô nhiễm môi trường , điều hoà khí hậu mà giáo dục cho HS ý thức bảo vệ thực vật, trồng cây ở vườn nhà, vườn trường, phủ xanh đất trống đồi trọc, tham gia tích cực vào sản suất nông nghiệp để tăng số lượng cây trồng , sản phẩm nông nghiệp làm giảm nhiệt đôn, tăng độ ẩm không khí, giữ ổn định hàm lượng khí cacbonic và oxi trong không khí.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực so sánh, phân tích.

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực thuyết trình

**B. CHUẨN BỊ**

- Tranh hình 46.1

- Một số tranh ảnh về nạn ô nhiễm môi trường.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (5 phút)**

- Nguồn gốc cây trồng?

- Cây trồng khác cây dại ở điểm nào?

**III. Dạy học bài mới**

**ĐVĐ(1 phút)**

- Như chúng ta đã biết thực vật nhờ có khả năng quang hợp mà có vai trò quan trọng trong việc tổng hợp thức ăn nuôi sống các sinh vật khác. Nhưng vai trò của thực vật không chỉ có thế, chúng còn có ý nghĩa to lớn trong việc điều hoà khí hậu, bảo vệ môi trường.

***Hoạt động 1 (17 phút): Vai trò của thực vật trong việc ổn định***

***lượng khí CO2 và O2 trong không khí***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV cho HS quan sát tranh vẽ (hình 46.1 SGK), chú ý mũi tên chỉ khí CO2 và O2.  *+ Việc điều hoà lượng khí CO2 và O2 đã được thực hiện như thế nào?*  *+ Nếu không có thực vật thì điều gì sẽ xảy ra?*  - Gọi 1-2 em trình bày ý kiến, GV bổ sung.  (Chú ý đến đối tượng HS trung bình).  - Nhờ đâu hàm lượng khí CO2 và O2 trong không khí được ổn định | - HS làm việc cá nhân: Quan sát hình vẽ và trả lời câu hỏi:  + Lượng O2 sinh ra trong quang hợp, được sử dụng trong quá trình hô hấp của thực vật, động vật, sự cháy.  + Ngược lại khí CO2 thải ra trong quá trình hô hấp và đốt cháy được thực vật sử dụng trong quang hợp.  + Nếu không có thực vật: lượng khí CO2 tăng và lượng khí O2 giảm ⭢ sinh vật không tồn tại được.  - HS thảo luận và rút ra kết luận. |

***Kết luận:***

- Lượng khí CO2 và O2 trong không khí được ổn định nhờ thực vật.

***Hoạt động 2 (16 phút): Thực vật giúp điều hoà khí hậu***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS lấy các VD về hiện tượng *ô nhiễm môi trường?*  *- Ô nhiễm môi trường là do đâu?*  - Từ đó yêu cầu HS suy nghĩ xem có thể dùng biện pháp sinh học nào làm giảm bớt ô nhiễm môi trường?  (GV có thể gợi ý HS đọc đoạn 🗆).  - GV: Với những vai trò to lớn đó của cây xanh đối với đời sống con người và môi trường tự nhiên, vậy:  + Là HS em đã và sẽ làm gì đê bảo vệ cây xanh? | - HS đưa ra các mẩu tin, tranh, ảnh chụp về nạn ô nhiễm môi trường.  ⭢ Thấy được hiện tượng ô nhiễm môi trường là do hoạt động sống của con người.  - HS đọc thông tin đoạn 🗆, thấy được sự cần thiết thồng nhiều cây xanh.  - HS lắng nghe, liên hệ thực tế trả lời câu hỏi.  + Không phá hoại cây xanh, tuyên truyền cho mọi người để hiểu được vai trò của cây xanh đối với đời sống con người và tự nhiên để từ đó mọi người cùng nhau bảo vệ cây xanh….. |

***Kết luận:***

- Những nơi có nhiều cây xanh như ở vùng rừng núi thường có không khí trong lành vì lá cây có tác dụng ngăn bụi, diệt một số vi khuẩn, giảm ô nhiễm môi trường.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

- GV củng cố lại nội dung bài.

- Yêu cầu HS nhắc lại vai trò của thực vật với khí hậu.

- Đánh giá giờ.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”.

- Đọc trước bài: Thực vật bảo vệ đất và nguồn nước.

**Tuần 30** Ngày soạn: 8/3/2017

**Tiết 56** Ngày dạy: 22/3/2017

**Bài 47: THỰC VẬT BẢO VỆ ĐẤT VÀ NGUỒN NƯỚC**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Giải thích được nguyên nhân gây ra những hiện tượng xảy ra trong tự nhiên (xói mòn, hạn hán, lũ lụt, từ đó thấy được vai trò của thực vật trong việc giữ đất bảo vệ nguồn nước.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát.

**3. Thái độ**

- Từ vai trò của thực vật giúp giữ đất, chống xói mòn, hạn chế ngập nụt, hạn, hán, giữ và điều hoà nước mà giáo dục cho HS có ý thức bảo vệ thực vật, trồng nhiều cây xanh.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực thuyết trình.

- Năng lực giải quyết vấn đề.

**B. CHUẨN BỊ**

- Tranh phóng to hình 47.1.

- Tranh ảnh về lũ lụt hạn hán.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (4 phút)**

- Vai trò của thực vật đối với việc điều hoà khí hậu

**III. Bài mới**

**ĐVĐ(1 phút)**

- Yêu cầu HS kể tên một số thiên tai trong những năm gần đây, nguyên nhân và hậu quả của nó? Vậy thực vậtc ó góp phần làm hạn chế tình trạng trên không? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu nội dung bài hôm nay.

***Hoạt động 1 (13 phút): Thực vật giúp giữ đất, chống xói mòn***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS quan sát tranh (hình 47.1) chú ý vận tốc nước mưa, suy nghĩ trả lời câu hỏi:  *+ Vì sao khi có mưa lượng chảy ở hai nơi khác nhau?*  *+ Điều gì sẽ xảy ra đối với đất ở trên đồi trọc khi có mưa? Giải thích tại sao?*  - Giáo viên bổ sung, hoàn thiện kiến thức.  - Cung cấp thêm thông tin về hiện tượng xói mòn lở ở bờ sông, bờ biển.  - Yêu cầu HS tự rút ra vai trò của thực vật trong việc giữ đất. | - HS làm việc độc lập: quan sát tranh, đọc thông tin và trả lời câu hỏi:  - 1-2 em phát biểu, các HS khác nhận xét, bổ sung.  + Lượng chảy của dòng nước mưa ở nơi có rừng yếu hơn vì có tán lá giữ nước lại 1 phần.  + Đồi trọc khi mưa đất bị xói mòn vì không có cây cản bớt tốc độ nước chảy và giữ đất.  - HS tự bổ sung kiến thức và rút ra kết luận về vai trò của thực vật. |

***Kết luận:***

- Thực vật, đặc biệt là rừng giúp giữ đất, chống xói mòn.

***Hoạt động 2 (13 phút): Thực vật góp phần hạn chế ngập lụt, hạn hán***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS nghiên cứu trả lời câu hỏi:  Nếu đất bị xói mòn ở vùng đồi trọc thì điều gì sẽ xảy ra tiếp theo?  - Cho HS thảo luận nhóm hai vấn đề:  *+ Kể một số địa phương bị ngập úng và hạn hán ở Việt Nam?*  *+ Tại sao có hiện tượng ngập úng và hạn hán ở nhiều nơi?*  - GV: Với những vai trò to lớn đó cảu thực vật:  + *Là HS em sẽ làm gì để bảo vệ thực vật?* | - HS nghiên cứu mục 🗆 SGK và trả lời:  + Hởu quả: nạn lụt ở vùng thấp. Hạn hán ở tại chỗ.  - Các nhóm trình bày thông tin, hình ảnh đã sưu tầm được ⭢ thảo luận nguyên nhân hiện tượng ngập úng và hạn hán.  ⭢ Đại diện nhóm phát biểu ý kiến ⭢ các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS liên hệ thực tế trả lời câu hỏi:  + Cần trồng nhiều cây xanh, bảo vệ cây xanh, tuyên truyền cho những người xung quanh để hiểu những vai trò to lớn của cây xanh và mọi người cùng nhau bảo vệ cây xanh… |

***Kết luận:***

- Thực vật đã góp phần hạn chế lũ lụt, hạn hán.

***Hoạt động 3 (8 phú): Thực vật góp phần bảo vệ nguồn nước ngầm***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS đọc thông tin SGK, tự rút ra vai trò bảo vệ nguồn nước của thực vật?  - GV chốt lại kiến thức. | - HS tự nghiên cứu thông tin và đưa ra nhận xét.  - 1 HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung. |

***Kết luận:***

- Thực vật góp phần bảo vệ nguồn nước ngầm.

**IV. Kiểm tra, đánh giá(5 phút)**

- GV củng cố lại nội dung bài.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”.

- Đọc trước bài 48.

**Tuần 31** Ngày soạn: 15/3/2017

**Tiết 57** Ngày dạy: 28/3/2017

**Bài 48: VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT ĐỐI VỚI ĐỘNG VẬT**

**VÀ ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nắm được một số VD khác nhau cho thấy thực vật là nguồn cung cấp thức ăn và nơi ở cho động vật.

- Hiểu được vai trò gián tiếp của thực vật trong việc cung cấp thức ăn cho con người thông qua VD cụ thể về dây truyền thức ăn (thực vật ⭢ Động vật ⭢ Con người).

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát, kĩ năng làm việc độc lập và theo nhóm.

**3. Thái độ**

- Từ vai trò quan trọng của thực vật đối với động vật nói chung và con người nói riêng mà giáo dục cho HS ý thức bảo vệ thực vật.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực giải quyết vấn đề.

**B. CHUẨN BỊ**

- Tranh phóng to hình 46.1, sơ đồ trao đổi khí.

- Tranh vẽ hoặc ảnh chụp phóng to với nội dung động vật ăn thực vật và động vật sống trên cây.

- HS: + Xem lại hình vẽ sơ đồ trao đổi khí (hình 46.1)

+ Sưu tầm tranh ảnh với nội dung thực vật là thức ăn và là nơi sống của động vật.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (4 phút)**

- Vai trò của thực vật trong việc bảo vệ đất và nguồn nước?

**III. Dạy học bài mới (1 phút)**

- Thực vật không những chỉ có vai trò quan trọng đối với tự nhiên như bảo vệ đất và nguồn nước, mà thực vật còn có vai trò to lớn đối với động vật và đời sống con người. Vậy vai trò đó được thể hiện như thế nào? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu nội dung bài hôm nay.

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1 (17 phút): Thực vật cung cấp oxi và thức ăn cho động vật***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS xem tranh hình 46.1 và tranh 48.1: Thực vật là thức ăn của động vật, làm bài tập SGK.  *+ Lượng oxi mà thực vật nhả ra có ý nghĩa gì đối với các sinh vật khác?*  *+ Làm bài tập nêu VD về động vật ăn thực vật, điền bảng theo mẫu SGK và rút ra nhận xét?*  - Cho HS thảo luận chung cả lớp.  - Nhận xét quan hệ giữa thực vật và động vật là gì?  - GV bổ sung, sửa chữa nếu cần.  - GV đưa thông tin về thực vật gây hại cho động vật (như SGK). | - HS trao đổi, thảo luận theo 3 câu hỏi ở mục 1.  - HS quan sát sơ đồ trao đổi khí ⭢ nói về vai trò của thực vật ⭢ thấy được nếu không có cây xanh thì động vật (và con người) sẽ chết vì không có oxi.  - HS tìm các VD về động vật ăn các bộ phận khác nhau của cây ⭢ điền đủ 5 cột trong bảng.  - Một vài HS trình bày, HS khác nhânj xét, bổ sung.  - Rút ra nhận xét về mối quan hệ giữa động vật và thực vật. |

***Kết luận:***

- Thực vật cung cấp oxi và thức ăn cho động vật.

***Hoạt động 2 (17 phút): Thực vật cung cấp nơi ở và nơi sinh sản cho động vật***.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Cho HS quan sát tranh thực vật là nơi sinh sống của động vật.  *+ Rút ra nhận xét gì?*  *+ Trong tự nhiên có động vật nào lấy cây làm nhà nữa không?*  - GV cho HS trao đổi chung ở lớp.  - GV bổ sung, sửa chữa nếu cần.  - Từ những vai trò trên, GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:  *+ Vậy với vai trò to lớn đó của thực vật, em cần làm gì để bảo vệ thực vật?* | - HS hoạt động nhóm.  + HS nhận xét được thực vật là nơi ở, làm tổ của động vật.  + HS trình bày tranh ảnh đã sưu tầm về động vật sống trên cây.  - HS khác bổ sung.  - HS tự tổng kết và rút ra nhận xét về vai trò thực vật cung cấp nơi ở cho động vật.  - HS trao đổi, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi. |

***Kết luận:***

- Thực vật cung cấp nơi ở và nơi sinh sản cho động vật.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

- GV củng cố lại nội dung bài.

- Yêu cầu HS làm bài tập 3 SGK.

- Đánh giá giờ.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”.

- Đọc trước bài 48 phần tiếp.

**Tuần 31** Ngày soạn: 15/3/2017

**Tiết 58** Ngày dạy: 29/3/2017

**Bài 48: VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT ĐỐI VỚI ĐỘNG VẬT**

**VÀ ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI (TIẾP)**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được tác dụng 2 mặt của thực vật đối với con người thông qua việc tìm được một số VD về cây có ích và một số cây có hại.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng trả lời câu hỏi theo biểu bảng.

**3. Thái độ**

- Từ những tác dụng to lớn của thực vật đời với đời sống con người mà giáo dục cho HS ý thức bảo vệ các loài thực vật lợi đồng thời đấu tranh loại bỏ nhừng loài cây có hại đến sức khoẻ con người như cây thuốc phiện, cây cần sa.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực thuyết trình.

- Năng lực giải quyết vấn đề.

**B. CHUẨN BỊ**

- Tranh ảnh cây thuốc phiện, cây cần sa.

- Phiếu học tập theo mẫu SGK.

- Một số hình ảnh hoặc mẩu tin về người mắc nghiện ma tuý để HS thấy tác hại.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (4 phút)**

- Vai trò của thực vật đối với động vật?

**III. Dạy học bài mới (1phút)**

- Thực vật không những có vai trò đối với động vật mà nó còn có vai trò quan trọng đối với đời sống con người. Vậy thực vật có vai trò gì đối với đời sống con người? Chúng ta cùng nhau tìm hiểu nội dung bài hôm nay.

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1 (17 phút): Những cây có giá trị sử dụng***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV nêu câu hỏi:  *+ Thực vật cung cấp cho chúng ta những gì dùng trong đời sống hàng ngày (không yêu cầu kể tên cây cụ thể)*  - Để phân biệt cây cối theo công dụng, người ta đã chia chúng thành các nhóm cây khác nhau.  - GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm, phát phiếu học tập.  - Trong khi HS làm bài tập, GV kẻ phiếu học tập lên bảng.  - Tổ chức thảo luận cả lớp.  - GV nhận xét bổ sung (nếu cần) có thể cho điểm nhóm làm tốt.  - Từ bảng trên, yêu cầu HS rút ra nhận xét các công dụng của thực vật.  - GV yêu cầu HS liên hệ thực tế:  + Với những tác dụng to lớn đó của thực vật đối với đời sống con người, là HS em cần làm gì để bảo vệ các loài cây có lợi này? | - HS có thể kể: cung cấp thức ăn, gỗ làm nhà, thuốc quý…  - HS thảo luận nhóm, điền phiếu học tập.  + Ghi tên cây  + Xếp loại theo công dụng.  - 1-2 HS đại diện các nhóm lên bảng tự ghi tên cây và đánh dấu cột công dụng.  - Các nhóm bổ sung, hoàn chỉnh phiếu.  - HS phát biểu, nhận xét.  - HS liên hệ thực tế trả lời câu hỏi, nêu các biện pháp để bảo vệ các loài thực vật nói chung và đặc biệt là những loài cây có lợi cho đời sống con người. |

***\* Kết luận:***

- Thực vật có công dụng nhiều mặt như: cung cấp lương thực, thực phẩm, gỗ…

+ Có khi cùng 1 câu nhưng có nhiều công dụng khác nhau, tuỳ bộ phận sử dụng.

***Hoạt động 2 (17phút): Những cây có hại cho sức khoẻ con người***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS đọc thông tin SGK, quan sát hình 48.3; 48.4 và trả lời câu hỏi:  *+ Kể tên cây có hại và tác dụng cụ thể của chúng?*  - GV phân tích: Với những cây có hại: nó có thể gây tác hại lớn khi dung liều lượng cao và không đúng cách.  - GV đưa ra một số hình ảnh người mắc nghiện ma tuý.  - HS trong lớp trao đổi về thái độ bản thân trong việc bài trừ những cây có hại và tệ nạn xã hội.  - GV tổng kết bài học. | - HS đọc thông tin, quan sát hình 48.3; 48.4 nhận biết cây có hại.  - HS có thể kể 3 cây có hại như SGK hoặc có thể kể thêm mọt số cây khác và nêu tác hại.  - HS khác bổ sung.  - HS trực tiếp thấy rõ tác hại.  - HS thảo luận đưa ra những hành động cụ thể:  + Chống sử dụng chất ma tuý.  + Chống hút thuốc lá… |

***Kết luận:***

- Những cây có hại cho sức khoẻ: thuốc lá, thuốc phiện… Cần hết sức cẩn thận trong khi khai thác và sử dụng.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5phút)**

- GV củng cố lại nội dung bài.

- Yêu cầu HS nhắc lại vai trò của thực vật đối với con người.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”.

**Tuần 32** Ngày soạn: 21/3/2017

**Tiết 59** Ngày dạy: 4/4/2017

**Bài 49: BẢO VỆ SỰ ĐA DẠNG CỦA THỰC VẬT**

**A. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức

Khi học xong bài này HS:

- Phát biểu được sự đa dạng của thực vật là gì?

- Hiểu được thế nào là thực vật quý hiếm và kể tên được một vài loài thực vật quý hiếm.

- Hiểu được hậu quả của việc tàn phá rừng, khai thác bừa bãi tài nguyên đối với tính đa dạng của thực vật.

- Nêu được các biện pháp chính để bảo vệ sự đa dạng của thực vật.

2. Kĩ nănng

- Rèn kĩ năng phân tích, khái quát, hoạt động nnanwng

3. Thái độ

- Từ việc thấy được sự đa dạng của thực vật Việt Nam, trong đó có nhiều loài có giá trị nhưng đang bị giảm sút do khai thác và môi trường sống của chúng bị tàn phá, nhiều loài trở lên hiếm từ đó giáo dục cho HS ý thức bảo vệ đa dạng thực vật nói chung và thực vật quý hiếm nói riêng.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực thuyết trình.

**B. CHUẨN BỊ**

- Tranh một số thực vật quý hiếm.

- Sưu tầm tin, ảnh về tình hình phá rừng, khai thác gỗ, phong trào trồng cây gây rừng…

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (4 phút)**

- Vai trò của thực vật đối với con người?

**III. Dạy học bài mới (1 phút)**

- Như SGK.

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1 (10 phút): Đa dạng của thực vật là gì?***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Cho HS: *Kể tên những thực vật mà em biết? Chúng sống ở đâu?*  - GV tổng kết ⭢ dẫn HS tới khái niệm đa dạng của thực vật là gì? | - HS thảo luận nhóm  + Một HS trình bày tên thực vật, HS khác bổ sung.  + Một HS nhận biết, chúng thuộc những ngành nào và những cây đó sống ở môi trường nào.  - HS nhận xét khái quát về tình hình thực vật ở địa phương. |

***Kết luận:***

- Sự đa dạng của thực vật biểu hiện bằng số lượng loài và cá thể của loài trong các môi trường sống tự nhiên.

***Hoạt động 2 (15 phút): Tình hình đa dạng của thực vật ở Việt Nam***

***a. Việt Nam có tính đa dạng cao về thực vật***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV yêu cầu HS đọc đoạn thông tin mục 2a.  - Thảo luận và trả lời câu hỏi:  *+ Vì sao nói Việt Nam có tính đa dạng cao về thực vật?*  - GV bổ sung, tổng kết lại về tính đa dạng cao của thực vật ở Việt Nam.  - GV yêu cầu HS tìm 1 số thực vật có giá trị về kinh tế và khoa học. | - HS đọc thông tin mục 2a, khái niệm mục 1.  - Thảo luận trong nhóm 2 ý:  + Đa dạng số lượng loài.  + Đa dạng về môi trường sống.  - Đại diện nhóm phát biểu ý kiến, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |

***b. Sự suy giảm tính đa dạng của thực vật ở Việt Nam***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV nêu vấn đề: ở Việt Nam trung bình mỗi năm bị tàn phá từ 100.000 – 200.000 ha rừng nhiệt đới.  - Cho HS làm bài tập sau:  Theo em những nhuyên nhân nào dẫn tới sự suy giảm tính đa dạng của thực vật.  (Hãy khoanh tròn vào số đầu câu cho từng trường hợp đúng)  1. Chặt phá rừng làm rẫy  2. Chặt phá rừng để buôn bán lậu  3. Khoanh nuôi rừng  4. Cháy rừng  5. Lũ lụt  6. Chặt cây làm nhà  - GV chữa bài nếu cần (đáp án: các nguyên nhân: 1, 2, 4, 6)  - Căn cứ vào kết quả bài tập hãy thảo luận nhóm ⭢ *nêu nguyên nhân của sự suy giảm tính đa dạng của thực vật và hậu quả?*  - GV bổ sung ⭢ chốt lại vấn đề.  - Cho HS đọc thông tin về thực vật quý hiếm và trả lời câu hỏi:  *+ Thế nào là thực vật quý hiếm?*  *+ Kể tên một vài cây quý hiếm mà em biết?*  - GV nhận xét, bổ sung (nếu cần). | - HS đọc thông tin mục 2a, khái niệm mục 1.  - Thảo luận trong nhóm 2 ý:  + Đa dạng số lượng loài.  + Đa dạng về môi trường sống.  - Đại diện nhóm phát biểu ý kiến, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS làm bài tập.  - 1-2 HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS thảo luận nhóm ⭢ phát biểu. Các nhóm bổ sung.  - HS đọc thông tin để trả lời 2 câu hỏi:  - 1-2 HS phát biểu ⭢ lớp bổ sung. |

***Kết luận:***

- Việt Nam có tính đa dạng về thực vật, trong đó có nhiều loại có giá trị kinh tế và xã hội và khoa học.

- Thực vật ở Việt Nam đang bị giảm sút do bị khai thác và môi trường sống bị tàn phá ⭢ nhiều loài trở lên hiếm.

***Hoạt động 3 (9 phút): Các biện pháp bảo vệ sự đa dạng của thực vật***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV đặt vấn đề:  *+ Vì sao phải bảo vệ sự đa dạng của thực vật?*  - Cho HS đọc các biện pháp bảo vệ sự đa dạng của thực vật.  - Yêu cầu HS nhắc lại 5 biện pháp.  *-* GV yêu cầu HS liên hệ thực tế, trả lời câu hỏi :  + Là HS em đã và sẽ làm gì để bảo vệ sự đa dạng của thực vật? | - Do nhiều loài cây có giá kinh tế bị khai thức bừa bãi…  - HS đọc các biện pháp ⭢ ghi nhớ.  - 1-2 HS nhắc lại 5 biện pháp.  - HS thảo luận:  VD: Tham gian trồng cây  Bảo vệ cây cối…  - HS liên hệ thực tế bản thân trả lời câu hỏi. |

***Kết luận:***

- SGK.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (5 phút)**

- GV củng cố lại nội dung bài.

- Yêu cầu HS nhắc lại tình hình đa dạng của thực vật ở Việt Nam và các biện pháp bảo vệ sự đa dạng của thực vật.

- Đánh giá giờ.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”.

- Đọc trước bài: Vi khuẩn.

**Tuần 32** Ngày soạn: 22/3/2017

**Tiết 60** Ngày dạy: 5/4/2017

CHƯƠNG X: VI KHUẨN- NẤM - ĐỊA Y

**Bài 50: VI KHUẨN**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- HS hiểu được một số đặc điểm của vi rút.

- Hiểu được các hình thức dinh dương của vi khuẩn.

- Nắm được sự phân bố của vi khuẩn

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát.

**3. Thái độ**

- Giáo dục ý thức giữ vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường để tránh tác hại của vi khuẩn gây ra.

- Giáo dục lòng yêu thích môn học.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực phân tích, so sánh.

- Năng lực thuyết trình

**B. CHUẨN BỊ**

- Tranh phóng to hình 50.1- 50.2 SGK.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (4 phút)**

- Các biện pháp bảo vệ sự đa dạng của thực vật?

**III. Dạy học bài mới (1 phút)**

- Về mùa nóng, thức ăn thường dễ bị ôi thiu là do hoạt động của những sinh vật hết sức nhỏ bé là các vi khuẩn, chúng có nhiều trong không khí và rơi vào trong thúc ăn. Vậy vi khuẩn có hình dạng, kích thước và cách dinh dưỡng như thế nào? Chúng ta cùng nhau nghiên cứu nội dung bài hôm nay.

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1 (13 phút): Tìm hiểu một số đặc điểm của vi khuẩn***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **a.** Hình dạng  - Cho HS quan sát tranh các dạng vi khuẩn ⭢ *vi khuẩn có những hình dạng nào?*  - HS có thể gọi vi khuẩn hình tròn, hình ngoằn ngoèo.  - GV chỉnh lại cách gọi tên cho chính xác.  - GV lưu ý dạng vi khuẩn sống thành tập đoàn tuy liên kết với nhau nhưng mỗi vi khuẩn vẫn là một đơn vị sống độc lập.  **b.** Kích thước  - GV cung cấp thông tin: vi khuẩn có kích thước rất nhỏ.  ( Một vài phần nghìn mm) phải quan sát dưới kính hiển vi có độ phóng đại lớn.  **c.** Cấu tạo  - Cho HS đọc thông tin phần cấu tạo SGK và trả lời câu hỏi:  *+ Nêu cấu tạo tế bào vi khuẩn?*  *+ So sánh với tế bào thực vật?*  - GV gọi 1 HS phát biểu, chốt lại kiến thức đúng.  - Gọi 1-2 HS nhắc lại hình dạng, cấu tạo, kích thước của vi khuẩn.  - GV cung cấp thêm thông tin một số vi khuẩn có roi nên có thể di chuyển được. | - HS hoạt động cá nhân, quan sát tranh, gọi tên từng dạng.  - 1-2 HS phát biểu.  + Vi khuẩn có nhiều hình dạng khác nhau như: hình cầu, hình que, hình dấu phẩy, hình xoắn.  - HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.  - HS tự nghiên cứu thông tin và trả lời câu hỏi:  + Nêu cấu tạo tế bào vi khuẩn:  Vách tế bào  Chất tế bào  Chưa có nhân hoàn chỉnh.  - Vi khuẩn khác tế bào thực vật: không có diệp lục và chưa có nhân hoàn chỉnh. |

***Kết luận:***

- Vi khuẩn là những sinh vật rất nhỏ bé, hình dạng khác nhau và cấu tạo đơn giản (chưa có nhân hoàn chỉnh).

***Hoạt động 2 (13 phút): Tìm hiểu cách dinh dưỡng của vi khuẩn***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS đọc thông tin SGK, GV nêu vấn đề: *Vi khuẩn không có diệp lục vậy nó sống bằng cách nào?*  - Có thể HS phát biểu lộn xộn, GV tổng kết lại.  - Giải thích cách dinh dưỡng của vi khuẩn:  + Dị dưỡng (chủ yếu)  + Tự dưỡng ( một số ít)  - Yêu cầu HS phân biệt hai cách dị dưỡng là: hoại sinh và kí sinh.  - GV cho lớp thảo luận ⭢ GV bổ sung, sửa chữa những sai sót…  - Chốt lại cách dinh dưỡng của vi khuẩn. | - HS đọc kĩ thông tin và trả lời được vấn đề dinh dưỡng của vi khuẩn.  - Gọi 1-2 HS phát biểu  (Dị dưỡng: sống bằng chất hữu cơ có sẵn)  - HS thảo luận ⭢ phân biệt hoại sinh với kí sinh.  - 1-2 HS phát biểu, lớp bổ sung.  + Hoại sinh: sống bằng chất hữu cơ có sẵn trong xác động, thực vật đang phân huỷ.  + Kí sinh: sống nhờ trên cơ thể sống khác. |

***Kết luận:***

- Vi khuẩn dinh dưỡng bằng cách dị dưỡng (hoại sinh hoặc kí sinh). Trừ một số có khả năng tự dưỡng.

***Hoạt động 3 (10 phút): Phân bố và số lượng***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS đọc thông tin SGK và trả lời câu hỏi:  Nhận xét về sự phân bố vi khuẩn trong tự nhiên?  - GV bổ sung, tổng kết lại.  - GV cung cấp thông tin: vi khuẩn sinh sản bằng cách phân đôi. Nếu gặp điều kiện thuận lợi chúng sinh sản rất nhanh.  - GV mở rộng thêm: khi điều kiện bất lợi (khó khăn về thức ăn và nhiệt độ), vi khuẩn kết bào xác.  - GV giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh cá nhân. | - HS đọc thông tin SGK, tự rút ra nhận xét.  - 1-2 HS phát biểu, các HS khác nhận xét bổ sung.  - HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức. |

***Kết luận:***

- Trong tự nhiên nơi nào cũng có vi khuẩn: trong đất, trong nước, trong không khí và trogn cơ thể sinh vật.

- Vi khuẩn có số lượng lớn.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (3 phút)**

- GV củng cố lại nội dung bài.

- Yêu cầu HS nhắc lại hình dạng, cấu tạo và cách di chuyển của vi khuẩn.

- Đánh giá giờ.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”

- Đọc trước phần 4, 5 SGK.

**Tuần 33** Ngày soạn: 29/3/2017

**Tiết 61** Ngày dạy: 11/4/2017

**Bài 50: VI KHUẨN (tiếp theo)**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Kể được các mặt có ích và có hại của vi khuẩn.

- Hiểu được những ứng dụng thực tế của vi khuẩn trong đời sống và sản xuất.

- Nắm được những nét đại cương về virut.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát.

**3. Thái độ**

- Giáo dục ý thức giữ vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường để tránh tác hại của vi khuẩn gây ra.

- Giáo dục lòng yêu thích môn học.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực thuyết trình

**B. CHUẨN BỊ**

- Tranh phóng to hình 50.3 - 50.4 SGK.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (4 phút)**

- Các biện pháp bảo vệ sự đa dạng của thực vật?

**III. Bài mới**

**ĐVĐ(1 phút)**

- Về mùa nóng, thức ăn thường dễ bị ôi thiu là do hoạt động của những sinh vật hết sức nhỏ bé là các vi khuẩn, chúng có nhiều trong không khí và rơi vào trong thúc ăn. Vậy vi khuẩn có hình dạng, kích thước và cách dinh dưỡng như thế nào? Chúng ta cùng nhau nghiên cứu nội dung bài hôm nay.

***Hoạt động 1 (20 phút): Vai trò của vi khuẩn***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **a.** *Vấn đề 1*: Tìm hiểu vai trò của vi khuẩn  - Yêu cầu HS quan sát kĩ hình 50.2, đọc chú thích và làm bài tập điền từ.  - GV có thể gợi ý cho HS 2 hình tròn: là vi khuẩn.  - GV chốt lại các khâu quá trình biến đổi xác động vật, lá cây rụng ⭢ vi khuẩn biến đổi thành muỗi khoáng ⭢ cung cấp lại cho cây.  - Cho 1 HS đọc thông tin đoạn 🗆 trang 162, thảo luận và trả lời:  *+ Vi khuẩn có vai trò gì trong tự nhiên và trong đời sống con người?*  (GV giải thích khái niệm cộng sinh)  - GV gọi 2 nhóm phát biểu, tổ chức thảo luận giữa các nhóm.  - GV sửa chữa, bổ sung.  - GV cho HS giải thích hiện tượng thực tế.  VD: Vì sao dưa, cà ngâm vào nước muối sau vài ngày hoá chua?  - GV chốt lại vai trò có ích của vi khuẩn.  **b.** *Vấn đề 2*: Tìm hiểu tác hại của vi khuẩn  - Yêu cầu HS thảo luận các câu hỏi:  *+ Hãy kể tên một vài bệnh do vi khuẩn gây ra?*  *+ Các loại thức ăn để lâu ngày dễ bị ôi thiu vì sao? Muốn thức ăn không bị ôi thiu phải làm như thế nào?*  - GV bổ sung, chỉnh lý các bệnh do vi khuẩn gây ra.  VD: Bệnh tả do vi khuẩn tả  Bệnh lao do trực khuẩn lao  - GV phân tích cho HS có những vi khuẩn có cả hai tác dụng (có ích và có hại) VD: vi khuẩn phân huỷ chất hữu cơ.  - Yêu cầu HS nêu hành động của bản thân phòng chống tác hạido vi khẩn gây ra. | - HS quan sát hình 50.2, đọc chú thích.  - Hoàn thành bài tập điền từ.  - 1-2 HS đọc bài tập, lớp nhận xét.  - Từ cần điền: Vi khuẩn, muối khoáng, chất hữu cơ.  - HS nghiên cứu mục thông tin, thảo luận trong nhóm hai nội dung.  + Vai trò của vi khuẩn trong tự nhiên  + Vai trò của vi khuẩn trong đời sống  - Đại diện nhóm phát biểu, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Trong tự nhiên:  + Phân huỷ chất hữu cơ thành chất vô cơ để cây sử dụng.  + Góp phần hình thành than đá, dầu lửa.  - Trong đời sống:  + Nông nghiệp: vi khuẩn cố định đạm ⭢ bổ sung nguồn đạm cho đất.  + Chế biến thực phẩm: vi khuẩn lên men.  + Vai trò trong công nghệ sinh học.  - HS thảo luận nhóm.  - Các nhóm trao đổi ⭢ ghi một số bệnh di vi khuẩn gây ra ở người (động vật, thực vật nếu biết).  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + Giải thích thức ăn bị ôi thiu là di vi khuẩn hoại sinh làm hỏng thức ăn.  - Muốn giữ thức ăn ⭢ ngăn ngừa vi khuẩn sinh sản bằng cách: giữ lạnh, phơi khô, ướp muối….  - HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.  - HS đưa ra ý kiến của mình. |

***Kết luận:***

- Vi khuẩn có vai trò trong tự nhiên và đời sống con người: phân huỷ chất hữu cơ thành chất vô cơ góp phần hình thành than đá, dầu lửa. Nhiều vi khuẩn ứng dụng trogn công nghiệp, nông nghiệp và chế biến thực phẩm.

- Ngoài ra còn có các vi khuẩn kí sinh gây bệnh cho người, nhiều vi khuẩn hoại sinh làm hỏng thực phẩm, gây ra ô nhiễm môi trường.

***Hoạt động 2 (15 phút): Sơ lược về virut***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - GV giới thiệu thông tin khái quát về các đặc điểm của virut.  - Yêu cầu HS *kể tên một vài bệnh do virut gây ra?*  - Yêu cầu HS đọc thông tin SGK.  - GV nhận xét  - Chốt lại kiến thức. | - HS nghe thông tin.  - Kể tên: HIV; cúm gà…  - HS đọc thông tin, rút ra nhận xét. |

***Kết luận:***

- Virut có kích thước rất nhỏ, chưa có cấu tạo tế bào, sống kí sinh bắt buộc và thường gây bệnh cho vật chủ.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (4 phút)**

- GV củng cố lại nội dung bài.

- Yêu cầu HS nhắc lại những tác hại của VR, VK với đời sống con người.

- Đánh giá giờ.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”

- Đọc trước bài: Mốc trắng và nấm rơm.

**Tuần 33** Ngày soạn: 29/3/2017

**Tiết 62** Ngày dạy: 12/4/2017

NẤM

**Bài 51: MỐC TRẮNG VÀ NẤM RƠM**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nắm được đặc điểm cấu tạo và dinh dưỡng của mốc trắng.

- Phân biệt được các phần của một nấm rơm.

- Nêu được các đặc điểm chủ yếu của nấm nói chung (về cấu tạo, dinh dưỡng, sinh sản).

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát.

- Kĩ năng so sánh, phân tích, làm việc theo nhóm.

**3. Thái độ**

- Giáo dục lòng yêu thích môn học.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực làm việc theo nhóm.

- Năng lực so sánh, phân tích.

**B. CHUẨN BỊ**

- Tranh phóng to hình 51.1; 51.3

- Mẫu: mốc trắng, nấm rơm.

- Kính hiển vi: phiến kính, kim mũi nhọn.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (7 phút)**

- Vai trò của vi khuẩn?

- Tác hại của vi khuẩn?

**III. Bài mới**

**ĐVĐ(1 phút)**

- Đồ đạc quần áo để nâu nơi ẩm thấp sẽ thấy xuất hiện những chấm đen, đó là do nấm mốc gây nên. Nấm mốc là tên gọi chung của nhiều loại mốc mà cơ thể rất nhỏ bé, chúng thuộc nhóm nấm. Nấm cũng gồm cả những loại lớn hơn, thường sống trên đất ẩm, rơm rạ hoặc thân cây gỗ mục

***Hoạt động 1 (17 phút): Mốc trắng***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **a.** Quan sát hình dạng cà cấu tạo của mốc trắng  - GV nhắc lại thao tác sử dụng kính hiển vi  - Hướng dẫn HS cách lấy mẫu mốc và yêu cầu quan sát về hình dạng, màu sắc, cấu tạo sợi mốc, hình dạng, vị trí túi bào tử.  (Nếu không có điều kiện có thể quan sát tranh).  - GV đưa thông tin về dinh dưỡng và sinh sản của mốc trắng.  **b.** Một vài loại mốc khác  - GV dùng tranh giới thiệu mốc xanh, mốc tương, mốc rượu.  - Yêu cầu HS: phân biệt các loại mốc này với mốc trắng.  - GV giới thiệu với HS quy trình làm tương.  - GV chốt lại kiến thức. | - HS hoạt động theo nhóm.  + Quan sát mẫu vật thật.  + Đối chiếu với hình vẽ.  - Nhận xét về hình dạng và cấu tạo.  - Đại diện nhóm phát biểu nhận xét, các nhóm khác bổ sung.  - yêu cầu:  + Hình dạng: dạng sợi phân nhánh  + Màu sắc: không màu, không có diệp lục  + Cấu tạo: Sợi mốc có chất tế bào, nhiều nhân, không có vách ngăn giữa các tế bào.  - HS quan sát tranh hình 51.2, nhận biết mốc xanh, mốc tương, mốc rượu. Nhận biết các loại mốc này trong thực tế.  + Mốc tương: màu vàng hoa cau ⭢ làm tương.  + Mốc rượu: Làm rượu  + Mốc xanh: màu xanh hay gặp ở vỏ cam, bưởi. |

***Kết luận:***

a. Mốc trứng

- Hình dạng: Sợi phân nhánh

- Màu sắc: Không màu, không có diệp lục

- Cấu tạo: Sợi mốc có chất tế bào, nhiều nhân, không có vách ngăn giữa các tế bào.

b. Một vài loại mốc khác

- Mốc tương: màu vàng hoa cau, làm tương.

- Mốc rượu: màu trắng dùng làm rượu

- Mốc xanh: màu xanh hay gặp ở vỏ cam, bưởi.

***Hoạt động 2 (15 phút): Nấm rơm***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS quan sát mẫu vật, đối chiếu với tranh vẽ (hình 51.3) phân biệt các phần của nấm.  - Gọi HS chỉ trên tranh và gọi tên từng phần của nấm.  - Hướng dẫn HS lấy một phiến mỏng dưới mũ nấm, đặt lên phiến kính, dầm nhẹ để quan sát bào tử bằng kính lúp.  - Yêu cầu HS: *nhắc lại cấu tạo của mũ nấm?*  - GV bổ sung, chốt lại cấu tạo.  - Gọi 1 HS đọc đoạn thông tin trang 167. | - HS quan sát mẫu nấm rơm, phân biệt:  + Mũ nấm, cuống nấm và sợi nấm.  + Các phiến mỏng dưới mũ nấm.  - Một HS chỉ các phần của nấm, lớp nhận xét, bổ sung.  - HS tiến hành quan sát bào tử nấm.  - Mô tả hình dạng.  - Một HS nhắc lại cấu tạo ⭢ HS khác bổ sung. |

***Kết luận:***

- Cơ thể nấm gầm những sợi không màu, 1 số ít có cấu tạo đơn bào (nấm men). Nhiều nấm có cơ quan sinh sản là mũ nấm. Nấm sinh sản chủ yếu bằng bào tử.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (4 phút)**

- GV củng cố lại nội dung bài.

- Yêu cầu HS nhắc lại cấu tạo của mốc trắng và nấm rơm.

- Đánh giá giờ.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc trước bài: Đặc điểm sinh học và tầm quan trọng của nấm.

**Tuần 34** Ngày soạn: 5/4/2017

**Tiết 63** Ngày dạy: 18/4/2017

**NẤM (TIẾP)**

**Bài 51: ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA NẤM**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biết được một vài điều kiện thích hợp cho sự phát triển của nấm, từ đó liên hệ áp dụng khi cần thiết.

- Nêu được một số VD về nấm có ích và nấm có hại đối với con người.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát.

- Kĩ năng vận dụng kiến thức giải thích các hiện tượng thực tế.

**3. Thái độ**

- Biết cách ngăn chặn sự phát triển của nấm có hại, phòng ngừa một số bệnh ngoài da do nấm.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực thuyết trình.

**B. CHUẨN BỊ**

- Tranh một số nấm ăn được, nấm độc.

- Mẫu vật: Nấm có ích: nấm hương, nấm rơm, nấm linh chi.

Một số bộ phận cây bị bệnh nấm.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (3 phút)**

- Đặc điểm cấu tạo của mốc trắng và nấm rơm?

**III. Bài mới**

**ĐVĐ(1 phút)**

- GV giới thiệu mục tiêu bài học…

***Hoạt động 1 (18 phút): Đặc điểm sinh học***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS thảo luận, trả lời 3 câu hỏi SGK  *+ Tại sao muốn gây mốc trắng chỉ cần để cơm ở nhiệt độ trong phòng và vẩy thêm ít nước?*  *+ Tại sao quần áo lâu ngày không phơi nắng hoặc để nơi ẩm thường bị nấm mốc?*  *+ Tại sao trong chỗ tối nấm vẫn phát triển được?*  - GV tổng kết lại, đặt câu hỏi:  *Nêu các điều kiện phát triển của nấm?*  - Yêu cầu HS đọc thông tin mục 2 và trả lời câu hỏi:  *+ Nấm không có diệp lục vậy nấm dinh dưỡng bằng những hình thức nào?*  - Cho HS lấy VD minh hoạ về nấm hoại sinh và nấm kí sinh. | - HS hoạt động nhóm, thảo luận trả lời câu hỏi:  - Yêu cầu nêu được:  + Bào tử nấm mốc phát triển ở nơi giàu chất hữu cơ, ấm và ẩm.  + Nấm sử dụng chất hữu cơ có sẵn.  - Các nhóm phát biểu, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Qua thảo luận trên lớp, HS tự rút ra các điều kiện phát triển của nấm.  - HS đọc thông tin ⭢ suy nghĩ để trả lời yêu cầu nêu được các hình thức dinh dưỡng: hoại sinh, kí sinh, cộng sinh.  + HS phát biểu, các HS khác nhận xét, bổ sung. |

***Kết luận:***

- Nấm là những cơ thể dị dưỡng (kí sinh hoặc hoại sinh), 1 số nấm cộng sinh chỉ sử dụng chất hữu cơ có sẵn và cần nhiệt độ, độ ẩm thích hợp để phát triển.

***Hoạt động 2 (18 phút): Tầm quan trọng của nấm***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **a.** Nấm có ích  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trang 169 và trả lời câu hỏi:  *+ Nêu công dụng của nấm? Lấy VD minh hoạ?*  - GV tổng kết lại công dụng của nấm có ích.  - Giới thiệu một vài nấm có ích trên tranh.  **b.** Nấm có hại  - Cho HS quan sát trên mẫu hoặc tranh: một số bộ phận cây bị bệnh nấm, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *+ Nấm gây những tác hại gì cho thực vật?*  - GV tổ chức thảo luận toàn lớp.  - GV tổng kết lại, bổ sung (nếu cần).  - Giới thiệu một vài nấm có hại gây bệnh ở thực vật.  - Yêu cầu HS đọc thông tin SGK và trả lời câu hỏi:  *+ Kể một số nấm có hại cho người?*  - Cho HS quan sát, nhận dạng một số nấm độc.  *+ Muốn phòng trừ các bệnh do nấm gây ra phải làm thế nào?*  *+ Muốn đồ đạc, quần áo không bị nấm mốc phải làm gì?* | - HS đọc bảng thông tin, ghi nhớ các công dụng.  - HS trả lời câu hỏi: Nêu được 4 công dụng.  - HS khác bổ sung.  - HS nhận dạng một số nấm có ích.  - HS quan sát nấm mang đi, kết hợp với tranh, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:  + Nêu được những bộ phận cây bị nấm.  + Tác hại của nấm.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Nấm kí sinh trên thực vật gây bệnh cho cây trồng làm thiệt hại mùa màng.  - HS đọc thông tin SGK trang 160- 170 và kể tên một số nấm gây hại.  - Yêu cầu kể được: nấm kí sinh gây bệnh cho người (hắc lào, lang ben,nấm tóc…)  Nấm độc ⭢ gây ngộ độc.  + HS phát biểu, lớp bổ sung.  - HS thảo luận đề ra các biện pháp cụ thể. |

***Kết luận:***

a. Nấm có ích

- Phân giải chất hữu cơ thành chất vô cơ.

- Sản xuất rượu bia, chế biến 1 số thực phẩm, làm men nở bột mì.

- Làm thức ăn.

- Làm thuốc.

b. Nấm có hại

- Nấm kí sinh gây bệnh cho sinh vật.

- Nấm mốc làm hỏng thức ăn, đồ dùng.

- Nấm độc gây ngộ độc, rối loạn tiêu hoá, làm tê liệt hệ thần kinh.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (4 phút)**

- GV củng cố lại nội dung bài.

- Yêu cầu HS nhắc lại tầm quan trọng và tác hại của nấm.

- Đánh giá giờ.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc trước bài: Địa y

**Tuần 34** Ngày soạn: 5/4/2017

**Tiết 64** Ngày dạy: 19/4/2017

**Bài 52: ĐỊA Y**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được địa y trong tự nhiên qua đặc điểm về hình dạng, màu sắc và nơi mọc.

- Hiểu được thành phần cấu tạo của địa y.

- Hiểu được thế nào là hình thức sống cộng sinh.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát.

- Kĩ năng hợp tác.

- Kĩ năng so sánh, phân tích

**3. Thái độ**

- Yêu thích môn học.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lự quan sát.

- năng lực hợp tác.

- Năng lực so sánh, phân tích

- Năng lực thuyết trình.

**B. CHUẨN BỊ**

- Mẫu địa y.

- Tranh hình dạng và cấu tạo của địa y.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (5 phút)**

- Nêu tầm quan trọng và tác hại của nấm?

**III. Bài mới**

**ĐVĐ(1 phút)**

- Nếu để ý nhìn trên thân các cây gỗ ta thấy có những mảng vảy màu xanh xám bám chạt vào vỏ cây. Đó chính là địa y. Vởy địa y là gì? Chúng có hình dạng, cấu tạo và vai trò như thế nào? Chúng ta cùng nhau nghiên cứu nội dung bài hôm nay.

***Hoạt động 1 (20 phút): Quan sát hình dạng, cấu tạo của địa y***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS quan sát mẫu, tranh hình 52.1; 52.2 và trả lời câu hỏi:  *+ Mẫu địa y em lấy ở đâu?*  *+ Nhận xét hình dạng bên ngoài của địa y?*  *+ Nhận xét về thành phần cấu tạo của địa y?*  - GV cho HS trao đổi với nhau.  - GV bổ sung chỉnh lý (nếu cần)  - Tổng kết lại hình dạng, cấu tạo của địa y.  - Yêu cầu HS đọc thông tin trang 171 và trả lời câu hỏi:  *+ Vai trò của nấm và tảo trogn đời sống địa y?*  *+ Thế nào là hình thức sống cộng sinh?*  - GV cho HS thảo luận, tổng kết lại khái niệm cộng sinh. | - HS hoạt động nhóm, quan sát mẫu địa y mang đi, đối chiếu với hình 51.1 và trả lời câu hỏi các ý 1,2. Yêu cầu nêu được:  + Nơi sống  + Thuộc dạng địa y nào. Mô tả hình dạng.  - Quan sát hình 52.2, nhận xét về cấu tạo,yêu cầu nêu được:  Cấu tạo gồm tảo và nấm.  - Gọi 1-2 nhóm khác bổ sung.  - HS tự đọc thông tin và trả lời câu hỏi. Yêu cầu nêu được:  + Nấm cung cấp muối khoáng cho tảo  + Tảo quang hợp, tạo chất hữu cơ và nuôi sống hai bên.  - Nêu khái niệm cộng sinh: là hình thức sống chung giữa hai cơ thể sinh vật (cả hai bên đều có lợi).  - 1-2 HS trình bày, lớp bổ sung. |

***Kết luận:***

- Hình dạng: Có hình vảy hoặc hình cành.

- Cấu tạo gồm những sợi nấm xen kẽ các tế bào tảo.

***Hoạt động 2 (15 phút): Vai trò***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| - Yêu cầu HS đọc thông tin mục 2 và trả lời câu hỏi:  *+ Địa y có vai trò gì trong tự nhiên?*  - GV tổ chức thảo luận lớp, tổng kết lại vai trò của địa y. | - HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi. Yêu cầu nêu được:  + Tạo thành đất  + Là thức ăn của hươu Bắc Cực  + Là nguyên liệu chế nước hoa, phẩm nhuộm…  - 1-2 HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung. |

***Kết luận:***

- Địa y có vai trò:

+ Tạo thành đất

+ Là thức ăn của hươu Bắc Cực

+ Là nguyên liệu chế nước hoa, phẩm nhuộm…

**IV. Kiểm tra, đánh giá (4 phút)**

- GV củng cố lại nội dung bài.

- Yêu cầu HS nhắc lại cấu tạo và vai trò của địa y.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK.

- Ôn tập các phần đã học để chuẩn bị nội dung ôn tập giờ sau.

**Tuần 35** Ngày soạn: 11/4/2017

**Tiết 65**  Ngày dạy: 25/4/2017

**BÀI TẬP**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- HS nắm được các kiến thức lí thuyết đã học vào việc làm một số bài tập, từ đó củng cố và khắc sâu thêm các kiến thức lí thuyết đã học.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng so sánh, phân tích, thảo luận nhóm.

**3. Thái độ**

- Yêu thích môn học.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lự quan sát.

- năng lực hợp tác.

- Năng lực so sánh, phân tích

- Năng lực thuyết trình.

**B. CHUẨN BỊ**

- Phiếu học tập.

**C. CÁC HOẠT ĐỘNG**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (4 phút)**

- Hãy cho biết Địa y có hình dạng và cấu tạo như thế nào?

**III. Dạy học bài mới (1 phút)**

- GV giới thiệu nội dung bài học: …

**2. Bài mới (39 phút)**

- GV chọn một số bài tập trong sách bài tập sinh học 6 NXB Giáo dục – 2007.

**Bài tập trang 61:** Hãy liệt kê vào bảng dưới đây tất cả những điểm khác biệt giữa hoa thụ phấn nhờ sâu bọ và hoa thụ phấn nhờ gió mà em biết.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đặc điểm | Hoa thụ phấn nhờ sâu bọ | Hoa thụ phấn nhờ gió |
| Bao hoa |  |  |
| Nhị hoa |  |  |
| Nhuỵ hoa |  |  |
| Đặc điểm khác |  |  |

**Bài tập trang 66:** Có thể dùng những cách nào để xác định hạt nhãn, hạt mít là hạt của cây hai lá mầm?

**Bài tập 5 trang 78:** Hãy hoàn thành bảng so sánh dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thực vật | Cơ quan sinh dưỡng | Cơ quan sinh sản | Thuộc nhóm thực vật |
| 1 | Tảo | Chưa có |  |  |
| 2 | Rêu | - Rễ:………..  - Thân………  - Lá………… |  |  |
| 3 | Cây đậu  (cây xanh có hoa) | Rễ, thân, lá thật |  |  |

Bìa tập 3 trang 83: Em hãy hoàn thành bảng so sánh dưới đây:

Bảng so sánh đặc điểm cấu tạo và sinh sản của cây thông và cây dươn xỉ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tên thực vật | Cơ quan sinh dưỡng | Cơ quan sinh sản | Nhận xét |
| Dương xỉ  (Quyết) | - Thân, rễ, lá thật  - Có mạch dẫn | - Cơ quan sinh sản bằng…………  - Bào tử nảy mầm thành…….. chứa tinh tr ùng và trứng | - Thân, lá đa dạng  - Boà tử hình thành trước lúc thu tinh |
| Thông  (Hạt trần) | -……………….  -………………. | - Sinh sản bằng…….  Nằm lộ trên các……  - Cơ quan sinh sản là nón : nón đực mang túi phấn chứa các......... và nón cái mang lá noãn chứa các ......... | - Thân gỗ có mạch dẫn  - Sau ………noãn  Phát triển thành hạt (hạt hở) |

**Bài tập 1 trang 84 :** Hãy đánh dấu x vào đầu câu trả lời đúng nhất :

- Tính chất đặc trưng nhất của các cây hạt kín là :

a. Sống trên can.

b. Có rễ, thân, lá.

c. Sinh sản bằng hạt.

d. Có hoa, quả, hạt nằm trong quả.

- Các cây hạt kín rất khác nhau thể hiện ở :

e. Đặc điểm hình thái cơ quan sinh dưỡng.

g. Đặc điểm hình thái cơ quan sinh sản.

h. Cả a và b.

Bài tập 4 trang 86: Hãy đánh dấu x vào đầu câu trả lời đúng:

- Đặc điểm của các cây một lá mầm là:

a. Hệ rễ cọc, kiểu gân lá song song hay hình cung, phôi có một lá mầm.

b. Hệ rễ cọc, kiểu gân lá hình mạng, phôi có một lá mầm.

c. Hệ rễ chùm, kiểu gân lá song song hay hình cung, phôi có một lá mầm.

d. Hệ rễ chùm, kiểu gân lá song song hay hình cung, phôi có hai lá mầm.

- Trong các nhóm cây sau đây, nhóm nào gồm toàn cây một lá mầm:

e. Cây cà chua, cây ớt, cây tranh.

g. Cây phượng vĩ, cây đậu xanh, cây cải.

h. Cây lúa, cây ngô, cây hành.

i. Cây ổi, cây dừa, cây mướp.

- Trong các nhóm cây sau đây, nhóm nào gồm toàn cây hai lá mầm:

k. Cây xoài, cây ớt, cây hoa hồng.

l. Cây mía, cây lúa, cây ổi.

m. Cây bưởi, cây đậu, cây mít.

n. Cây hành, cây cải, cây tre.

**IV. Kiểm tra, đánh giá**

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Hoàn thành các bài tập trong sách bài tập.

- Ôn lại toàn bộ kiến thức đã học trong HK II để tiết sau ôn tập.

**Tuần 35** Ngày soạn: 12/4/2017

**Tiết 66** Ngày dạy: 26/4/2017

**ÔN TẬP**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Củng cố, ôn tập các kiến thức đã học.

- Nhận biết rõ các đặc điểm có trên tranh liên quan đến thực tế.

**2. Kĩ năng**

- Có kĩ năng quan sát, so sánh, nhận biết.

**3. Thái độ**

- Có thái độ yêu thích môn học.

**4. năng lực hình thành**

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực quan sát.

- Năng lực thuyết trình, giải quyết vấn đề.

**B. CHUẨN BỊ**

- GV: Tranh ảnh có liên quan đến nội dung ôn tập.

- HS: Sự chuẩn bị theo nội dung đã dặn.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh**

- Kết hợp khi ôn.

**B. Giới thiệubài (1 phút)**

- GV giới thiệu mục tiêu của tiết học.

**2. Bài mới (39 phút)**

- GV hướng dẫn HS ôn tập theo từng nội dung từng chương của bài

- GV có thể dựa vào các câu hỏi cuối nộidung từng bài để yêu cầu HS trả lời và kết hợp gọi HS lên chỉ trên tranh hoặc cho HS ôn tập theo nội dung chương.

***\* Tiến hành***

***Chương VII: Quả và hạt***

- Các loại quả:

+ Quả khô

+ Quả mọng

- Hạt và các bộ phận của hạt

- Phát tán của quả và hạt

- Những điều kiện cần cho hạt nảy mầm

- Tổng kết về cây có hoa

***Chương VIII: Các nhóm thực vật***

- Tảo

- Rêu – cây rêu

- Quyết – cây dương xỉ

- Hạt trần – cây thông

- Hạt kín, đựac điểm của thực vật hạt kín

- Lớp 2 lá mầm, 1 lá mầm

- Phân loại thực vật

- Sự phát triển của giới thực vật

- Nguồn gốc cây trồng

( Ôn lại đặc điểm cấu tạo, điều kiện sống)

***Chương IX: Vai trò của thực vật***

- Thực vật : + Đối với môi trường

+ Đối với động vật

+ Đối với von người

- Sự đa dạng của thực vật

***Chương X: Vi khuẩn- Nấm - Địa y***

- Đặc điểm cấu tạo

- Kích thước

- Nơi sống

- Vai trò

- Gọi từng HS lên bảng trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét.

- GV nhận xét các câu trả lời của HS và chốt lại kiến thưc.

**IV. Kiểm tra, đánh giá (4 phút)**

- GV củng cố lại nội dung bài.

- Nhấn mạnh các kiến thức trọng tâm.

- Đánh giá giờ.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà (1 phút)**

- Hướng dẫn HS ôn tập.

- Chuẩn bị nội dung kiểm tra học kì II.

**Tuần 37**  Ngày soạn: 29/4/2017

**Tiết 67** Ngày dạy: 09/5/2017

**KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

- Kiểm tra kiến thức của HS phần sinh vật và môi trường

- Thấy được ưu nhược điểm về tiếp thu kiến thức của HS, đánh giá năng lực nhận thức, ý thức học tập của HS giúp GV phân loại HS.

- Phát huy tính tự giác, thật thà của HS.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- Chuẩn bị đề photo.

- Chuẩn bị kiến thức.

**III. TIẾN TRÌNH TRÌNH BÀI GIẢNG**

**A. Ổn định lớp**

**B. Đề bài**

**I. MA TRẬN ĐỀ KIẺM TRA**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Đánh giá  KiếnThức | ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | **Vận dụng** | |
| ***Thấp*** | ***Cao*** |
| **1. Quả và hạt**  **Hạt 5 *tiết)***  ***1 câu***  ***2 điểm*** | - Các bộ phận của hạt. | - áp dụng những điều kiện cần cho hạt nảy mầm vào sản suất. |  |  |
| ***Tỉ lệ: 20%*** | ***1 điểm = 50%*** | ***1 điểm = 50%*** |  |  |
| **2. Các nhóm thực vật**  **(*10 tiết)***  ***2 câu***  ***4 điểm*** | - Những đặc điểm của cây hạt kín. | - Phân biệt lớp một lá mầm với lớp hai lá mầm. |  |  |
| ***Tỉ lệ: 40%*** | ***2 điểm = 50%*** | ***2 điểm = 50%*** |  |  |
| **3. Vai trò của thực vật**  ***(5 tiết)***  ***1 câu***  ***2 điểm*** | - Vai trò của thực vật với việc điều hoà khí hậu. |  |  | - Từ những vai trò to lớn của thực vật với tự nhiên và đời sống con người từ đó giải thích được không có thực vật thì không có con người. |
| ***Tỉ lệ: 20%*** | ***1 điểm = 50%*** |  |  | ***1 điểm = 50%*** |
| **4. Vi khuẩn, nấm, địa y**  **(10 tiết)**  **1 câu**  **2 điểm** |  |  | - Giải thích được hiện tượng quần áo ẩm mốc, xuất hiện do nấm.  - Đề ra những biện pháp tránh hiện tượng quần áo ẩm mốc. |  |
| ***Tỉ lệ: 20%*** |  |  | ***1 điểm = 100%*** |  |
| **Tổng** | **4 điểm** | **3 điểm** | **2 điểm** | **1 điểm** |

**II. NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA**

**Cõu 1:*****(2,0 điểm)***

Hạt cấu tạo gồm những bộ phận nào? Vận dụng kiến thức về điều kiện nảy mầm của hạt trong sản xuất như thế nào ?

**Cõu 2**:***(2,0 điểm)***

Nêu đặc điểm của cây hạt kín?

**Cõu 3**: (***2 điểm)***

Hóy phõn biệt đặc điểm của lớp 1 lỏ mầm với lớp 2 lỏ mầm?

**Cõu 4:** (***2 điểm)***

Thực vật cú vai trũ gỡ đối với việc điều hũa khớ hậu? Tại sao người ta nói nếu không có thực vật thỡ cũng khụng cú loài người?

**Cõu 5:** ***(2,0 điểm)***

Vào thời tiết ẩm thấp Lan sơ ý để quên áo đồng phục đó mặc vào gúc tủ, mấy hụm sau nhớ ra Lan lấy ra giặt thỡ thấy chiếc ỏo xuất hiện những chấm đen. Lan không hiểu tại sao áo của mỡnh lại bị như vậy. Bằng kiến thức đó học em hóy cho biết cỏc chấm đen đó là gỡ, tại sao lại xuất hiện trờn quần ỏo của Lan? Muốn quần áo không bị như áo của bạn Lan em phải làm gỡ ?

**III. HƯỚNG DẪN CHẤM Đ Ề KIỂM TRA**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cõu | Đáp án | | Điểm |
| 1a | **Cấu tạo của hạt.** | Lỏ mầm  Thõn mầm | ***0,25***  ***0,25*** |
| Chồi mầm  Rễ mầm | ***0,25***  ***0,25*** |
| 1b | **Vận dụng kiến thức về điều kiện nảy mầm của hạt trong sản xuất** | - Cày đất tơi xốp, gieo đúng thời vụ, chọn hạt tốt  - Chống hạn, chống úng, chống rét; chăm sóc hạt gieo | ***0,5***  ***0,5*** |
| 2 | **Đặc điểm của cây hạt kín:** | CQSD phát triển đa dạng | ***0,5*** |
| Trong thõn cú mạch dẫn | ***0,5*** |
| CQSS hoa, quả, hạt. Hạt nằm trong quả | ***0,5*** |
| Mụi trường sống đa dạng | ***0,5*** |
| 3 | Lớp 1LM | Lớp 2LM |  |
| Rễ chựm | Rễ cọc | ***0,5*** |
| Thõn cỏ, cột | Thõn cỏ, gỗ…. | ***0,5*** |
| Hoa 3, 6 cỏnh  Phụi cú 1 lỏ mầm | Hoa 4, 5 cỏnh  Phụi cú 2 lỏ mầm | ***1*** |
| 4 | **Vai trũ của thực vật đối với việc điều hũa khớ hậu:** | Nhờ tỏc dụng cản bớt ỏnh sỏng | ***0,25*** |
| Tốc độ gió | ***0,25*** |
| Thực vật cú vai trũ trong việc điều hũa khớ hậu | ***0,25*** |
| Tăng lượng mưa của khu vực. | ***0,25*** |
| **Không có thực vật cũng không có loài người vỡ:** | - Người sẽ không có thức ăn.  - Người sẽ bị thiếu oxi để thở. | ***0, 5***  ***0, 5*** |
| 5 | + Quần áo để nơi ẩm thấp xuất hiện những chấm đen đó là mốc trắng vỡ :  + Muốn quần áo không bị nấm mốc phải làm như sau : | Trong không khí có những bào tử mốc trắng. Khi rơi vào quần áo để lâu ngày ẩm thấp là điều kiện thuận lợi cho mốc trắng phát triển làm xuất hiện những chấm đen trên quần áo  - Thường xuyên giặt sạch quần áo  - Phơi quần áo ra nắng  - Để quần áo ở nơi khô, sạch sẽ. | 1 |

**D. Củng cố**

- GV củng cố nhận xét.

- Chữa bài nếu còn thời gian.

**V. Hướng dẫn học bài ở nhà.**

- Ôn lại các kiến thức đã học trong chương trình sinh học 6, chuẩn bị các dụng cụ cần thiết (như trong SGK) để tiến hành tham quan thiên nhiên.

**Tuần 36**  Ngày soạn: 20/4/2017

**Tiết 68** Ngày dạy: 3/5/2017

**Bài 53:** **THỰC HÀNH - THAM QUAN THIÊN NHIÊN**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Xác đinh đựơc nơi sống, sự phân bố của các nhóm thực vật chính.

- Quan sát đặc điểm hình thái để nhận biết đại diện của một số ngành thực vật chính.

- Củng cố và mở rộng kiến thức về tính đa dạng và thích nghi của thực vật trong điều kiện sống cụ thể.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát, thực hành, làm việc độc lập và theo nhóm.

**3. Thái độ**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, bảo vệ cây xanh.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực thực hành.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: địa điểm tham quan.

+ Dự kiến phân công nhóm, nhóm trưởng.

- HS: ôn tập kiến thức có liên quan.

+ Chuẩn bị dụng cụ theo nhóm (như SGK trang 173-174).

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (6 phút)**

- GV kiểm tra sự chuẩn bị của các nhóm.

**III. Dạy học bài mới (1 phút)**

- Chúng ta đã quan sát nghiên cứu các cơ quan của thực vật có hoa như: rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt. Qua nghiên cứu các nhóm sinh vật từ đơn giản đến phức tạp, nhưng chúng ta chưa quan sát chúng trong thiên nhiên, chưa biết chúng phân bố như thế nào và thích nghi ra sao trong các điều kiện sống cụ thể. Buổi tham quan thiên nhiên sẽ giúp các em củng cố và mở rộgn kiến thức về đa dạng và thích nghi của thực vật trọng thiên nhiên, các em sẽ yêu quí và bảo vệ thực vật, say mê nghiên cứu tìm hiểu thế giới thực vật đa dạng và phong phú.

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1 (31 phút): Quan sát ngoài thiên nhiên***

\* GV chia lớp thành 3 nhóm, nêu mục đích, yêu cầu của bài thực hành.

\* Nội dung quan sát:

- Quan sát hình thái của thực vật, nhận xét đặc điểm thích nghi của thực vật.

- Nhận dạng thực vật, xếp chúng vào nhóm.

- Thu thập mẫu vật.

\* Ghi chép ngoài thiên nhiên: GV chỉ dãn các yêu cầu về nội dung phải ghi chép.

\* Cách thực hiện.

*a. Quan sát hình thái một số thực vật*

+ Quan sát: rễ, thân, lá, hoa, quả.

+ Quan sát hình thái của các cây sống trong các môi trường: cạn, nước...tìm đặc điểm thích nghi.

+ Lấy mẫu cho vào túi nilon. Lưu ý HS khi lấy mẫu gồm các bộ phận:

Hoa hoặc quả

Cành nhỏ (đối với cây)

Cây (đối với cây nhỏ)

→ buộc nhãn, tên cây để tránh nhầm lẫn (HS chỉ lấy mẫu ở những cây mọc dại).

*b. Nhận dạng thực vật, xếp chúng vào nhóm*

- Xác định tên một số cây quen thuộc.

- Vị trí phân loại: tới lớp đối với thực vật hạt kín, tới ngành đối với các ngành rêu, dương xỉ, hạt trần...

*c. Ghi chép*

- Ghi chép các điều quan sát đựơc.

- Thống kê vào bảng kẻ sẵn.

**D. Kiểm tra - đánh giá (5 phút)**

- Nhận xét, đánh giá các nhóm. Tuyên dương các nhóm tích cực.

- Yêu cầu HS viết báo cáo thu hoạch theo mẫu SGK trang 173.

**E. Hướng dẫn về nhà (2 phút)**

- Hoàn thiện báo cáo thu hoạch.

- Tập làm mẫu cây khô (cách làm theo hướng dẫn trong SGK).

- Ôn lại các kiến thức phần *các cơ quan sinh dưỡng* để tiết sau tiến hành quan sát trong thiên nhiên.

**Tuần 37**  Ngày soạn: 28/4/2017

**Tiết 69** Ngày dạy: /5/2017

**Bài 53:** **THỰC HÀNH - THAM QUAN THIÊN NHIÊN (TIẾP)**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Quan sát đặc điểm hình thái và nhận biết được các biến dạng của rễ, thân, lá trong tự nhiên.

- Nắm được mối quan hệ giữa thực vật với thực vật và giữa thực vật với các sinh vật khác trong khu vực quan sát.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát, thực hành, làm việc độc lập và theo nhóm.

**3. Thái độ**

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, bảo vệ cây xanh.

**4. Năng lực hình thành**

- Năng lực quan sát.

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực thuyết trình.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: địa điểm tham quan.

+ Dự kiến phân công nhóm, nhóm trưởng.

- HS: ôn tập kiến thức có liên quan.

+ Chuẩn bị dụng cụ theo nhóm (như SGK trang 173-174).

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (7 phút)**

- GV kiểm tra sự chuẩn bị của các nhóm.

**III. Dạy học bài mới (1 phút)**

- GV giới thiệu nội dung buổi thực hành.

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1 (38 phút): Quan sát nội dung tự chọn***

- GV yêu cầu 3 nhóm tiến hành các nội dung quan sát như sau:

+ Nhóm 1: Quan sát biến dạng của rễ, thân, lá.

+ Nhóm 2: Quan sát mối quan hệ giữa thực vật với thực vât và giữ thực vật với độgn vật.

+ Nhóm 3: Nhận xét sự phân bố của thực vật trong khu vực tham quan.

VD: Để quan sát mối quan hệ giữa thực vật với thực vât và giữa thực vật với động vật. Ta quan sát các vấn đề sau:

. Hiện tượng cây mọc trên cây: rêu, lưỡi mèo, tai chuột...

. Hiện tượng cây bóp cổ: cây si, đa, đề...

. Quan sát thực vật sống kí sinh: tầm gửi, tơ hồng...

. Quan sát hoa thụ phấn nhờ sâu bọ.

→ Rút ra nhận xét. Về mối quan hệ giữa thực vật với thực vât và giữ thực vật với động.

- GV chú ý giải thích các thắc mắc của HS trong khi thực hành.

**D. Kiểm tra - đánh giá (6 phút)**

- Nhận xét, đánh giá các nhóm. Tuyên dương các nhóm tích cực.

- Yêu cầu HS viết báo cáo.

**E. Hướng dẫn về nhà (3 phút)**

- Hoàn thiện báo cáo thu hoạch để báo cáo trước lớp.

- Hoàn thiện các mẫu khô tự làm.

**Tuần 38**  Ngày soạn: 10/5/2017

**Tiết 70** Ngày dạy: /5/2017

**Bài 53:** **THỰC HÀNH - THAM QUAN THIÊN NHIÊN (TIẾP)**

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

- HS báo cáo kết quả sau khi tiến hành tham quan thiên nhiên từ đó GV nắm được ý thức làm việc cũng như sự vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế của HS.

- Rèn kĩ năng thuyết trình, thảo luận nhóm.

- Giáo dục lòng yêu thiên nhiên.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

- GV: địa điểm tham quan.

+ Dự kiến phân công nhóm, nhóm trưởng.

- HS: ôn tập kiến thức có liên quan.

+ Chuẩn bị dụng cụ theo nhóm (như SGK trang 173-174).

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**I. Tổ chức lớp. II. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh**

**III. Dạy học bài mới**

**2. Bài mới**

***Hoạt động 1: Thảo luận toàn lớp***

- GV yêu cầu dại diện các nhóm trình bày kết quả quan sát được sau hai tết thực hành, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV giải đáp các thắc mắc của HS (nếu có).

- GV yêu cầu HS nộp các mẫu khô tự làm.

**D. Kiểm tra - đánh giá**

- Nhận xét, đánh giá ưu nhược điểm của các nhóm. Tuyên dương cho điểm các nhóm làm tốt, tích cực.

**E. Hướng dẫn về nhà**

- Tiếp tục làm thêm một số mẫu khô.

- Ôn lại toàn bộ các kiến thức đã học.